

CHIÊM SÁT THIỆN ÁC NGHIỆP BÁO KINH GIẢNG KÍ (Quyển Hạ)

Quyển hạ giảng về “Nhất thật cảnh giới” và “Nhị chủng quán hạnh”, cũng chính là giảng về nhất tâm nhị môn. “Nhất thật cảnh giới” là nhất tâm; còn nhị môn gồm Chân Như môn và Sanh Diệt môn. Chân Như môn giảng về “thể tánh”, Sanh Diệt môn giảng về “diệu dụng”. Những cảnh giới được giảng trong quyển thượng đều là y cứ vào chân tâm chân thật mà khởi dụng, do vậy duyên khởi của nó lại hồi quy về chân tâm. Cảnh giới này là cảnh giới trong vô cảnh giới, là diệu hữu mà phi hữu, tức thị tánh không, nghĩa lý này rất khó hiểu.

Quyển thượng là đối với người độn căn, nghiệp chướng nặng nề, thiện căn cạn mỏng, tâm nghi hoặc nặng, không sanh được tâm tịnh tín. Do vậy mà ngài Kiên Tịnh Tín Bồ Tát liền khai thỉnh Địa Tạng Bồ Tát pháp luân tướng này. Pháp luân tướng là một loại phương pháp, chúng ta phải biết đây là pháp môn phương tiện để tiêu trừ nghi hoặc, chướng ngại và thâm nhập vào Phật đạo.

Phật đạo ở đây là gì? Chính là tâm đạo của chính mình, tâm tức là Phật. Mọi người nói tin Phật, có người thật sự tin Phật nhưng không hiểu được tin Phật là tin chính mình. Phật được gọi là “Phật Đà Da”, dịch thành “Giác”, hoặc là “Minh bạch”, là chân thật hiểu rõ, chân thật giác ngộ; cũng là tự giác giác tha, giác hạnh viên mãn, đây chính là Phật. Tuy chúng ta đối với tự thể, tướng, dụng không thể làm gì nhưng vẫn cùng một thể với chư Phật. Cho nên trong quyển thượng, ngài Kiên Tịnh Tín Bồ Tát đã cầu khai thị, dạy chúng ta phải trừ chướng ngại, đây chỉ là bước đầu mà thôi.

爾時堅淨信菩薩摩訶薩問地藏菩薩摩訶薩言：「云何開示求向大乘者進趣方便。」

Nhĩ thời, Kiên Tịnh Tín Bồ Tát Ma Ha Tát vân Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát ngôn: “Vân hà khai thị cầu hướng đại thừa giả tiến thú phương tiện?”

(Lúc đó, ngài Kiên Tịnh Tín Bồ Tát Ma Ha Tát hỏi ngài Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát rằng: “Làm sao để mở bày phương tiện cho những người muốn hướng đến đại thừa.”)

Đại thừa, cái “Phương tiện đạo” này làm thế nào mới hướng đến được? Giả sử tương lai có người thiện căn sâu dày cũng muốn phát tâm cầu thành Phật thì phải làm sao?

地藏菩薩摩訶薩言：「善男子！若有眾生欲向大乘者，應當先知最初所行根本之業，其最初所行根本業者，所謂依止一實境界以修信解，因修信解力增長故，速疾得入菩薩種性。」

Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát ngôn: “Thiện nam tử! Nhược hữu chúng sanh dục hướng đại thừa giả, ưng đương tiên tri tối sơ sở hành căn bản chi nghiệp. Kỳ tối sơ sở hành căn bản nghiệp giả, sở vị y chỉ nhất thật cảnh giới, dĩ tu tín giải, nhân tín giải lực tăng trưởng cố, tốc tặc đắc nhập Bồ Tát chủng tánh.”

(Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát nói: “Thiện nam tử! Nếu có chúng sanh nào muốn hướng đến đại thừa, trước tiên nên biết hành nghiệp căn bản ban đầu. Hành nghiệp căn bản ban đầu nương vào nhất thật cảnh giới để tu tín giải, nhân vào năng lực tín giải đó được tăng trưởng nên nhanh chóng được nhập vào chủng tánh của Bồ Tát.”)

Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát nói: Trong thời mạt pháp vẫn còn chúng sanh muốn cầu pháp đại thừa, không phải chút ít đã cho là đủ, thì trước tiên phải biết các hành nghiệp căn bản. Cái gì gọi là hành nghiệp căn bản? Là y vào nhất thật cảnh giới để tu tín giải, tín này là do tu mà có. Tu được tín rồi liền nhân tín mà suy nghĩ được rõ ràng, rõ ràng này chính là giải; giải chính là biết phải tu hành như thế nào, và cứ như thế mà làm. Do vì khả năng liễu giải tăng trưởng liền thâm nhập Bồ Tát chủng tánh. Nếu chúng ta thọ giới Bồ Tát chính là nhập vào Bồ Tát chủng tánh. Nhưng nhập vào Bồ Tát chủng tánh rất không dễ dàng, ở đây cần phải có phương tiện. Phạm là những chúng sanh phát tâm làm lợi ích cho tất cả chúng sanh phải hiểu được đạo lí căn bản chính là nhất thật pháp giới, mà cảnh giới này tất cả chúng sanh đều sẵn đủ.

Không chỉ kinh Chiêm Sát nói như vậy mà kinh Hoa Nghiêm cũng nói như vậy, trăm bộ đại thừa kinh điển cũng đều nói như vậy.

Kinh Lăng Nghiêm và kinh Pháp Hoa là giảng về phương tiện thú hướng. Thế nào là phương tiện thú hướng? Chính là khai mở tâm phân biệt, một khi không thâm nhập được vào cửa Chân Như, thì nhập vào cửa Sanh Diệt trước. Cửa Sanh Diệt này có chín tướng: Nghiệp tướng, chuyển tướng, hiện tướng, trí tướng, tương tục tướng, chấp thủ tướng, kế danh tự tướng, khởi nghiệp tướng, nghiệp hệ khô tướng. Chúng ta bị những hệ nghiệp này trói buộc, hoặc gây chướng ngại. Nếu chúng ta muốn đoạn trừ nghiệp chướng, quả báo thì phải biết nhất định chúng ta sẽ bị nghiệp này trói buộc. Nếu chúng ta không tạo nghiệp, không khởi hoặc thì chúng ta mới không bị trói buộc. Khởi nghiệp thì có nghiệp quả. Phải như thế nào mới không khởi nghiệp? Không nên chấp trước trên mặt danh tự, ý nói không chấp vào tướng danh tự, bởi một khi có danh tự liền có tướng chấp trước. Tướng chấp trước này làm sao mà có? Là do tâm phân biệt tương tục không gián đoạn, do vậy cần phải đoạn trừ chấp trước. Tất cả mọi danh tự của chúng ta đều là giả danh. Cha mẹ muốn cuộc đời chúng ta ra sao liền đặt tên cho chúng ta như thế. Tên đó chính là ta. Khi mọi người gọi cái tên này ta liền đáp, nếu gọi cái tên khác thì không liên quan đến ta. Tên này là tên giả, vậy có thể thay đổi hay không? Đương nhiên là có thể thay đổi. Khi ta lớn lên liền tự mình cải sửa. Khi chúng ta đi học sẽ có tên đi học, tự mình lại đổi một cái biệt hiệu, giống như lão pháp sư Hoằng Nhất có nhiều hơn một trăm cái tên như Diệu Âm, Diễm Âm... rất nhiều tên gọi! “Hoằng Nhất” chỉ là một trong số đó. Ngài muốn làm một việc gì liền lấy một cái tên, rốt cuộc đâu mới là ngài? Tất cả đều chẳng phải!

Thế nhưng con người đối với giàu nghèo, già trẻ, tốt và không tốt... làm sao để không chấp trước? Tốt thì cầu, không tốt thì muốn bỏ, do đó liền tạo nghiệp, không có cái căn bản để nương vào. Một khi buông bỏ tất cả những điều này thì căn bản tự nhiên hiển lộ.

Căn bản được nói ở đoạn kinh văn này chính là “nhất thật cảnh giới”. “Nhất thật cảnh giới” không có tên gọi, chính là “diệu tâm thanh tịnh” của chúng ta; trong Tánh Tông gọi là “Như Lai Tạng Tánh”, trong Tướng Tông gọi là “A Lại Da Thức”. Trong Duy Thức Tướng không có vật khác chính là “nhất thật cảnh giới”; chẳng qua Địa Tạng Bồ Tát có cách giải thích khác.

所言一實境界者，謂眾生心體，從本以來不生不滅自性清淨，無障無礙，猶如虛空離分別故

“Sở ngôn nhất thật cảnh giới giả, vị chúng sanh tâm thể, tùng bản dĩ lai, bất sanh bất diệt, tự tánh thanh tịnh, vô chương vô ngại, do như hư không, li phân biệt cố.

(Cái gọi là nhất thật cảnh giới chính là tâm thể của chúng sanh, từ xưa đến nay vốn không sanh không diệt, tự tánh thanh tịnh, không chương không ngại, giống như hư không nên rời mọi phân biệt.)

Trong “Tâm Kinh”, “Đại Thừa Tâm Địa Kinh”, “Đại Thừa Trang Nghiêm Bảo Vương Kinh”; cho đến “Hoa Nghiêm Kinh”, “Pháp Hoa Kinh”, “Lăng Nghiêm Kinh”, nghĩa lí cứu cánh được nói đến trong những bộ kinh này đều nằm trong đoạn kinh văn này. Do thể tánh của chúng đồng như nhau. Lí giải này rất rõ ràng, tất cả giáo nghĩa đại thừa đều rõ ràng. Trong tứ giáo có nói “nhất tâm tam cảnh”, trong kinh Hoa Nghiêm nói bốn pháp giới đều cùng ý nghĩa này. Trong kinh Lăng Nghiêm nói “diệu minh chân tâm” cũng như vậy. Là cái gì chứ? Địa Tạng Bồ Tát nói tâm thể của chúng sanh đều trong một niệm tâm hiện tại, rời khỏi nó thì cái gì cũng chẳng có. Chúng sanh được bao quát trong pháp giới, mười pháp giới đều là cái tâm này. Chúng sanh mười pháp giới gồm Phật, Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác, trời, người, a tu la, ngạ quỷ, địa ngục, súc sanh đồng cùng một thể. Mê thì gọi là chúng sanh, còn giác thì gọi là “thành Phật”, đều cùng một cái thể này. Cái thể này không có tướng tăng giảm, cho dù biến thành kiến hay sinh vật cực nhỏ khác cũng đều như nhau. Cái ý nghĩa này mọi người ngày ngày đều niệm nhưng chân chánh hiểu được thì chẳng có ai? Hoàn toàn không hiểu được!

“Quán Tự Tại Bồ Tát hành thâm bát nhã ba la mật đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách. Xá Lợi Tử! thị chư pháp không tướng, bất sanh bất diệt, bất cấu bất tịnh, bất tăng bất giảm. Thị cố không trung vô sắc, vô thọ, tướng, hành, thức; vô nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân, ý; vô sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; vô nhãn giới nãi chí vô ý thức giới; vô vô minh diệt vô vô minh tận, nãi chí vô lão tử diệt vô lão tử tận.”

“Li phân biệt cố” chính là nói đoạn này. Tâm thể của rất nhiều chúng sanh như vậy từ xưa đến nay, là chỉ cho từ khi nào? Từ vô thủy,

không thể nói được điểm khởi đầu. Phật cũng nói như vậy, vô thủy vô chung (*không có khởi đầu, cũng không có kết thúc*). Nhưng cái “chung” cuối cùng vẫn có, làm sao “chung”? Đoạn trừ mọi hoặc nghiệp khiến tâm thể hiển hiện thì gọi là chung. Tâm thể xưa nay của chúng ta không sanh không diệt, thanh tịnh vô vi. Tại sao hiện tại lại không đồng? Bởi vì hiện tại có chướng ngại. Vốn dĩ là không có chướng ngại, không có phân biệt, rời tất cả mọi phân biệt. Nhưng vì một niệm bất giác sau cùng mà sanh tam tướng, liền sanh khởi nghiệp; đến cửa sanh diệt liền có chướng ngại nên không được tự tại.

Nếu chúng ta hiểu rõ “tín” là tin chính mình, Phật chính là muốn chúng ta tin như vậy. Thế “biểu tượng” ở đây có tác dụng gì? Không có “biểu tượng” này thì không dẫn khởi được sự tín ngưỡng trong nội tâm của chúng ta. Vì cái “giả” có thể thuyết minh được cái lí “chân thật”. Tên gọi là giả, có thể sửa. Tuy nhiên, cái tên gọi “Mộng Tham” trước khi sửa” này là đại biểu cho tôi. Điều này trong tâm chúng ta nhất định phải minh bạch, đây là giải thích cho thật thể.

“Nhất thật cảnh giới” thì không hai không khác, mười pháp giới chính là một cái “nhất thật cảnh giới”. Tuy nhiên đoạn kinh văn này là đối với đại Bồ Tát mà nói, cho nên mở rộng “nhất thật cảnh giới” này đến càng thêm tinh vi hơn. Tùy tiện lấy ra một pháp nào thì không cái nào chẳng phải là “nhất thật cảnh giới”, đây chính là cảnh giới Hoa Nghiêm. Nhưng quán cái gì? Quán ba loại: Không, Giả, Trung. Những danh từ này tuy rất nhiều nhưng đều không có giải thích, chỉ là tên gọi dùng để biểu thị mà thôi. Chúng ta trước tiên cần biết cái tâm thể này như thế nào? Là thanh tịnh, không sanh không diệt. Đây chính là tâm chúng sanh, người người đều như vậy. Trước tiên phải tin như thế. Hiện tại chỉ cầu có thể tin tưởng, cũng không cần cầu cái khác, sau khi tin rồi mới cầu giải.

Không chỉ kinh Địa Tạng nói như vậy, trong hội thứ tư của kinh Hoa Nghiêm, Giác Lâm Bồ Tát tán thán công đức của chư Phật đã nói tâm của chúng ta tạo ra tất cả, cái tâm này cùng với chư Phật là như nhau. Nói tâm Phật cùng với chúng sanh không có sai khác. Nếu muốn rốt ráo thành Phật thì chỉ cần nhận thức được cái “tâm” này. Tuy nói thì dễ nhưng rất khó chứng được cái tâm này. Hiện tại, cái tâm tư duy phân biệt này đương thể của nó là “chân”, nhưng nếu không có cái “giả” thì cũng không hiển lộ được cái “chân”, đây cũng là tác dụng của “chân” vậy. Trong kinh Viên Giác nói tất cả chúng sanh đều có thể chứng được cái giác viên mãn. Khi Thích Ca Mâu Ni

Phật thành Phật vừa nhìn liền nói: “Chúng sanh đều có Phật tánh, đều cùng một thể với ta.” Đây là chân thật hiểu rõ. Cái ý nghĩa này chúng ta từ từ học.

Cho nên hiện tại khi gieo mười luân, cần phải tự tâm hiểu rõ, biết được tất cả luân tướng này đều từ nhất tâm hiển hiện ra. Ngay từ đầu tôi đã nói với mọi người “Địa” chính là tâm địa của chúng ta; “Tạng” là tánh hải của chúng ta. Tâm địa thì ai ai cũng có; tánh hải thì mọi người đều sẵn đủ, cũng là Thích Ca Mâu Ni Phật, cũng là Văn Thù Sư Lợi, cũng là Quán Tự Tại Bồ Tát. Tâm chính là tâm lượng của chúng sanh, rộng lớn đến vô lượng vô biên, không pháp nào có thể hình dung được. Đoạn phía sau là giảng về lượng của cái tâm này.

平等普遍，無所不至。圓滿十方。究竟一相，無二無別。不變不異，無增無減。

Bình đẳng phổ biến, vô sở bất chí, viên mãn thập phương, cứu cánh nhất tướng, vô nhị vô biệt, bất biến bất dị, vô tăng vô giảm.

(Tâm này bình đẳng rộng khắp, không nơi nào chẳng đến, tròn đầy khắp mười phương, cứu cánh chỉ một tướng, không biến không đổi, không tăng không giảm.)

Một niệm tâm hiện tại này của chúng ta dọc cùng tam giới, rộng khắp mười phương. Chúng ta hiện tại không nói đến chân tâm, mà hãy dùng vọng tâm suy xét. Nếu mọi người nhắm mắt lại tưởng tượng một chút bất luận là đến nơi nào, như hồi tưởng về Bắc Kinh hay Đài Loan đều chỉ trong một niệm, cho dù là toàn thể địa cầu cũng đều như vậy. Nếu như quán tưởng thành thực rồi thì thế giới Tây Phương Cực Lạc, thế giới Đông Phương Dược Sư Phật, hay thế giới Bất Không Thành Tựu ở phương Bắc, tất cả đều trong một niệm.

Lại nói về cõi Diêm Phù Đề, thế giới Sa Bà, hay ba ngàn thế giới này của chúng ta đều có thể hiểu được. Chúng ta nếu dùng một hạt cát để ví với một cõi nước Phật, vậy sông Hằng ở Ấn Độ có bao nhiêu hạt cát? Vậy Ba ngàn thế giới lớn bao nhiêu? Tất cả có một trăm ức mặt trời, một trăm ức mặt trăng, nhưng đây cũng chỉ lớn như một hạt cát trong thái hư không, trong biển lớn mà thôi. Nói đến cảnh giới này rất huyền diệu, lấy một ví dụ, khi tôi ngồi máy bay từ Thượng Hải đến Los Angeles, qua Đại Tây Dương rộng lớn, nếu như chưa từng đi qua thì trong tưởng tượng của tôi nếu dùng tàu thuyền phải mất vài tháng,

máy bay tính ra là siêu vượt thời đại, trong một đêm chỉ cần 14 tiếng là đến. Thế nhưng so với suy nghĩ trong tâm của tôi thì đã chậm hơn rất nhiều rồi.

Mọi người nói khi mở radio, sóng điện từ có thể phủ bảy vòng rưỡi địa cầu. Tôi nói tâm linh chúng ta một khi mở không chỉ là bảy vòng rưỡi, nghĩ muốn đến chỗ nào đều có thể đến đó, đừng nói Phật Bồ Tát, mà ngay cả Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên cũng như vậy. Nhưng A La Hán phải nhập định, không nhập định không được. Bồ Tát có thể không cần phải tưởng tượng, chỉ cần tác ý liền có thể đi, cho nên nói tròn khắp mười phương. Giả sử chúng ta dùng tâm tưởng, phàm là địa phương hay xó xỉnh nào đã đi qua, chỉ cần ngồi xuống tưởng tượng một chút thì trong một niệm liền có thể biến khắp. Bất kể là 70 hay 80 tuổi, một khi nghĩ đến những kí sự trong một ngày nào đó thì tất cả đều hiển hiện, không phải như từng màn từng màn phim ảnh hay sao? Sự tình trong vài mươi năm giống như trong một lát liền hiển hiện ngay trước mắt vậy. Nhưng đây chỉ là vọng tâm, không phải chân tâm. Nếu là chân tâm thì giới hạn tức không giới hạn, liền nhập vào nghĩa Không. Cho nên phải dùng trí tuệ, dùng bát nhã thậm thâm mà quán chiếu, có thể hình dung được một niệm tâm hiện tiền.

“Nhất tướng” là hình dung cho nghĩa của vô tướng, không có tương đối, cho nên gọi là “Nhất tướng”. Đồng thời cũng không biến không đổi, điều này không dễ dàng lí giải. Giống như con người từ đứa trẻ biến đổi thành lớn, làm sao nói không biến đổi chứ? Cảm lấy ảnh lúc còn nhỏ so sánh với chính mình trong hiện tại, tuyệt đối không phải cùng một người. Mỗi một người đều như vậy, sẽ có biến đổi, sẽ khác đi. Làm sao không biến đổi chứ? Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật hỏi vua Ba Tư Nặc rằng: “Ông năm nay lớn tuổi như vậy, có giống trước đây hay không?” Vua Ba Tư Nặc thưa: “Thưa không giống, con đã già rồi!” Phật lại hỏi: “Lúc nhỏ ông nhìn thấy nước sông Hằng và bây giờ nhìn thấy đều giống nhau, vậy cái nhìn có thay đổi không?” “Thưa không!”.

Cho nên nói không thay đổi, thay đổi là “tâm” và “cái thấy”, hoàn toàn không phải là tướng cảnh giới bên ngoài. Bất kể là tướng cảnh giới có thay đổi thế nào, tâm vẫn không đổi, đây là hiển lộ tâm thể. Tâm thể của chúng sanh là bình đẳng, rộng khắp, không nơi nào không đến, “rốt ráo là một tướng, không hai không khác”; vĩnh viễn không thay đổi, không biến dị, không tăng không giảm. Điều này gọi là “tại Phật bất tăng, tại phàm bất giảm” vậy. Tâm của chúng ta sẽ

không biến đổi, cũng không có sự tăng hay giảm. Người đời xưa từng dùng một câu đối để hình dung tâm và tướng cảnh giới như sau:

“Sơn sắc, thủy sắc, yên hà sắc, sắc sắc giai không.”

“Phong thanh, vũ thanh, chung khánh thanh, thanh thanh tự tại.”

(tạm dịch: *sắc núi, sắc nước, sắc khói mây, sắc sắc đều không.*

Tiếng gió, tiếng mưa, tiếng chuông ngân, tiếng tiếng tự tại.)

Đây là hình dung cho cái tâm, đối với bất cứ sự tình gì đều không nhiễm, không chướng, không ngại cũng giống như trong Tâm Kinh đã nói. Tỉ như nói, sau khi chúng ta tin Phật, buổi tối tụng kinh Địa Tạng, trong kinh toàn nói đến quỷ, tâm liền sanh ra lo sợ. Kì thực một loại cũng không có, tất cả đều từ trong tâm chúng ta biến hiện ra, đều là tâm chúng sanh. Nếu có thể lí giải như vậy thì dần dần có thể hiểu được: tin Phật cũng chính là tin chính mình, ngoài tâm không có pháp; nói đi cũng phải nói lại, ngoài pháp cũng không có tâm. Không thể rời một niệm vọng tâm này mà tìm được chân tâm. Khi chúng ta không thấu suốt thì chân tâm cũng chẳng phải là chân tâm; sau khi đã thấu suốt thì tất cả đều là cảnh giới của chân tâm. Đây cũng là cảnh giới Hoa Nghiêm. Nhưng điều này không phải giảng một ngày, hai ngày mọi người liền có thể hiểu được, muốn thật sự hiểu rõ rất không dễ dàng. Nếu sự lí giải được đầy đủ, trong tâm xác thực đáng tin, nhưng việc này cũng không dễ; nếu không cứ hồ đồ thì giống như người ta nói Phật giáo đồ chúng ta đều mê tín. Đây không gọi là tin mà thật sự mê muội.

Nếu đã bình đẳng không sai biệt như thế, tại sao tâm của chư Phật Bồ Tát, tâm của Xá Lợi Phất cùng tâm của chúng ta lại không giống nhau. Kì thực sự khác nhau này là do cách nhìn của chúng ta, hoàn cảnh sinh hoạt của họ khác với chúng ta. Họ không có những phiền não, thống khổ tuy cũng là một niệm tâm hiện tiền. Cho nên đoạn sau nói:

以一切眾生心，一切聲聞辟支佛心，一切菩薩心，

一切諸佛心，皆同不生不滅無染寂靜真如相故。

Dĩ nhất thiết chúng sanh tâm, nhất thiết Thanh Văn, Bích Chi Phật tâm, nhất thiết Bồ Tát tâm, giai đồng bất sanh bất diệt, vô nhiễm tịch tĩnh, chân như tướng cố.

(Tất cả tâm chúng sanh, tất cả tâm Thanh Văn, Bích Chi Phật, tất cả tâm Bồ Tát, tất cả tâm Phật đều là bất sanh bất diệt, không nhiễm, tịch tĩnh, đồng một tướng chân như.)

Ở đây nói “nhất thật cảnh giới” chính là tướng chân như. Tướng chân như là không sanh không diệt. Nếu muốn đắc được tướng chân như thì phải từ trong tướng sanh diệt đắc được không sanh không diệt, thế thì một niệm tâm hiện tiền của chúng ta không nhiễm, tịch tĩnh. Ví như nói sám hối tội lỗi, truy cứu một chút xem chúng ta có lấy được tội lỗi ra hay không. Tội là do vọng tâm tạo, nhưng vọng tâm không có thì nơi nào có tội chứ? Cái gì là địa ngục, là Phật Bồ Tát, tất cả đều do vọng tâm tạo. Đây gọi là cảnh giới tướng, đều là “nhất thật cảnh giới”, đều là bất sanh bất diệt, không uế không tịnh. Nhưng đây là lí. Chân lí chỉ có một. Phật giáo chúng ta giảng chân lí chính là chân tâm, chính là một niệm tâm hiện tiền.

Hàn Dũ đời nhà Đường nhân vì nhà vua mỗi năm đều đến chùa nghênh đón cốt Phật để thờ cúng, khiến dân chúng phải lao nhọc, tổn hao tài sản liền làm một bài tấu chương gọi là “Phật cốt biểu”. Bài này vừa được viết liền tạo ra một kết quả đáng tiếc. Buổi sáng viết thì buổi tối ông liền bị giáng chức đày đi Triều Châu-Quảng Đông. Thế nên ông viết bài thơ này cho cháu ông là Hàn Tương:

Nhất phong triều tấu cử trọng thiên
Tịch biếm Triều Châu lộ bát thiên.
Dục vi thánh minh trừ tệ sự
Khẳng tương ai hủ tích tàn niên
Vân hoành Tần Lĩnh gia hà tại?
Tuyệt ủng Lam Quan mã bất tiền
Tri nhữ viễn lai ứng hữu ý
Hảo thu dư cốt táng giang biên.

(tam dịch:

*Buổi sáng dâng biểu lên Hoàng Thượng
Buổi chiều bị biếm đến Triều Châu xa ngàn dặm
Muốn vì Thánh Thượng trừ tệ xấu
Nào tiếc thân suy yếu đã lão niên
Mây giăng Tần Lĩnh, nhà chốn nao?
Tuyệt đày Lam Quan, ngựa không bước được
Biết cháu từ xa đến là có ý
Nhật giúp xương ta ven bờ sông)*

Ở đây phát sinh một đoạn sự tích. Lúc Hàn Dũ viết bài này thì Hàn Tương hoàn toàn không hay biết. Nhưng Hàn Tương có tặng cho ông hai chậu hoa, khi hoa trong chậu nở ra, trong đó có hai câu trong bài thơ này. Hàn Dũ cảm thấy rất kì quái.

Về sau ông đến Triều Châu đi thăm thú chùa chiền khắp nơi. Nhưng chẳng phải ông tin theo hòa thượng mà do nghe nói hòa thượng Đại Điền văn chương rất hay nên đến thỉnh pháp ông. Tuy nhiên vị hòa thượng đó hoàn toàn chẳng để ý gì đến ông, ngược lại vị thị giả Tam Bình Nghĩa Trung bên cạnh cầm lấy cây thiết trượng gõ xuống vài cái, Hàn Dũ liền tỉnh ngộ nói: “Hòa Thượng môn phong cao tuấn, đệ tử u thị giả đắc cá nhập xứ-*Môn phong của Hòa Thượng quá cao, đệ tử nhờ thị giả mà được nhập vào*”. Hàn Dũ làm sao nhập? Mọi người hãy tự mình tham ngộ một chút.

Hiện tại tất cả tượng Phật chùa Pháp Môn tại cung điện dưới lòng đất đều bị đào hết lên, được chính phủ đưa lên thờ cúng. Những điều này đều không rời một niệm tâm hiện tiền của chúng ta, không nhiệm không ướ. Tôi nói điều này chứng minh cái gì? Ở đây muốn nói giống như Hàn Dũ trong quá khứ rất phỉ báng Phật nhưng những năm cuối đời ông ấy đã thấu suốt, điều này có ý nghĩa gì? Đây là nói: “Tiên dĩ định động, hậu dĩ trí bạt-*Trước dùng định làm chấn động; sau mới lấy trí nhổ nó đi* (ý nói: trước tiên Hòa Thượng thiền định đã đánh vào lòng Hàn Dũ, sau đó hãy lấy trí mà nhổ sạch lòng ngạo mạn của ông.)

所以者何？

Sở dĩ giả hà?

(Tại sao như vậy)

Tại sao lại nói như thế?

一切有心起分別者，猶如幻化，無有真實。

Nhất thiết hữu tâm khởi phân biệt giả do như huyễn hóa, vô hữu chân thật.

(Vì tất cả tâm khởi lên phân biệt giống như huyễn hóa, không có chân thật).

“Nhất thiết hữu tâm” là chỉ cho tất cả hữu tình chúng sanh, phàm là khởi lên phân biệt, ví như nói đây là tượng Phật, kia là micro; người

này lớn tuổi, người kia nhỏ tuổi; người này giảng, người kia nghe. Những cái này đều chỉ cho sự phân biệt. Phàm là có phân biệt thì đều không chân thật. Cũng giống như áng mây trên không trung, lúc thì thế này, lúc khác lại thế kia, biến hiện các loại hình dạng. Hoặc giống như huyễn sư biến các loại ma thuật, một lát đã biến ra được con chim bò câu, đây là ma thuật nhưng bạn lại không biến ra được. Còn có nuốt bảo kiếm, nuốt đại đao, đưa tay lên miệng vài cái lửa liền phun ra. Bạn biết đây là giả nhưng làm như thế nào? Bạn cũng không biết, họ không nói cho bạn, bạn không thể biến ra được. Tất cả đều là như thế mà biến hiện ra.

Giống như những người ở đây, sanh sanh tử tử, có nhiều người mê tín nghĩ muốn không chết. Thế nhưng con người sinh ra là đã định sẵn sẽ bị hoại đến khi tử vong. Cho dù có luyện khí công tốt hơn nữa, thay đổi tất cả khí chất thì vẫn không được, vẫn phải chết đi. Tại sao vậy? Bởi vì đây là hư huyễn, không phải chân thật, nếu muốn tại chỗ này tìm chân thật thì không tìm được.

Như câu chuyện thiền sư Đan Hà chẻ tượng Phật ai ai cũng biết. Lúc đó trời rất lạnh, ông tìm kiếm trong chùa không thấy có lò sưởi, lạnh quá chịu không nổi bèn đem tượng Phật bằng gỗ ra đốt. Hòa thượng, tăng nhân trong chùa chạy tới lớn tiếng quở trách ông, hỏi rằng: “Sao ông đem tượng Phật đốt đi?” Ông nói: “Tôi không có đốt tượng Phật, tôi đang tìm xá lợi!” Mọi người hỏi: “Gỗ thì nơi nào có xá lợi chứ?” Điều này có ý nghĩa gì? Nói rõ đây là huyễn hóa, là giả.

Lại đưa thêm một ví dụ nữa, mỗi gia đình chúng ta đều thờ cúng bài vị tổ tiên, ai có can đảm dám đem bài vị tổ tiên của người khác chẻ ra, chẳng lẽ nói bài vị này là giả? Bạn nói xem cái gì là thật, cái gì là giả? Tuy bài vị là hư huyễn nhưng tâm chúng ta coi trọng nó.

Ví như khi mua cổ phiếu bị thua lỗ, một cuộc điện thoại gọi đến thông báo tin tức thì mạng người liền không còn! Lúc trước tôi có một người thân thích bị như thế, vốn dĩ đang ngồi đó nói chuyện rất yên ổn, chỉ một cuộc điện thoại gọi đến, sau khi buông điện thoại liền chết ngất. Đương nhiên là do người đó bị bệnh cũ tái phát nhưng tại sao lại thế? Bởi sự nghiệp đó là tâm huyết của ông, sự nghiệp bị hủy rồi thì tâm liền mất theo.

所謂識受想行，憶念緣慮覺知等法，種種心數，非青非黃，非赤非白，亦非雜色，無有長短方圓大小。乃至盡於十方虛空，一切世界，求心形狀。無一區分而可得者。但以眾生無明癡暗熏習因緣，現妄境界，令生念著。所謂此心，不能自知，妄自謂有，起覺知想，計我我所，而實無有覺知之相。

Sở vị thức, thọ, tưởng, hành, ức niệm, duyên lự, giác tri đẳng chủng cũng tâm số, phi thanh phi hoàng, phi xích phi bạch, diệt phi tạp sắc, vô hữu trường đoản phương viên đại tiểu, nãi chí tận u thập phương hư không nhất thiết thế giới, cầu tâm hình trạng, vô nhất khu phân nhi khả đắc giả. Đãn dĩ chúng sanh vô minh huân tập nhân duyên, hiện vọng cảnh giới, linh sanh niệm trước. Sở vị thủ tâm bất năng tự tri, vọng tự vị hữu khởi giác tri tướng, kế ngã sở, nhi thật vô hữu giác tri chi tướng.

(Cái được gọi là thức, thọ, tưởng, hành, nhớ nghĩ, lo lắng, giác biết...các loại tâm đó không phải xanh, không phải vàng, không đỏ, không trắng, cũng không có tạp sắc; không có dài ngắn, vuông tròn, lớn nhỏ, cho đến tận khắp mười phương hư không tất cả thế giới, muốn tìm tình trạng của tâm thì ngay đến một phần cũng không đạt được. Chỉ vì chúng sanh do vô minh nên huân tập các duyên, hiện cảnh giới vọng khiến sanh chấp trước. Cái được gọi là tâm này không thể tự biết, tự huyền hoặc là có, khởi lên các tướng giác tri, so tính ta và của ta, nhưng thật không có cái tướng của giác tri.)

Tâm của chúng sanh không nhiễm không tịnh, tất cả tâm đều là huyền hóa, phân biệt vọng niệm không thực, đây là nói trên mặt lí. Thế nhưng trong sinh hoạt thường nhật, người người đều có sự lãnh thọ; chỉ cần có tiếp xúc thì có lãnh thọ. Thọ bao gồm lạnh, nóng hoặc là vui vẻ hay khó chịu. Khi không thoải mái thì muốn bài xích, tuy muốn bài xích nhưng không bài xích được; muốn vui vẻ nhưng không thọ nhận được; đây là khổ. Hành là sự vận động. Sắc, thọ, tưởng, hành, thức được nói đến trong Tâm kinh: “*Quán Tự Tại Bồ Tát hành thâm bát nhã ba la mật đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không.*” Đây

là nói ngũ uẩn. Uẩn này bao gồm rất nhiều vấn đề, nói một cách cụ thể thì chính là giác tri. Chúng ta muốn tìm chân tâm, có thể thí nghiệm một chút. Hoặc là lửa thiêu, hoặc là dao cắt, hoặc là đau đầu; giác trong giác tri chính là một loại giác trong cái “năng giác”, nhưng không có “cái đau” nào có thể làm đau “cái giác” của bạn. Đây là điều được giảng trong kinh Lăng Nghiêm: “Hữu giác giác thông, vô thông thông giác-có cái giác có thể cảm nhận được cái đau, nhưng không có cái đau nào có thể làm đau được cái giác”. Có một cái giác có thể biết được điểm bị đau, tuy cái đau có thể phát hiện, nhưng nó ngược lại không làm đau được cái giác của bạn.

Nghĩa lí này mọi người cần phải tư duy thật nhiều, điều này cũng có thể nói là Mật nghĩa! Khi nghĩa lí không hiển thị rõ ràng minh bạch thì gọi là mật. Tuy nhiên nếu bạn muốn hiểu rõ cái “mật” này, đối với hiền giáo cũng không cần kiến lập nên bức tường thành, chỉ cần dùng tâm quán chiếu, chiếu xong thì quán sát, thông thường chính là tư duy tu. “Định” được dịch thành “tư duy tu”. Định đến định điểm, đến một thời gian nhất định thì đột nhiên giác ngộ. Nhưng cái ngộ này cũng không phải là đã thành Phật.

Chúng ta mỗi người đều có chỗ ngộ, giống như khi làm một sự việc gì đó, đang suy tư bỗng nhiên tìm được đáp án minh bạch. Nếu một người có thể ngộ nhiều lần như thế này, trong một đời có vô số lần ngộ, chỗ ngộ đó không cần rất sâu, chỉ cần tùy thời tư duy tùy lúc minh bạch là được.

Ví như xem đoạn kinh văn này không hiểu thì lại xem, nếu xem mà vẫn không hiểu thì lại tiếp tục xem. Cứ xem nhiều lần như vậy cũng không cần phải hỏi ai cả, chỉ cần lễ sám và dụng công một chút liền sẽ khai ngộ. Cái ngộ, cái hiểu này cũng không phải là chân thật thấu suốt. Nếu bạn tìm người khác giảng giải cho mình nghe, nhưng nghe xong lại quên, sau khi rời khỏi họ bản thân cũng vẫn là không minh bạch. Cho nên cần phải chính mình khai ngộ.

Những chủng pháp này, những loại hành vi trong tâm, ví như một lúc nghĩ đến cái này, một lúc nghĩ đến cái khác, một ngày từ sáng đến tối nghĩ ngợi không ngừng. Bất luận là ai, có thể ghi nhớ tất cả ý niệm biến đổi suốt cả ngày, từ sáng sớm khi vừa mở mắt ra hay không? Không cách nào làm được. Hôm nay khởi lên rất nhiều vọng tưởng, dậy lên rất nhiều tâm sự, có thể ghi nhớ được hết ư? Nhưng ý niệm trong tâm đến cuối cùng có màu gì? Là xanh, trắng, hay vàng? Hay là dài, ngắn, lớn, nhỏ ra sao? Trong mười phương tận hư không

pháp giới, nếu muốn tìm một loại hình trạng nào đều tìm không ra. Không có bất cứ thứ gì, đã không có nhục đoàn tâm (quả tim thịt) thì cũng không có suy nghĩ, trí não. Tâm này biến khắp mọi nơi nhưng vì chúng sanh si mê, huân tập vọng duyên nên hiện ra tất cả cảnh giới. Tất cả cảnh giới đều do tâm khởi, nếu như tâm diệt thì cảnh giới cũng chẳng còn.

Cho nên sám trừ tội chướng thì phải “tâm vong tội diệt lưỡng câu không-*tâm vong thì tội cũng diệt, cả hai đều không còn*”. Đây mới là chân sám hối. Ngay cả bản thân ta đều không có, lấy ai mà thọ tội? Không có ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả thì ai đến thọ nhận? Tất cả đều là huyễn hóa. Nhưng Đại Thừa Khởi Tín Luận nói đây là do huân tập. Nếu dùng chân huân vọng, tuy là giả nhưng dần dần vọng biến thành chân; còn nếu dùng vọng huân chân thì càng huân càng vọng.

Trong xã hội này của chúng ta thì tài, sắc, danh, thực, thù là năm cái gốc để đọa địa ngục, thường gây tạo tội nghiệp. Nếu như một ngày từ sáng đến tối niệm Phật, niệm Địa Tạng Bồ Tát, niệm Quán Thế Âm Bồ Tát, đây gọi là dùng tịnh huân nhiếp, dần dần có thể phản hồi chân tâm. Đây là hai cách huân tu, nếu chưa hiểu rõ thì dần dần có thể minh bạch.

Cũng giống như đi đến chợ cá, nếu như ngày ngày đều ở đó thì không cảm thấy tanh hôi, nhưng nếu vừa mới đến thì sẽ không chịu nổi, do huân tập mãi vào đầu dần dần thành bệnh. Nếu là người bán cá, khi ở đó căn bản họ không cảm thấy tanh hôi. Lại tỉ như nói chúng ta ở trong phòng này đốt đàn hương, thông thường khi tụng kinh đều đốt, dần dần cũng không cảm thấy thơm. Nhưng nếu như một người chưa từng ngửi qua, vừa mới bước vào phòng liền ngửi được, cảm thấy rất đặc biệt, cảm thấy lão hòa thượng ở đây rất linh nghiệm, nghĩ tưởng rất nhiều, đây là do huân tập. Bạn đang ở cùng một nhóm người, nếu tất cả đều là bậc chính nhân quân tử, dù bạn tốt thế nào cũng không cảm nhận được, nhưng nếu so sánh với người bên ngoài thì liền không giống rồi.

Do vậy khi khởi niệm đừng nên sai lầm, không biết đó là vọng, cho rằng tất cả pháp đều là thật; không biết tất cả pháp đều là mộng huyễn bào ảnh, đều là giả. Chân thật giác biết là không tham nhiễm, không chấp trước.

Có nhiều đệ tử rất sợ tôi nói đến vô thường, nói đến cái chết. Tôi có thói quen khi người ta hỏi tôi muốn cái gì? Tôi liền nói: “Muốn chết”. Họ hỏi: “Tại sao ngài lại muốn thế?” Tôi nói: “Bởi vì không

phải cái chết luôn ngày ngày theo tôi sao? Không biết được ngày nào chết. Tuy nhiên tôi sẽ không treo cổ tự sát nhưng tôi phải nhớ nghĩ vô thường.” Chúng ta ngày ngày niệm Phật, niệm thánh hiệu chính là để chuẩn bị cho cái chết vậy. Câu này ý nói muốn cái chết được tốt hơn một chút, nhưng đây cũng đều là vọng, đều là giả. Nếu như chân chánh hiểu rõ thì chẳng quản gì đến ngày mai bởi mọi thứ đều giả. Chết là giả, sanh cũng giả, cho đến tất cả mọi động tác, hoạt động, tất cả pháp... không có cái gì là thật. Tuy vậy, trong tất cả cái giả hàm chứa cái chân. Trong tâm chúng ta phải không tạo nghiệp, không khởi niệm thì dần dần hồi phục chân tâm. Bạn nói đến cái “minh bạch”, vậy có thể đem cái “minh bạch” này lấy ra xem xét được không? Cái giá trị này không có hình tướng, ai cũng không thể lấy ra được, Phật Bồ Tát cũng không thể lấy ra được. Trong thế giới này nếu chư Phật Bồ Tát có hình tướng, chúng ta chiếu theo đó mà làm cũng có thể được minh bạch. Nhưng chư Phật Bồ Tát hoàn toàn không cho chúng ta cái gì, cái đưa cho chúng ta cũng là hư vọng. Dùng cái vọng để đình chỉ cái vọng. Bởi trong tâm mê mờ hồ đồ, không biết như thế nào mới tốt. Vậy hãy chiêm sát một chút! Sẽ cho bạn biết nên chiếu theo đó mà làm, bạn sẽ được minh bạch, điều này vẫn có thể đạt được. Nhưng nếu chỉ biết đây là giả thì vẫn không thể thành tựu. Thành tựu phải là lúc tu thành Phổ Hiền Bồ Tát hay Địa Tạng Bồ Tát mới được.

Có người lo lắng cho Địa Tạng Bồ Tát, nói rằng “địa ngục bất không” thì không thành Phật, lẽ nào vĩnh viễn Ngài ấy không thành Phật! Kì thực nào có địa ngục chứ? Địa Tạng Bồ Tát cũng đã sớm thành Phật rồi. Bạn lo lắng Ngài không thành Phật, vậy thành Phật rồi sẽ là cái hình dáng gì? Muốn thành cái dạng gì đều là do cơ cảm với chúng sanh mà nói, nếu không có sự cơ cảm với chúng sanh thì cũng chẳng có Phật. Đã không có cử pháp giới thì nói Phật pháp cho ai nghe? Không có “tôi” thì tại sao phải nói “bạn”? Mất đi một phương thì đối phương liền không được xác lập.

以此妄心畢竟無體，不可見故。

Dĩ thử vọng tâm tất cánh vô thể, bất khả kiến cố

(Bởi cái vọng tâm này rốt ráo không có thực thể nên không thể thấy được).

Nếu ở đây dùng Bát Thức của Pháp Tướng Tông, dùng Không Nghĩa của Tam Luận Tông, dùng Tứ Pháp Giới của Tứ Giáo để nói

đều có thể thông suốt, liên quan đến ngàn kinh vạn luận thì quá rộng rồi.

若無覺知能分別者，則無十方三世一切境界差別之相

Nhược vô giác tri năng phân biệt giả, tắc vô thập phương tam thế nhất thiết cảnh giới sai biệt chi tướng.

(Nếu không có cái năng phân biệt của giác tri, liền không có cái tướng sai khác của tất cả cảnh giới trong mười phương ba đời.)

Tất cả pháp không, tất cả cảnh giới tướng đều là không. Phía trước nói huân tập nhân duyên, mà nhân duyên cũng là huân tập cảnh giới vọng. Do pháp đều từ tâm sanh ra; tâm lại khởi lên phân biệt cho nên mọi pháp đều có. Nếu như không có tâm phân biệt thì tất cả đều chẳng có. Khi pháp sinh ra thì biết nó cũng nhất định diệt, hiện tại nó là không.

Điều này hình thành nên cảnh giới tướng gì? Dù cửa khóa cũng có thể vào được, dù tường chắn cũng có thể ra được, cảnh giới này không dễ gì thông. Nếu như thông, nếu không có giác tri, mười phương ba đời tất cả cảnh giới tướng phân biệt đều không có. Cái gì là Tây Phương Cực Lạc thế giới, Đông Phương Dược Sư Phật Lưu Ly Quang thế giới thầy đều không có. Những cái này đều là đối cơ. Có những chúng sanh này, có những căn cơ này liền có những pháp môn này. Đạo lí này mọi người cần phải quán chiếu thật nhiều.

以一切法皆不能自有，但依妄心分別故有。所謂一切境界，各各不自念為有，知此為自，知彼為他。是故一切法不能自有，則無別異。唯依妄心不知不了內自無故，謂有前外所知境界，妄生種種法想。謂有謂無，謂彼謂此，謂是謂非，謂好謂惡，乃至妄生無量無邊法想。當如是知

一切諸法皆從妄想生，依妄心為本。然此妄心無自相故，亦依境界而有。所謂緣念覺知前境界故，說名為心。

Dĩ nhất thiết pháp giai bất năng tự hữu, đăn y vọng tâm phân biệt cố hữu. Sở vị nhất thiết cảnh giới, các các bất tự niệm vi hữu, tri thử vi tự, tri bỉ vi tha, thị cố nhất thiết pháp bất năng tự hữu, tác vô biệt dị. Duy y vọng tâm, bất tri bất liễu nội tự vô cố, vị hữu tiền ngoại sở tri cảnh giới, vọng sanh chủng chủng pháp tướng, vị hữu vị vô, vị bỉ vị thử, vị thị vị phi, vị hảo vị ác, nãi chí vọng sanh vô lượng vô biên pháp tướng. Đương như thị tri: Nhất thiết chư pháp giai tùng vọng tướng sanh, y vọng tâm vi bản. Nhiên thử vọng tâm vô tự tướng cố, diệc y cảnh giới nhi hữu, sở vị duyên niệm giác tri tiền cảnh giới cố, thuyết danh vi tâm.

(Tất cả pháp đều không tự có, nhưng nương theo vọng tâm phân biệt nên có. Tất cả các cảnh giới mỗi mỗi đều không tự niệm mà có, biết đây là tự, biết kia là tha, do tất cả pháp không thể tự có nên không khác biệt. Chỉ nương theo vọng tâm nên không hiểu rõ bên trong vốn không, coi cảnh giới được biết ở bên ngoài là có trước, nên vọng sanh các loại pháp tướng, được xem là có là không, là đây là kia, là đúng là sai, là tốt là xấu, cho đến vọng sanh vô lượng vô biên pháp tướng. Do vậy phải biết: Tất cả mọi pháp đều từ vọng tướng sanh, nương theo vọng tâm làm gốc. Do vọng tâm không có tướng, cũng đều nương theo cảnh giới mà có. Đây gọi là duyên theo niệm mà giác tri tiền cảnh giới. Đây được gọi là tâm.)

“Nhất thiết pháp giai bất năng tự hữu-tất cả pháp đều không thể tự có”, cần phải mượn ngoại duyên, đây là “duyên khởi tánh không” mà nhà Phật nói. Tất cả mọi pháp đều không rời “duyên khởi tánh không”. Duyên khởi thì sanh, duyên tán liền diệt, cho nên tất cả pháp đều không thể “tự” có, đều phải mượn “tha” mới có, “tha” là duyên. Nếu không có “tha” thì không tạo thành “nhân”, cho nên nói “tự tha hòa hợp”. Có những nhân duyên không thể hòa hợp. Nói đến nghĩa lí duyên sanh nếu chia chẻ ra thì có quá nhiều.

Căn bản của mọi pháp là gì? Tất cả pháp là do nhân duyên mà sanh ra, nhân vì bên trong có vọng tâm nên bên ngoài mới hình thành tất cả pháp. Nếu như không có vọng tâm, hiểu được mọi thứ đều là giả, thì tất cả pháp bên ngoài thấy đều chẳng có. “Tâm sanh tắc chủng

chủng pháp sanh, tâm diệt tắc chủng chủng pháp diệt-*tâm sanh nên vạn pháp sanh, tâm diệt nên vạn pháp diệt*". Trong đây vẫn còn một vấn đề, nếu y theo văn tự thì giảng không xong. Nói rằng trong tâm tôi không có gì, có thật là không có hay không? Không nói "tự" cũng chẳng nói "tha", nhưng nếu đánh bạn hai bạt tai "Ba! Ba!", bạn liền nổi giận. Như vậy là có hay không có?

Kinh Lăng Nghiêm nói đến thất đại: đất, nước, lửa, gió, không, căn, thức, hình thành nên một con người. Thức trong đó cho rằng đem đất, nước, lửa, gió hòa hợp tạo thành chính thể chính là ta. Đến khi phân li, trong tứ đại chỉ cần một thứ mất đi thì ba đại khác cũng tiêu vong. Giống như thân thể con người chúng ta nếu không có không khí liệu có thể sống được không? Tại sao trong kinh Hoa Nghiêm lại giảng: "Không kiến lập từ trên Diệu Hữu"? Kì thực lục phủ ngũ tạng của con người đều có chỗ trống, không phải liền một khối. Bác sĩ giải phẫu có thể lí giải được điều này. Nếu như tất cả đều dính lại thành một khối thì coi như xong đời, cần phải có những chỗ trống. Giống như tim, gan, dạ dày, thận và lá lách của chúng ta đều có khoảng trống. Đất, nước, lửa, gió, không, căn. Căn là chỉ cho mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Thức là nhãn thức, nhĩ thức, tỉ thức, thiệt thức, thân thức và ý thức. Con người đều phải có căn, nếu không có căn thì thức có thể vận hành được sao? Nhưng không có thức cũng không được, người không có ý thức sẽ thành người si ngốc, khùng điên. Cho nên kinh Hoa Nghiêm nói đến "không" và "thức"; nếu thiếu mất một trong hai cái này thì chúng ta cũng không tồn tại được, liền tiêu vong.

Chúng ta cần hiểu được nghĩa lí này. Do vì vọng tâm nên mới có những sai biệt như thế, chỉ vì không hiểu được chính mình vốn chẳng có thực thể nên mới cho rằng có. Nương theo tiền cảnh giới tức những sự việc được biết trước đó, như những việc xảy ra trên Đại Lục chúng ta, hoặc những sự việc tôi biết được khi đến Ấn Độ; hoặc cảnh giới được biết đến trước đây, mỗi mỗi đều hồi tưởng lại. Do vì chúng ta nói có nói không, nói đúng nói sai liền tạo ra vô lượng vô biên pháp. Điều này cũng giống như chúng ta nằm mộng, sau khi tỉnh mộng suy nghĩ cảm thấy trong mộng rất tốt, bản thân muốn nắm bắt một chút, biến nó thành thực.

Cái gì là "vọng tâm"? Nhân tâm sanh cảnh, nhân cảnh sanh tâm, tâm sanh các pháp, pháp lại sanh ra chủng chủng tâm. Hai cái này hỗ tương nhau. Bản thân "vọng tâm" không có tướng. Vậy cái gì là tướng của "vọng tâm"? Là cảnh giới có được. Chính là "duyên theo ý niệm

mà giác biết được tiền cảnh giới”. Hồi tưởng lại cảnh giới trước đó và tướng cảnh giới hiện tại, giống như microphone, máy ghi âm, hay thánh tượng của Địa Tạng Bồ Tát ngay phía trước đều căn cứ vào những cảnh giới này mà có. “Tâm bản vô sanh nhân cảnh hữu, bất thuyết ứng cơ thuyết Phật thuyết-*Tâm vốn không sanh nhưng do cảnh mà có, không nói nhưng vì ứng cơ nên nói Phật nói.*” Như trên kinh Kim Cang có nói: Phật vốn dĩ chưa từng thuyết pháp, Phật nói pháp là ứng theo cơ duyên mà sanh, tùy theo các loại tâm mà nói các loại pháp, cho nên nói Phật không hề thuyết pháp. Phật vừa mới thuyết cho Tu Bồ Đề nghe xong nhưng lại nói là không nói gì cả. Có nhiều người hỏi tôi rằng: “Thích Ca Mâu Ni Phật đối với những gì đã nói đều không thừa nhận, một bên thuyết pháp, một bên lại nói với Tu Bồ Đề rằng ngài không thuyết pháp”. Tôi nói: “Cuối cùng vẫn là không nói, vì sao? Như mộng huyễn bào ảnh, như sương cũng như điện. Bài kệ này không phải tương đương với nói cũng như không nói ư? Pháp vốn không tồn tại, cho nên là nói hay không nói?”

又此妄心與前境界，雖俱相依，起無先後。而此妄心，能為一切境界源主。所以者何？謂依妄心，不了法界一相故說心有無明。依無明力因故，現妄境界，亦依無明滅故一切境界滅。非依一切境界，自不了故，說境界有無明。亦非依境界故，生於無明。以一切諸佛，於一切境界，不生無明故。又復不依境界滅故，無明心滅。以一切境界，從本已來，體性自滅，未曾有故。因如此義，是故但說一切諸法，依心為本。

Hựu thử vọng tâm, dĩ tiền cảnh giới, tuy câu tương y, khởi vô tiên hậu. Nhi thử vọng tâm, năng vi nhất thiết cảnh giới nguyên chủ. Sở dĩ giả hà? Vị y vọng tâm, bất liễu pháp giới nhất tướng, cố thuyết tâm hữu vô minh. Y vô minh lực nhân cố, hiện vọng cảnh giới; diệt y vô minh diệt cố, nhất thiết cảnh giới diệt. Phi y nhất

thiết cảnh giới, tự bất liễu cố, thuyết cảnh giới hữu vô minh, diệt phi y cảnh giới cố, sanh u vô minh. Dĩ nhất thiết chư Phật, u nhất thiết cảnh giới, bất sanh vô minh cố. Hựu phục bất y cảnh giới diệt cố, vô minh tâm diệt; dĩ nhất thiết cảnh giới, tòng bản dĩ lai, thể tánh tự diệt, vị tăng hữu cố. Nhân như thử nghĩa, thị cố dĩ thuyết nhất thiết chư pháp y tâm vi bản.

(Lại nữa, vọng tâm này và tiền cảnh giới tuy đều nương lẫn nhau nhưng khi khởi không có trước sau. Do vậy vọng tâm này có thể là nguồn gốc của tất cả cảnh giới. Tại sao như vậy? Vì nương theo vọng tâm nên không hiểu pháp giới đồng một tướng, cho nên nói tâm có vô minh. Ý theo cái nhân vô minh mà hiện cảnh giới vọng, cũng nương vào vô minh diệt mà tất cả cảnh giới đều diệt. Chẳng phải nương vào tất cả cảnh giới tự nó không liễu giải, mà nói cảnh giới có vô minh. Cũng không phải nương vào cảnh giới mà sanh ra vô minh. Tất cả chư Phật trong tất cả cảnh giới đều không sanh không diệt. Lại nữa, không nương vào cảnh giới diệt mà tâm vô minh cũng diệt. Tất cả cảnh giới từ trước đến nay, thể tánh vốn tự diệt nên chưa từng có. Nhân nghĩa lí đó cho nên nói tất cả pháp đều y vào tâm làm gốc.)

Đoạn trước là Địa Tạng Bồ Tát nói với Kiên Tịnh Tín Bồ Tát. Chư pháp đều do vọng tướng sanh ra. Vọng tâm tự nó sanh ra, vốn dĩ xưa nay không có tự tướng. Nhân vì cảnh giới mà có vọng tâm, bản thân không có tự tướng nên cũng chẳng sanh ra tướng gì. Nhưng trong vọng tâm có duyên tướng, có duyên niệm nên có tất cả cảnh giới, gọi là tạo ra tâm, tạo thành căn bản của con người, bản thân họ không có tự tướng nên làm căn bản cho tất cả cảnh giới tướng. Ý nghĩa của đoạn phía dưới là hiển tất cả pháp làm cái niệm của tâm. Tiền cảnh giới nương vào tâm; tâm nương vào tiền cảnh giới, cả hai nương tựa lẫn nhau, đây gọi là “câu tương y-đều nương lẫn nhau”. Tuy cái này nương cái kia, cái kia nương cái này, nhưng nếu hỏi cái nào có trước? Cái nào có sau? Thì không có trước sau, hai cái đồng thời cùng khởi. Vọng tâm này làm sao có thể là căn bản của tất cả pháp chứ? Đạo lí này không dễ hiểu. Vậy phải làm sao? Bản thân phải tranh thủ hỏi Địa Tạng Bồ Tát cái gì? Phía sau sẽ giải thích.

Chúng ta có thể nói là tướng gắn liền với nghiệp tướng. Nếu không hiểu được nghiệp tướng thì cũng không hiểu được pháp chân như. Tướng tâm của nhất tâm chính là vọng tâm. Do không liễu giải được tất cả tướng của pháp giới nên nhân đó mà nói tâm có vô minh.

Cái “tâm” này vì có vô minh nên mong muốn được minh bạch, vốn dĩ chẳng phải không minh bạch chỉ vì trong tâm nghĩ muốn minh bạch, vì nghĩ muốn minh bạch nên không những không minh bạch, ngược lại biến thành vô minh. Nhân cái duyên vô minh cũng là một niệm bất giác, vì ý bất giác nên hiện cảnh giới vọng. Tự tâm liền chuyển, muốn duyên theo cảnh giới. Một niệm bất giác sanh ra tam tế nghiệp chuyển tướng, cần phải đạt đến Bát Địa Bồ Tát trở lên cho đến Thập Địa mới đoạn được nghiệp tướng, điều này thật không dễ dàng. Do không hiểu được pháp giới nhất tướng cho nên khởi lên vô minh, nhân vì khởi vô minh nên hiện tướng cảnh giới vọng. Đây đều là huân tập hỗ tương nhau. Càng muốn chuyển tướng nghiệp thì càng phân biệt cảnh giới vọng nên có vô minh.

Thành tựu của tất cả cảnh giới là tướng của nghiệp chuyển tướng, nếu càng diễn giải ra sẽ càng thô. Diệt cũng là tâm vô minh diệt, chuyển thành hiện tướng. Những cảnh giới vọng của hiện tướng này là trí tướng. Hệ tướng, trí tướng càng phân biệt càng thô; nhân vì vô minh diệt nên tất cả cảnh giới đều diệt. Tất cả cảnh giới tự nó không liễu giải được chính mình. Nhân vì những cảnh giới này tự nó vô minh, do chẳng phải nương vào cảnh giới mà sanh ra vô minh, và hiện tại “vô minh” mất đi nên cũng không tìm được “minh”.

Tất cả chư Phật không sanh vô minh, nói như vậy sau khi thành Phật vẫn có thể bị đọa làm chúng sanh sao? Nếu không tiếp tục truy cầu minh thì cũng không có cái bị diệt. Vô minh sanh thì sẽ có vô minh diệt. Nếu chẳng nương vào vô minh sanh thì cũng không để cảnh giới diệt. Cho nên vô minh sanh ra cảnh giới, từ xưa đến nay, tất cả cảnh giới tướng đều không sanh, cũng không diệt, gọi là “thể tánh tự diệt vị tăng hữu-*thể tánh tự diệt chưa từng có*”. “Nhân như thử nghĩa, thị cố dẫn thuyết nhất thiết chư pháp, y tâm vi bản-*nhân nghĩa lý như vậy nên nói tất cả pháp nương tâm làm gốc*”. Cho nên nói tất cả pháp đều lấy tâm làm gốc.

Chúng ta lại hồi phục làm mới đoạn này. Ở đây một mặt là tướng phần, một mặt là kiến phần. Giải thích về kiến phần và tướng phần thì hai cái này đồng thời sanh khởi. Kiến phần sanh ra cảnh giới khiến vọng tâm liền có nhưng điều này trong tâm tự chứng, tự giác biết được. Tướng thấy được sản sinh ra như thế làm tăng lên nhân duyên, cho nên nhận là tướng có, mà tướng là vô sanh vô diệt. Nương theo cảnh giới mà sanh khởi phân biệt; tướng sở duyên này nương theo kiến phần trong tâm mà duyên theo tướng phần sở duyên.

Khi chúng ta nhìn thấy tất cả sự vật thì tâm liền duyên theo chúng, rồi khởi tâm phân biệt đối với những sự vật này. Những điều này đều là hiển nhiên, sau đó liền muốn truy cầu nên có ngã kiến. Giống như nói, tôi cũng cần dùng vài thứ này nọ, do vì có cái tôi liền nghĩ muốn phải có được, nhưng cuối cùng tôi là ai chứ? Nếu có chủ thì liền mua, đây là dùng một hiện tượng rất thô thiển để giải thích, hoàn toàn không phù hợp với ý nghĩa. Tuy nhiên ý nghĩa của nó quá sâu, chính là nói chúng ta đối với vấn đề căn bản của sinh tử mà có thể hiểu rõ thì liền được khai ngộ.

Căn bản của sanh tử là như thế nào? Chính là như thế này. Nhân vì vật chất không tự sanh ra, nó cũng không mong muốn con người đến tìm hiểu, cũng không có mong cầu hay nguyện vọng, thấy đều do vọng niệm phân biệt. Cho nên nói vọng tâm làm căn bản của nó. Vì muốn đồ vật này nên sanh khởi lên vọng tâm này, đạo lý này tốt nhất là dùng tình huống của chính mình để phân tích.

Chúng ta hiện tại là thuần túy duy tâm, nói vạn pháp là duy tâm, tam giới là duy thức, chính là thức và tâm, đây là chủ nghĩa duy tâm. Điều này liên quan đến rất nhiều phương diện. Có người nói vạn vật là tánh thứ nhất, tâm là tánh thứ hai. Trước có vật, sau mới có tâm; trước có cảnh giới, sau mới sanh tâm. Điều này không giống với điều chúng tôi giảng. Bởi nếu có những sự vật này trước sẽ sinh ra ảnh hưởng, và hình thành nên những vật chất khác, đây là chủ nghĩa duy vật. Chúng ta nói về tâm, cũng chính là nghiên cứu tánh thứ nhất của tâm. Kì thực chính cái hộp luân tương này trước tiên cũng là dụng tâm thiết kế, trong tâm phải phác thảo đường nét trước rồi mới chế tạo. Vậy bạn nói đây là do tâm sanh ra hay là vật chất sanh ra?

Tâm và vật chất cái nào có trước? Cái nào có sau? Ở chỗ này chúng ta nói là đồng thời có. Tất cả pháp nhân vì vọng tâm mà có, tâm của chúng ta cũng nhân vì tất cả pháp mà có. Cả hai thuyết đều có thể tin cậy, hoặc cả hai đều không thể tin cậy. Bồ Tát, Thanh Văn, Phật đều căn cứ vào pháp vô vi mà tâm thức họ chứng đắc để phân địa vị hoặc là thập tín, thập trụ, thập hạnh, thập hồi hướng... dùng mức độ chứng đắc tánh không của họ là sâu hay cạn để định vị trí của họ. Đến cuối cùng tất cả đều vô chướng ngại, cảnh giới cuối cùng của kinh Hoa Nghiêm là sự sự vô ngại. Một pháp này hình thành thì toàn thể pháp giới đều đầy đủ. Chẳng phải tâm, chẳng phải vật, cũng không có tâm, cũng không có vật.

Nếu như ở đây có vấn đề thì nghiên cứu kinh văn rất không dễ gì liễu giải được. Nếu trước tiên giảng “Đại Thừa Khởi Tín Luận” thì điều này rất dễ dàng thấu suốt, vừa xem liền hiểu được. “Nhất tâm, nhị môn, tam đại”. Nhị môn bao gồm chân như môn của tâm và sanh diệt môn của tâm. Sanh diệt môn thì dễ giảng, nhưng chân như môn thì không dễ giảng bởi không thể nói cho rõ được. “Ngôn ngữ đạo đoạn” ý nói đem cái không thể nói mà nói cho rõ ràng, tuy vậy vẫn phải mượn sanh diệt môn mới có thể giảng được một phần của chân như môn.

Giống như Phật Thích Ca Mâu Ni có một lần thăng tòa thuyết pháp, khi ngồi xuống, ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát làm duy na gõ một tiếng khánh nói kệ rằng: “Pháp diên long tượng chúng, đương quán đệ nhất nghĩa, đế quán pháp vương pháp, pháp vương pháp như thị-*Đại chúng trong pháp hội này như rồng như voi, nên phải quán nghĩa lí đệ nhất, hãy suy xét kĩ pháp của đấng pháp vương; pháp của bậc pháp vương là như vậy.*” Phật liền đi xuống, đại chúng vẫn ngồi đó đợi nghe pháp! Chẳng có gì! Điều này có ý nghĩa gì? Chư đại đức tại pháp hội nên quán đệ nhất nghĩa. Cái gì là đệ nhất nghĩa? Vô sự vô tướng đều không thể dùng ngôn ngữ để nói; pháp bất khả tư nghì của đấng pháp vương là như thế. Pháp của Phật là như thế.

Lại có một lần Phật thăng đường thuyết pháp. Phật bẻ một cành hoa, Ca Diếp liền mỉm cười, Phật chính là đã truyền xong pháp. Điều này có nghĩa gì? Chính là “chủ nghĩa duy tâm” mà chúng ta giảng, tùy chọn ra một pháp thì không pháp nào không phải là pháp giới, đây gọi là “chân truyền”. “Giáo ngoại biệt truyền” thoát li ngôn ngữ, rời khỏi tâm, đã không thể nói cũng chẳng thể tư duy. Vừa cầm lên liền minh bạch. Đây gọi là gì? Là “Truyền tâm pháp”. Tất cả phương pháp đều là tâm, đều là nhân duyên sanh. Pháp tại trong giáo lí chính là không đế, trong kinh Lăng Nghiêm giảng chính là pháp giới tổng tướng pháp môn thể, đều là sở nhiếp của cái tâm này. Đây chính là tự thể tướng dụng rộng lớn mà chúng ta giảng, dùng cái đại thể tương đồng mà gọi là tâm.

Luân tướng rất đơn giản, một khi gieo liền phán đoán được sự lí, có thể phán đoán ra làm thế nào để xử lí vấn đề. Trong sinh hoạt thường nhật của chúng ta gặp phải rất nhiều vấn đề, bản thân không biết phải giải quyết như thế nào. Cử ra một ví dụ, gần đây có một đệ tử đến nghe pháp, con của anh ta bị bệnh tinh thần phân liệt, rất khổ não, đây là túc nghiệp. Cái này chúng ta biết nhưng lại không biết

được bản thân mình. Bản thân chúng ta là cái gì? Ngoại trừ đức Phật là có thể nhận thức rõ ràng được bản thân, còn lại mỗi người đều không thể nhận thức được bản thân; không hiểu được pháp từ tâm khởi, pháp cũng từ tâm diệt. Cho rằng tất cả pháp cùng ta không có quan hệ, ngoài tâm cầu pháp mà không biết tất cả pháp đều từ tâm khởi, từ tâm diệt. Chúng ta hiểu được đạo lý này, liền biết Địa Tạng Bồ Tát không nhất thiết phải đợi địa ngục trống không mới có thể thành Phật, Ngài vốn đã thành Phật rồi. Nếu không hiểu được điều này thì địa ngục vĩnh viễn cũng không thể trống không được. Đạo lý này càng biến đổi càng thâm sâu. Phần phía sau mọi người phải chú ý, đối với loại vấn đề này tôi rất suy tư, suy tư cái gì? Làm thế nào để mọi người hiểu rõ được, sau khi giảng mọi người có thể thâm nhập thì tốt.

Ví dụ: Lần trước có một đệ tử hỏi tôi rằng: Nếu chúng đắc được nghĩa Không thì người và người thực vật có gì khác nhau? Nêu ra vấn đề này biểu thị anh ta chẳng hiểu gì. Chúng được nghĩa Không thì đối với tất cả pháp đều không chấp trước, như vậy liền được giải thoát. Nếu như tất cả chư Phật chúng được nghĩa Không đều biến thành người thực vật, thế ai độ chúng sanh? Giống như trong kinh Kim Cang, khi đức Phật nói với ngài Tu Bồ Đề về Không, Tu Bồ Đề liền tỏ ngộ. Đây là nói bản thân chúng đắc được nghĩa Không thì khi độ chúng sanh mới không chấp trước. Nếu như chưa chúng được nghĩa Không thì cũng không thể độ được người khác. Đầu tiên là chính mình gặp chướng ngại; sau khi không thể chúng được nghĩa Không liền biến thành người thực vật, thế thì hỏng bét rồi. Như thế này thì tu trì lũy kiếp không phải là chẳng có ý nghĩa gì sao?

當知一切諸法，悉名為心。以義體不異，為心所攝故

Đương tri nhất thiết chư pháp, tất danh vi tâm. Dĩ nghĩa thể bất dị, vi tâm sở nhiếp cố.

(Nên biết tất cả mọi pháp đều gọi là tâm. Dùng nghĩa và thể không thay đổi làm sở nhiếp của tâm.)

Chúng ta nên biết tất cả mọi pháp, phàm là có hình có tướng, có ngôn ngữ có thể biểu đạt ra được đều gọi là pháp. Tuy nhiên Phật pháp có định nghĩa rằng: “Quỹ sanh vật giải, nhậm trì tự tánh” (*Quỹ sanh vật giải* nghĩa là mọi người có thể dựa vào đó để lí giải mọi sự vật; *nhậm trì tự tánh* là bảo trì tự tánh không bị thay đổi). Quỹ đạo có thể đủ giúp con người minh bạch giác ngộ tự tánh. Nếu y theo pháp thì

cũng như dựa theo đường quỹ đạo mà đi, nhất định sẽ đến được địa điểm muốn đến.

Cái gì là cảnh địa (cảnh giới hay vị trí nhất định nào đó)? Chính là nhận thức tự tánh. Đối với tất cả pháp, bạn đều phải nhận thức được thể tánh của chính mình, tất cả pháp đều là bạn, bạn cũng là tất cả pháp. Tuy nhiên khi bạn chưa đạt đến cảnh địa đó thì bạn vẫn là bạn, pháp vẫn là pháp, pháp khiến bạn bị mê hoặc, gặp phải cảnh giới gì đều bị cảnh giới đó mê hoặc. Nói cách khác, bạn không thể giải thoát. Phải biết tất cả pháp đều là giả, đều được gọi là tâm.

Phía dưới liền giải thích cho cái tâm này. Ở đây dùng nghĩa để giảng, dùng thể để giảng. Tuy nghĩa và thể là hai loại nhưng nghĩa không khác thể. Nhân vì tất cả pháp đều là nhân duyên sanh, pháp không thể tự nó sanh khởi, cũng không khởi lên một mình, gặp phải tương cảnh giới bên ngoài mới sanh khởi pháp. Pháp chính là tâm, bởi cảnh giới bên ngoài mà sanh tâm, tâm liền chuyển đổi tất cả pháp. Nếu như tâm bị tất cả pháp chuyển thì chính là chúng sanh. Trong kinh Lăng Nghiêm điều quan trọng nhất là “tâm có thể chuyển vật tức đồng với Như Lai”, nếu “tâm bị vật chuyển tức là chúng sanh”. Tâm bị chuyển liền đọa lạc, hồ đồ không rõ ràng. Như kinh Kim Cang có nói tất cả chư Phật Bồ Tát làm sự nghiệp lợi ích chúng sanh như bố thí hoặc niệm Phật, bạn hỏi công đức này lớn hay nhỏ? Phật nói không có công đức. Tu Bồ Đề là người đã đoạn được kiến tư hoặc chứng quả vị La Hán. Ông ấy nghe rồi cảm thấy rất nghi hoặc liền hỏi tại sao không có công đức? Kì thực Bồ Tát đối với tất cả công đức đều không tham chấp mà thôi. Không thể nghĩ tôi làm được tất cả mọi sự, làm lợi ích rất lớn cho mọi người.

Giống như đạo hữu chúng ta làm công đức, trong tâm chấp trước những công đức này, như thế công đức liền nhỏ. Nếu không chấp trước thì công đức bất khả tư nghĩ. Đây gọi là tâm chuyển pháp mà không bị pháp chuyển, mang ý nghĩa không chấp trước. Đây là thuộc về Nghĩa. Chư Phật Bồ Tát nói những gì tôi thuyết tức là không thì nghĩa lý này chính là không. Chúng được nghĩa lý này thì thấy tất cả đều không chướng ngại. Tỉ như nói đem cửa đóng lại nhưng trong tư tưởng không có những cảnh giới này (tức không thấy có đóng hay mở) thì không có chướng ngại. Tại sao chúng ta không ra (khỏi cửa) được? Bởi vì sáu căn sáu thức đều có chấp trước, xem thấy cửa là thực thể, tôi làm sao ra được? Thế thì bạn không ra được.

Quá khứ có vị đại đức tu pháp thủy quán, đây là Nguyệt Quang đồng tử giảng về túc nghiệp trong quá khứ của ông. Khi ông ta tu thủy quán, cái gì cũng không có, chỉ có một căn phòng đầy nước. Một người đệ tử của ông đến gõ cửa, đệ tử này là một đứa trẻ, xem thấy cả phòng tại sao toàn là nước chứ? Liền ném một viên đá nhỏ vào trong phòng. Một lát sau sư phụ của chú xuất định, trong người liền mang bệnh. Ông liền gọi đệ tử đến hỏi: “Con vừa mới thấy cái gì?” Đệ tử thưa: “Cả phòng toàn là nước, không biết sư phụ đi nơi nào rồi?” Sư Phụ liền hỏi chú: “Thế con đã làm gì?” Chú đáp: “Con ném một viên đá nhỏ vào trong ấy”. Sư phụ liền nói: “Đợi khi nào con nhìn thấy căn phòng toàn nước thì con vào trong đó lấy viên đá đó ra.” Sau đó sư phụ chú liền nhập định, chú liền tiến vào lấy viên đá đó ra, kết quả sư phụ liền hết bệnh.

Đây gọi là “tâm có thể chuyển vật”. Tất cả pháp đều có thể chuyển tâm của chúng ta, chúng ta xem thấy cái gì liền tham ái cái đó. Tất cả pháp đều có thể chuyển tâm chúng ta mà không thể khiến tâm chúng ta chuyển vật. Đây là nói trên mặt nghĩa lý không biết nhân duyên sanh là giả. Không biết pháp được sanh ra như mộng huyễn bào ảnh, cần phải quán như vậy. Khi quán thành công thì đều là không nghĩa. Nghĩa này là Không nhưng chẳng phải ngoan không; cũng không phải là nghĩa Không như trường hợp biến người thành người máy. Nương theo cái Không này mà sanh khởi Diệu Hữu. Cái Không này tức Giả mà cũng tức là Trung, tức Thể tức Tướng. Pháp thân này đặc Bát Nhã, đặc giải thoát, đặc mật tạng, đặc thể đại phương quảng, đặc thể tướng dụng. Đây chính là thể của tất cả chúng sanh, là thể của tất cả Phật pháp, tại Phật bất tăng, tại phàm bất giảm. Nhân vì vạn pháp duy tâm, duy tâm sở nhiếp. Nhất tâm, nhị môn, tam đại chính là ý nghĩa này.

Hiện tại chúng ta không đạt được cảnh giới này. Chúng ta đối với tất cả sự vật, tất cả nghĩa lý đều không minh bạch; đối với vấn đề đột nhiên phát sinh, bản thân không biết phải làm thế nào? Ngay đó tâm liền sanh khởi nghi hoặc. Lúc này phải làm sao? Nửa quyển trước nói nên dùng “Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo Kinh” để chiêm sát luân tương. Nếu như vẫn không đạt được thì phần sau cùng của kinh vẫn nói hãy xưng niệm danh hiệu của Địa Tạng Bồ Tát, liền có thể giải quyết được vấn đề. Nếu có thể dùng quan điểm “chư pháp duy tâm” để niệm Phật thì Địa chính là chỉ cho tâm địa của chúng ta, Tạng là tánh tạng của chúng ta, là thể của tự tánh. Khi niệm như thế thì câu câu đều là niệm chúng ta, câu câu đều niệm Địa Tạng Bồ Tát. Cái cảm

ứng đạt được này và cái cảm ứng đạt được khi niệm Địa Tạng Bồ Tát thông thường sẽ không giống nhau. Ngoài tâm không pháp, ngoài pháp không tâm, điều này không ở trong cũng không ở ngoài.

Nếu như đã học qua kinh Lăng Nghiêm thì càng dễ hiểu hơn, đây gọi là dùng vọng quy chân. Chân thật chính là không, lại có thể từ chân tùy duyên thị hiện. Đây không phải là do Đại Phạm Thiên biến hiện ta mà do chính tâm mình biến hiện vậy. Đây là một quá trình nhận thức, bản thân phải trải qua quá trình luân tu học tập mới có thể tin tưởng đạo lý này, là thật sự tin tưởng không hoài nghi, là thanh tịnh tín. Làm đệ tử Tam Bảo phải trải qua thời gian một vạn đại kiếp mới có thể đạt được cảnh giới tướng này của Kiên Tịnh Tín Bồ Tát.

Ngũ phẩm vị này phát huy quang đại cho tứ giáo, làm chú giải cho kinh Pháp Hoa, là chỗ chứng của Trí Giả Đại Sư, người đã giảng Hoa Nghiêm Huyền Nghĩa. Đại sư chứng đến cảnh giới gì? Ông thấy được Đức Phật vẫn còn giảng kinh Pháp Hoa tại Ấn Độ nên ông nói hội Linh Sơn nghiêm nhiên chưa tan. Muốn đạt đến cảnh giới này, muốn chứng được ngũ phẩm vị thật không dễ dàng. Điều này không giống đốn ngộ thành Phật mà chúng ta nói. Vậy ngũ phẩm vị là địa vị gì? Là cái để phân chia nội phàm và ngoại phàm. Như chúng ta là ngoại phàm có tín tâm nhưng không kiên định; nhưng dù nội phàm hay ngoại phàm đều là phàm phu.

Giống như chúng ta đọc tụng kinh Địa Tạng, hoặc phẩm Phổ Môn hay Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên, tuy chỉ là một phẩm nhưng đều bao quát yếu nghĩa của toàn kinh, đây gọi là tùy hỉ. Khi đọc tụng phải vừa đọc tụng vừa tư duy, như vậy thì có thể thâm nhập vào nghĩa lý của kinh. Ngoài ra còn phải giải thuyết, giải thuyết không chỉ là bản thân có thể tụng đọc mà phải giảng nói cho người khác, đây gọi là pháp sư vị. Khi giảng giải thuyết pháp vẫn cần phải có nhân duyên, phải có pháp sư đức hạnh đầy đủ mười đức mới có thể làm pháp sư, kế đó phải kiêm hành lục độ. Bồ thí chính là bố thí độ; trì giới thì giống như thọ ngũ giới bất luận nhiều hay ít. Kì thực đây vẫn không thể xem là chân chánh hành lục độ, chỉ là tương tự mà thôi! Bồ thí, trì giới, nhẫn nhục, giống như những đệ tử Phật chúng ta, nếu có người đối với chúng ta vô lễ, chúng ta cũng không so đo với họ, không nên báo oán, cũng không nên khởi tâm sân hận. Ở đây bao gồm rất nhiều nội dung, phải kiêm hành lục độ, đây là dần dần nhập vào nội phàm vị.

Tại sao gọi là nội phàm vị? Họ tuy vẫn thuộc trong tam giới, nhưng tín tâm với Phật giáo kiên cố đầy đủ như chư Bồ Tát. Người đã

cụ túc như thế thì gọi là chúng được ngũ phẩm vị. Người này có địa vị gì? Đây là người có tịnh tín. Đến địa vị này, lại tiến thêm một bước, mới có thể thấy được “li thể vô pháp-rời thể thì không có pháp nào”, chúng được tất cả mọi pháp là duy tâm, tức vạn pháp đều từ tâm khởi. Thế nên hiện tại chúng ta đề cập đến pháp môn niệm Phật, phải biết được niệm niệm đều từ tâm khởi, niệm niệm đều không rời tâm, như vậy mới có thể thành tựu. Phải từ tâm khởi, ngoài tâm không có pháp, tâm lại biến tất cả xứ; ngoài pháp cũng không có tâm, chỉ nương vào cái tín tâm này mà thôi.

又一切諸法，從心所起，與心作相，和合而有。

Hựu nhất thiết chư pháp, tùng tâm sở khởi, dữ tâm tác tướng, hòa hợp nhi hữu.

(Tất cả pháp đều từ tâm khởi, tương tác và hòa hợp với tâm mà có.)

Cái gì là duyên khởi? Chính là vô minh duyên hành, hành duyên danh sắc, sắc duyên lục nhập, thuộc về mười hai nhân duyên. Mười hai nhân duyên này giảng như đại thừa, cũng có thể giảng như trung thừa duyên giác. Đối với nghĩa lí duyên khởi thậm thâm này thì không phải giảng như vậy. Tất cả pháp đều từ tâm khởi. Bởi trong tâm muốn phân biệt, muốn liễu giải liền truy cầu giác ngộ. Một khi đi truy tìm, tâm liền trở nên hồ đồ, từ đó tâm biến thành “bất minh”, đây chính là nghiệp tướng. Sau khi nghiệp tướng hoàn thành liền biến chuyển, vốn dĩ trong tâm không có tướng phân và kiến phân nhưng do hiện tại muốn thấy, liền giống như khi có tướng phân và kiến phân vậy. Bạn muốn một đồ vật gì đó, tuy đồ vật này thực tại không có nhưng vì có phân biệt nên cái năng tưởng gọi là “kiến”, cái sở tưởng gọi là “tướng”.

Kì thực cả năng tưởng lẫn sở tưởng trong tâm đều không có, đều là hư vọng. Đây là nghiệp tướng, chuyển tướng và hiện tướng. Nhân vì cùng tâm tác tướng nên tất cả pháp đều từ tâm khởi, cho nên ngược lại phải tác tướng với tâm. Kiến phân và tướng phân này hợp lại với nhau liền tựu thành duyên khởi. Không có sự phân chia ra trước và sau, trong một niệm sát na cũng chẳng có trước sau, cả nghiệp tướng và chuyển tướng đồng thời sanh khởi và đều không rời tâm. Sau đó lại khởi trí, trí chính là phân biệt, cần phải hiểu rõ chữ “Minh” này tương tục không gián đoạn, nếu càng diễn giải thì càng thô thiển.

共生共滅，同無有住。以一切境界，但隨心所緣，念念相續故，而得住持，暫時為有。

Cộng sanh cộng diệt, đồng vô hữu trụ. Dĩ nhất thiết cảnh giới, dẫn tùy tâm sở duyên, niệm niệm tương tục cố, nhi đắc trụ trì, tạm thời vi hữu.

(Cùng sanh cùng diệt, cùng không có chỗ trụ. Đối với tất cả cảnh giới, tùy theo chỗ tâm duyên theo mà niệm niệm tương tục, và nắm giữ được nên tạm thời xem là có.)

“Đồng vô” chính là cả hai đều không có, tướng cũng không trụ, kiến cũng không trụ. Bởi tất cả vạn pháp đều duyên từ tâm. Tâm là năng duyên (cái có thể duyên) mà chẳng phải là sở duyên duyên (cái duyên có thể duyên theo). Nhưng lúc này trong tâm niệm niệm tương tục, không rời khỏi tâm chính mình. Niệm niệm tương tục tức niệm sở duyên trong tâm không ngừng phan duyên. Người trì tất cả pháp như vậy gọi là tạm thời xem như có, đây chính là pháp “có” được nói. Khi phản bản hoàn nguyên chính là phần tự chứng trong tự tâm chúng ta. Chư Phật Bồ Tát chứng được tự chứng phần như vậy, có thể đem tất cả vọng quy về chân thì nghiệp chuyển tướng biến thành trí huệ, chúng được điều này rất không dễ dàng gì. Nghiệp chuyển tướng đều phải là Bát Địa, Cửu Địa, Thập Địa Bồ Tát mới có thể làm được, hoàn thành rồi mới tiếp cận địa vị Phật. Cho nên Phật giáo giảng muốn thành Phật cần phải trải qua 52 địa vị. Ngũ phẩm vị được nói phía trước vẫn chưa nhập vị! Đại Bồ Tát phải đạt được phẩm vị từ 40 trở lên mới phát tâm Đại Bồ Đề.

Chúng ta hiện tại cũng phát tâm nhưng cái tâm chúng ta phát không thật sự chân thật. Phải đến khi nào mới tính là chân chính phát tâm? Cần phải chứng được Sơ Trụ, lúc này mới thành Bồ Tát, một thân có thể tại trăm vạn thế giới thị hiện làm lợi sanh, cũng có thể thị hiện đủ bát tướng thành đạo để thành Phật. Phát Bồ Đề Tâm không giống với phát tâm này của chúng ta, một khi phát tâm liền không đồng. Vừa nãy chúng ta giảng Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hưởng, Thập Địa, Đẳng Giác và Diệu Giác, tất cả 52 địa vị; chúng từ địa vị này đến địa vị khác, chúng đến địa vị nào thì là địa vị đó. Đây là những điều kinh Phật đã dạy, cùng với các vị tổ sư đơn truyền, cảnh giới từng vị từng vị là do họ đoạn được những phẩm vị

không đồng nhau mà định ra. Mỗi khi tăng lên một vị thì cảnh giới càng rộng lớn hơn không ít.

如是所說心義者，有二種相。何等為二，一者心內相，二者心外相。心內相者，復有二種。云何為二，一者真，二者妄。

Như thị sở thuyết tâm nghĩa giả, hữu nhị chủng tướng. Hà đẳng vi nhị? Nhất giả tâm nội tướng, nhị giả tâm ngoại tướng. Tâm nội tướng giả, phục hữu nhị chủng, vân hà vi nhị? Nhất giả chân, nhị giả vọng.

(Như vậy nghĩa của tâm được nói ở đây có hai chủng tướng. Cái gì là hai? Một là tướng trong tâm, hai là tướng ngoài tâm. Tướng trong tâm lại có hai loại. Thế nào là hai? Một là chân, hai là vọng.)

Phía trước giảng vọng niệm quy chân, cần phải hiểu rõ vạn pháp làm sao mà khởi, là do nhân duyên nên khởi. “Tướng phân” phân làm hai loại, một cái là tâm và một cái là nghĩa của tâm, tức “tướng trong tâm” và “tướng ngoài tâm”. Cái gì được gọi là “tướng trong tâm”? Một cái là chân, một cái là vọng. Ở đây lại giải thích cho câu nói phía trước: Tất cả chư pháp đều gọi là tâm. Chân tâm hay vọng tâm đều không thể đắc. Nhân vì tâm thể là vô lượng nên không cách gì hình dung được, cũng giống như gió, không thể nắm bắt được. Gió có hình tướng gì? Nó có thể thổi động những vật chất khác, bạn có thể cảm giác được gió nhưng không thấy hình tướng của nó, không thể nắm bắt được, càng không thể giữ lại được. Ai có thể đong đếm được nước biển có bao nhiêu không? Cái đo đếm này là không cùng tận. Dù tính toán lượng nước trên mặt đất hay mạch nước ngầm dưới lòng đất cũng đều không thể đong đếm được. Đây đều là tỉ dụ cho thấy tâm không thể đo lường được. Nhưng tâm có chân tâm, có vọng tâm. Vọng tâm chính là tâm phân biệt hiện tại của chúng ta, còn chân tâm thật sự thì không nhận biết được. Đợi cho tất cả đều phản vọng quy chân thì đắc được cái gì? Một thứ cũng không đắc được. Đây chẳng phải là Không sao? Thật chẳng phải Không! Bởi vẫn còn tánh công đức vô lậu. Có người nói Phật pháp tựa như nói đến viên mãn, nói đến Không, nói đến Hữu. Không chẳng chứng ngại Hữu tồn tại, Hữu cũng chẳng

chương ngại nghĩa Không. Nếu chúng ta tu quán tưởng nghĩa Không thì tất cả không có chương ngại.

Trước đây ở núi Chung Nam có hai vị hòa thượng tu đạo trong núi. Trong khi tu đạo, một vị lão tu cảm thấy đã tu hành rất nhiều năm trong núi mà vẫn không đạt được chút thành tựu gì bèn nói: “Tôi cần phải thân cận bái phỏng bậc thiện tri thức!” Nơi tham phỏng chính là đến vùng đất xa lạ tìm một đại đức có danh vọng, thỉnh người đó khai thị chỉ dạy. Ông ấy liền xuống núi. Người đạo hữu khuyên ông rằng: “Ông đi sợ rằng sẽ gặp nạn, không nên đi nữa!” Ông không nghe lời đạo hữu khuyên. Sau đó ông đi đến huyện Đồng Quan thuộc tỉnh Thiểm Tây, khi đến một khách điếm tại một ngôi làng nọ, do đi đường quá mệt nên khi vừa bước vào ông liền ngồi xuống dụng công đả tọa tu hành. Ngày hôm sau, chủ quán xem thấy vị hòa thượng này không có động tĩnh gì. Chủ quán lại đợi thêm một ngày nữa, sau đó lại đến phòng ông xem thử, thấy ông tựa như không còn hơi thở nữa. Trong tâm chủ quán nghĩ vị hòa thượng này đã chết, lại chiếm mất một căn phòng của mình, phải làm sao đây? Chủ quán liền đem ông ấy đi thiêu rồi chôn cất.

Sau đó quán trọ ấy liền có quỷ đến náo loạn, mỗi ngày hòa thượng kia quay về đòi lại thân thể của ông rằng: “Tôi đã đi đâu rồi? Tôi đã đi đâu rồi?” Nơi này có quỷ làm loạn, ai còn dám đến ở trọ chứ?

Còn vị đạo hữu trong núi cảm nhận được ông đã gặp phải kiếp nạn, liền căn cứ theo rao truyền của mọi người mà đi tìm ông, cũng tìm đến được quán trọ này. Vị đạo hữu đó liền hỏi chủ quán: “Vị hòa thượng lúc trước trọ chỗ này của ông làm sao mà chết?” Chủ quán nói: “Ông ta cứ ngồi đó mà chết”. Chủ quán y theo sự thật mà nói. Vị đạo hữu kia liền hỏi: “Tôi giúp ông thu phục con quỷ đó được không?” Chủ quán nói: “Vậy thì quá tốt a!” Đạo hữu lại nói: “Nhưng ông phải mang đến đây một vại nước thật lớn, lại đốn nhiều củi chất thành đống.” Chủ quán đều làm theo như thế. Đến giờ liền châm lửa vào đống củi. Quả nhiên qua hai tiếng chuông, lão hòa thượng đã chết lại đến náo: “Tôi đi đâu rồi? Đem tôi đưa đi đâu rồi?” Vị đạo hữu liền nói: “Đưa ông vào trong vại nước này rồi!” Ông liền vào trong nước tìm rồi nói: “Không có mà!” Vị đạo hữu lại nói: “Ồ trong lửa ấy!” Ông lại vào trong lửa tìm cũng không có. Đạo hữu liền nói: “Ông vào nước không chìm, vào lửa không bị đốt, vậy còn tìm ‘tôi’ làm gì?”

Vì hòa thượng đã chết sau khi được đạo hữu chỉ dẫn liền thông tỏ. Điều này nói khi tâm không bị tất cả pháp chuyển thì nhục thể chỉ là

tướng giả. Chúng ta mang cái nhục thể này vẫn có thể đạt tới cảnh giới đó. Nếu khai ngộ liền có thể đạt được. Khi có nhục thể tâm không thấu suốt thì dù khi không có nhục thể vẫn chấp trước.

所言真者，謂心體本相，如如不異，清淨圓滿，無障無礙，微密難見。以遍一切處常恒不壞，建立生長一切法故。

Sở ngôn chân giả, vị tâm thể bản tướng, như như bất dị, thanh tịnh viên mãn, vô chương vô ngại, vi mật nan kiến. Dĩ biến nhất thiết xứ thường hằng bất hoại, kiến lập sanh trưởng nhất thiết pháp cố.

(Cái gọi là Chân là tướng căn bản của tâm thể, như như không thay đổi, thanh tịnh viên mãn, không chương không ngại, vi tế sâu mâu khó thấy. Nhưng nó biến khắp mọi nơi, thường tồn tại không hư hoại, kiến lập và sanh trưởng tất cả pháp.)

“Như như” chính là không đến không đi, không sanh không diệt, thanh tịnh viên mãn, không chương không ngại. Đây đều là nói cảnh giới thanh tịnh của Phật, mọi uế trược đều chẳng còn. Có chương ngại là do trong tâm không minh bạch, trong tâm có duyên niệm. Quán tưởng cho tận cùng thì chính là tham, sân, si, ái. Cách nhìn nhận vấn đề không chính xác, có thiên lệch thì vĩnh viễn đều có chương ngại. Điều này rất vi tế nên khó thấy, không dễ gì nhận biết được. Cái thấy này là chỉ cho trí mà nói, đừng cho rằng mắt nhìn thấy được cái thấy có thể thấy. Cái thấy này còn chỉ cho tâm mà nói, chính là đối với nhận thức vấn đề bất luận trong thời gian, địa điểm nào đều không có sự sai khác. Không gian chính là địa điểm nơi chốn; thời gian là quá khứ, hiện tại, vị lai. Bất kể nơi nào đều như vậy.

Biến hóa của cái tâm thể này là tất cả pháp đều không tăng không giảm, không uế không tịnh, không sanh không diệt, chính là sáu pháp trên Tâm Kinh đã nói, cũng chính là chân như. Tất cả pháp đều biến khắp mọi nơi. Một pháp cũng là tất cả pháp, đây gọi là sự sự vô ngại, biến khắp con người, khắp hữu tình, đây gọi là thể tánh. Lập ra tất cả pháp thì gọi là pháp tánh, tất cả đều “như thị”.

Chân Như tướng rốt ráo là gì? Chính là sanh diệt, chính là hiện tại. Tất cả tướng của mọi pháp, bản thể của nó là thanh tịnh viên mãn, vi

tế sâu màu khó thấy, thường hằng không hoại, kiến lập và sanh trưởng tất cả pháp. Tất cả pháp đều là chân như pháp, pháp pháp đều chân thật, người cũng chân thật. Tùy tiện lấy ra một pháp, không pháp nào là hư vọng mà đều là pháp chân thật, biến khắp mọi nơi. Hiện nhiên vọng vọng đều chân. Khi tướng của tất cả vật đang chuyển biến, thể của nó vẫn bất động, dùng Phật nhãn quán sát thì chính là chân như. Thông thường như vậy chính là bốn đức Thường, Lạc, Ngã, Tịnh. Ý nghĩa này không dễ hiểu. Sanh trưởng tất cả pháp, tất cả pháp đều là lượng của tánh. Chân là như vậy, còn Vọng thì thế nào?

所言妄者，謂起念分別覺知緣慮憶想等事。雖復相續，能生一切種種境界。而內虛偽，無有真實，不可見故。

Sở ngôn vọng giả, vị khởi niệm phân biệt giác tri duyên lự ức tướng đẳng sự, tuy phục tương tục, năng sanh nhất thiết chủng chủng cảnh giới. Nhi nội hư ngụy, vô hữu chân thật, bất khả kiến cố.

(Cái gọi là vọng chính là khởi niệm, phân biệt, giác tri, duyên lự, nhớ nghĩ v.v. Tuy lại tương tục có thể sanh ra tất cả mọi cảnh giới. Nhưng trong đó đều là hư ngụy, không có cảnh giới chân thật, không thể thấy được.)

Cái vọng này được gọi là bất giác ý. Vọng thì không giác được tất cả, tất cả đều là vọng. Bắt đầu từ bản giác mà khởi, bản giác có hai nghĩa, có loại giác ý, có loại bất giác ý. Cả hai loại đều đầy đủ. Vì bất giác nên gọi là bội giác hiệp trần. Nếu như giác, tối sơ ban đầu gọi là “thủy giác”; sau cùng thành Phật gọi là “cứu cánh giác”. Tin Phật phát tâm quy y tam bảo gọi là “Thủy giác”. Thủy giác là từ bất giác mà có, không minh bạch thì gọi là bất giác, bất giác từ bản giác mà đến. Giác của giác tri chính là nói minh bạch hay không minh bạch. Không minh bạch thì gọi là bất giác, minh bạch rồi thì gọi là giác. Minh bạch không nhiều là chỉ cho lúc mới bắt đầu giác ngộ. Hiện tại chúng ta tin Phật, quy y tam bảo, quy y Phật, quy y pháp, quy y tăng, quy y cứu cánh giác chính là mới đầu giác, dần dần được giác ngộ. Giác ngộ được bao lâu? “Tùy Phần Giác”, giác dần dần cho đến cùng Phật như nhau, chính là cứu cánh giác, đạt đến địa vị gì?

Trên kinh Kim Cang có nói, thực tế Phật chẳng đắc cái gì gọi là A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề cả. Như thế thì chẳng cần phải đoạn diệt, chẳng cần phải tu hành gì sao? Đây chính là giới hạn khó phân biệt giữa vọng và chân, cũng giống như bàn tay này, mu bàn tay là vọng mà lòng bàn tay là chân. Phán vọng quy chân, từ chân khởi vọng, cũng vậy, đây chính là bản giác, một cái bất giác, một cái thủy giác, khởi niệm phân biệt, giác tri, nhớ nghĩ .v.v Bất luận bạn tư duy nhớ nghĩ, phân biệt, thấu tỏ... thì cũng giống như phía trước chúng ta đã nói qua “hữu giác giác thông, vô thông thông giác-có cái giác có thể giác biết được cái đau, nhưng cái đau không làm đau được cái giác”. Bạn cảm thấy đau đớn, nhưng cái đau này không làm đau được cái giác của bạn.

Mọi người đều biết câu chuyện Nhị tổ đứng trong tuyết chặt tay. Khi chặt tay mình cầu pháp, Nhị tổ cảm thấy đau đớn đến cùng cực. Nhị tổ liền cầu tổ sư Đạt Ma an tâm cho mình. Tổ sư nói: “Ông đem tâm ra đây, ta sẽ an giúp ông”. Tổ liền tìm tâm, tìm mãi nhưng không thấy tâm. Đạt Ma tổ sư liền nói: “Ta đã an tâm cho ông rồi”. Nhị tổ liền khai ngộ, minh bạch, ông không còn cảm thấy đau nữa. Không có cái đau nào làm đau cái giác, khi Nhị tổ giác ngộ liền không còn thấy đau nữa. Đây là Pháp mà không phải là tâm thể. Chúng đắc được tâm thể thì tất cả pháp đều là vọng, do hiểu được những cảnh vọng này nên Nhị tổ liền không cảm thấy đau nữa. Giống như chúng ta hiện tại khi thân tâm không thoải mái, khởi lên chướng ngại, chỉ cần tĩnh tọa một chút, bất luận là niệm bộ kinh nào, chỉ cần tâm tĩnh lại, đợi khi niệm xong bộ kinh liền đạt được thọ dụng.

「所言心外相者，謂一切諸法種種境界等。隨有所念，境界現前。故知有內心及內心差別。」

Sở ngôn tâm ngoại tướng giả, vị nhất thiết chư pháp chủng chủng cảnh giới đẳng, tùy hữu sở niệm, cảnh giới hiện tiền. Cố tri hữu nội tâm cập nội tâm sai biệt.

(Cái gọi là tướng ngoài tâm là nói các loại cảnh giới của mọi pháp đều là tùy theo sở niệm mà có cảnh giới hiện tiền. Cho nên biết có sự sai biệt giữa nội tâm và nội tâm.)

“Tướng ngoài tâm” là duyên niệm trong tâm, tự chứng phần của bản thân khởi lên, khởi lên cái gì? Khởi lên tướng phần. Vọng tâm được nói ở đây và tướng tạo ra, cả hai đều là trong nội tâm. Một tướng trong tâm, một tướng ngoài tâm, nhưng đều không rời tâm. Trước tiên phải nắm chắc điều này nếu không sẽ bị hồ đồ. Đây là tên gọi được lặp đi lặp lại, xem đến phần sau thì không tìm được đầu mối. Tìm được đầu mối gì? Một cái chân, một cái vọng, chân vọng tồn tại trong tâm thể của chính mình, nhưng trong cái tâm thể này cũng phân ra chân và vọng. Đây là tướng bên trong đầy đủ vậy. Do tướng trong tâm này khởi lên những sai khác nên được gọi là tướng ngoài tâm. Làm sao biết được cảnh giới sở niệm của những vọng tướng này. Là do những ý niệm phân biệt ở phía trước mà giác biết được. Những kiến phần sai biệt này duyên với tướng phần cảnh giới bên ngoài của sở duyên hình thành kiến phần và tướng phần, đều không rời tâm. Nghiệp tướng chính là kiến phần, hiện tướng chính là hiện cảnh giới tướng gọi là tướng phần. Ở giữa có ý niệm phân biệt nên ba tướng đồng thời hiển hiện, không có thứ tự trước sau. Tướng này rất vi tế gọi là vô minh hệ tướng, không phải chúng ta phan duyên mà được.

Chúng ta hiện tại phải đoạn tâm phan duyên, nếu nghĩ muốn đạt đến loại cảnh giới này thì tuyệt đối không thể đạt được. Những vọng niệm này của chúng ta vẫn là nói trên mặt chi tiết! Chúng ta ở đây được tính là gì? Đều là người mang nghiệp khổ ràng buộc. Hiện tại chúng ta thọ báo này nên đau khổ, không được như ý, đều bị những nghiệp này trói buộc. Tại sao lại như vậy? Nghiệp như thế nào? Do vì khởi hoặc nên tạo nghiệp, nghiệp nhân đó sản sinh ra hậu quả, khiến bạn thọ khổ thì càng khổ, thọ vui thì càng vui, nhưng vui cũng là nhân của khổ. Khổ nghiệp trói buộc được nói ở đây bao quát cả trời, người, địa ngục, a tu la, ngạ quỷ, súc sanh; sáu đường này đều bị nghiệp khổ trói buộc. Chính bởi lúc ban đầu khi khởi hoặc tạo nghiệp, đều là một bộ phận vọng tướng trong nội tâm khởi lên, sự sai khác trong nội tâm hiện ra chính là tướng bên ngoài của tâm.

如是當知，內妄相者，為因為體。外妄相者，為果為用。依如此等義，是故我說一切諸法悉名為心。

Như thị đương tri, nội vọng tướng giả, vi nhân vi thể; ngoại vọng tướng giả, vi quả vi dụng. Y như thử đẳng nghĩa, thị cố ngã thuyết nhất thiết chư pháp, tất danh vi tâm.

(Như vậy nên biết, tướng vọng bên trong là nhân là thể. Tướng vọng bên ngoài là quả là dụng. Nương vào nghĩa lí như vậy nên ta nói tất cả pháp đều gọi là Tâm).

Nhân vi thể và dụng khởi lên một cách hòa hợp đồng là nhất tâm. Địa Tạng Bồ Tát nói với Kiên Tịnh Tín Bồ Tát rằng: “Nhân vi như vậy, tôi nói tất cả pháp là tâm, tất đều gọi là tâm.” Địa Tạng Bồ Tát thuyết như vậy là vì ngài Kiên Tịnh Tín Bồ Tát thỉnh pháp; chứ đối với chúng ta thì không thể nói như thế! Vậy đối với chúng ta phải nói thế nào? A! Nghiệp báo của bạn quá sâu nặng, hãy nên chiêm sát luân tướng mới tốt. Ngài nói với Kiên Tịnh Tín Bồ Tát rằng: “Ông phải phát tâm Bồ Đề cầu thành Phật, phát đại bồ đề tâm ông phải nương theo đó mà quán tưởng thật sâu.”

Phàm phu chúng ta cũng có thể đạt được ngũ phẩm vị đã nói ở trước. Chúng ta giải thuyết có thể giống với chư Phật, đạo lí là nói phàm phu chúng ta có thể tương đồng như chư Phật, nhưng nếu nói muốn tự tu chúng đoạn vọng chúng chân thì điều đó rất xa vời. Còn kém quá xa. Cần phải từng bước từng bước đi lên, hiểu rõ được đến hoàn cảnh gì thì phải đoạn hoặc gì, có thể chứng được đạo lí gì. Đối với hoặc nghiệp, bản thân chúng ta có thể rõ ràng, nhưng cũng có người không rõ ràng. Phía trước Địa Tạng Bồ Tát đã dạy bạn dùng chiêm sát luân tướng. Bạn thấy hiện tại sao mình lại khổ như vậy? Đều là người, nhưng sao người và người lại khác nhau. Có người muốn sống cũng không sống nổi, luôn luôn phải thọ nhận đủ loại bức bách, bản thân ngay cả cơm cũng không có để ăn, y phục cũng không có để mặc, so sánh với người phú quý có đến vạn lượng hoàng kim, có thể so sánh được ư? Họ có được nhân duyên thế đó, sao mình lại có nhân duyên thế này? Do nhân quả thể dụng. Chúng ta từ trên mặt này tìm nguyên nhân, tìm rồi liền tra hiệu quả, nếu không biết thì hãy thỉnh Địa Tạng Bồ Tát đến giúp bạn tra. Biết rồi thì phải làm sao? Hãy niệm thánh hiệu của Địa Tạng Bồ Tát liền có thể giải quyết được.

Mọi người khi xem kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo nhưng tạm thời chưa đạt được những cảnh giới này thì phải làm sao? Hãy xưng niệm thánh hiệu của Địa Tạng Bồ Tát liền có thể đạt được. Điều này được Địa Tạng Bồ Tát nói ở cuối kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, khiến đại chúng có được mục tiêu, có được tin tưởng, có

được chỗ quy túc. Giả sử tôi muốn vãng sanh về thế giới Cực Lạc, tu Địa Tạng Bồ Tát có được không? Địa Tạng Bồ Tát nói muốn sanh về tịnh độ của vị Phật nào đều có thể sanh về đó. Bạn phải chiêm sát nghiệp báo và niệm danh hiệu Phật liền được sanh. Nếu bạn niệm A Di Đà Phật thì sanh về Tây Phương Cực Lạc Thế Giới, niệm Địa Tạng Bồ Tát nhờ ngài giúp đỡ một chút, niệm được có sự nắm chắc thì cũng quyết định vãng sanh Tây Phương Tịnh Độ.

又復當知，心外相者，如夢所見種種境界，唯心想作。無實外事。一切境界，悉亦如是。以皆依無明識夢所見，妄想作故。復次，應知內心念念不住故，所見所緣一切境界，亦隨心念念不住。所謂心生故種種法生，心滅故種種法滅，是生滅相，但有名字，實不可得。以心不往至於境界，境界亦不來至於心。如鏡中像，無來無去。是故一切法，求生滅定相，了不可得。所謂一切法畢竟無體，本來常空，實不生滅故。

Hựu phục đương tri, tâm ngoại tướng giả, như mộng sở kiến chủng chủng cảnh giới, duy tâm tương tác, vô thật ngoại sự. Nhất thiết cảnh giới, tất diệt như thị, dĩ giai y vô minh thức mộng sở kiến, vọng tương tác cố. Phục thứ, ưng tri nội tâm niệm niệm bất trụ cố, sở kiến sở duyên nhất thiết cảnh giới, diệt tùy tâm niệm niệm bất trụ, sở vị tâm sanh cố chủng chủng pháp sanh, tâm diệt cố chủng chủng pháp diệt. Thị sanh diệt tướng, dẫn hữu danh tự, thật bất khả đắc. Dĩ tâm bất vãng chí u cảnh giới, cảnh giới diệt bất lai chí u tâm, như kính trung tướng, vô lai vô khứ. Thị cố nhất thiết pháp, cầu sanh diệt định tướng, liễu bất khả đắc. Sở vị nhất thiết pháp tất cánh vô thể, bản lai thường không, thật bất sanh diệt cố.

(Lại nữa nên biết, tướng bên ngoài tâm giống như các loại cảnh giới thấy trong mộng, chỉ do tâm mà biến hiện không có sự việc thật bên ngoài. Tất cả cảnh giới cũng đều như vậy, đều nương theo cái

thấy vô minh như nhận thức trong mộng, tạo nên vọng tưởng. Lại nữa nên biết, trong nội tâm niệm niệm đều không trụ nên tất cả cảnh giới được thấy, được duyên theo đều tùy theo tâm mà niệm niệm không trụ. Cái này được gọi là tâm sanh nên tất cả pháp sanh, tâm diệt nên tất cả pháp đều diệt. Tướng sanh diệt này tuy có danh tự nhưng thật không thể đắc. Tâm không đến được cảnh giới, cảnh giới cũng không đến được tâm, như bóng trong gương, chẳng đến chẳng đi. Cho nên tất cả pháp muốn cầu định tướng không sanh diệt thì trọn chẳng thể được. Cái gọi là tất cả pháp cứu cánh vô thể, xưa nay thường không, thật sự không sanh diệt.)

Đoạn này là nói tướng bên ngoài tâm. Niệm niệm đều không trụ, trong từng sát na đều chẳng dừng nghỉ. Chúng ta có thể dùng kinh nghiệm của bản thân để tự mình kiểm nghiệm một chút. Giống như hồi tưởng lại trong 77 năm này của tôi, từ khi sinh ra đến nay không ngừng biến đổi nhưng trong nội tâm tôi ngược lại không cảm giác được. 77 tuổi này so với 76 tuổi có già hơn không? Không cảm giác được. 76 tuổi so với 75 tuổi già hơn bao nhiêu? Có phải già hơn không? Chẳng có! Giống như không già hơn vậy. Nhưng 77 tuổi tuyệt đối không phải là hình dáng của 20 tuổi, chính mình không còn nhận ra mình nữa. Đem bản thân so sánh với mười năm trước liền không nhận ra được. Nếu như cầm tấm hình lúc bé đến đối chiếu với bây giờ lại càng không nhận ra. Một lão già đã 77 tuổi cùng đứa trẻ mới hai ba tuổi đương nhiên là không giống nhau. Đây có phải là niệm niệm sanh diệt không? Nhưng cái “Tâm” có biến không? Không có ư? Bản thân hoàn toàn không biết lại có sự biến hóa nhanh như thế. Nhìn lại vài mươi năm xem thấy dường như chẳng có thay đổi, cái thấy đã thay đổi, nhưng cái thấy này cũng là vọng, không phải chân thật. Tướng ngoài tâm cũng giống như mộng, trong mộng thấy có rất nhiều cảnh giới. Mọi người nằm mộng có khi nào thời gian trong mộng là vài mươi năm không? Tôi nói vài mươi năm trong mộng cũng chỉ có hai, ba giờ mà thôi.

Chúng ta biết tác phẩm Hồng Lôu Mộng của văn học cổ điển, chúng ta không nói đến Hồng Lôu Mộng, chỉ nói (một người) hấp màn thầu, nướng bánh mì trong một lát liền tỉnh mộng. Người này từng làm huyện trưởng nhưng bắt đắc chí nên thích uống rượu, về sau gặp được Hán Chung Li cho ông một cái gói, ngã đầu một chút liền nằm mộng. Mộng thấy lên kinh khảo thí, đỗ trạng nguyên, sau đó dần dần làm đến tể tướng, sống được 89 tuổi. Cháu ông rước phải tai họa khiến

cả nhà bị xử trăm và tịch thu tài sản liền tỉnh ngộ. Chính lúc ông tỉnh ngộ thì Hán Chung Li lay ông tỉnh lại, nhìn thấy chủ quán vẫn còn đang nấu bánh! Khi đó ông ta ở trọ tại tỉnh Hàm Đan, lúc ở trên đường Hàm Đan ông nằm mộng, một lần mộng trải qua cả sáu, bảy chục năm mà nồi bánh vẫn nấu chưa chín! Mỗi người chúng ta buổi tối đi ngủ, nằm mộng có khi hai ba tiếng đồng hồ, có khi đặc biệt dài, một ngày cũng không xong, ngày thứ hai vẫn tiếp tục nằm mộng.

Tướng bên ngoài mà chúng ta thấy đều lừa gạt chúng ta, tại sao? Chúng ta làm kinh doanh rất tốt, dù là làm được rất cao hứng hay xui xẻo đều là lừa gạt bạn, từ căn bản mà nói thì vốn là không, là giả. Kì thực cả ngày đều chẳng thỏa sức ngao du, sau khi trừ vọng thì không nơi nào chẳng tự tại. Tôi thường đi trên đoạn đường qua lại giữa hai chùa Phật Ân và chùa Chánh Giác, giữa đường chỗ góc queo có nhiều ghé để nghỉ ngơi, nhiều người ngồi tại đó tươi cười hơn hờ, tài sản của họ chỉ là một cái thùng carton, dù đi cũng không sợ bị mất trộm, khi đến liền dựa ghé nằm ngủ.

Tôi có một đệ tử nói với tôi, khi cô ấy ngồi xe điện ngầm để đi làm, nhìn thấy những người không có nhà để về, cả đêm không ngủ, lên xe lại ảm áp liền nằm xuống ghé ngủ. Không lo, không sầu, giống như chúng đạo vậy, nhưng có thực sự không lo không sầu hay không? Lo cũng chẳng có tác dụng gì, biết lo rầu cũng vô ích, có chút rượu thì uống chút, uống say túy lúy đến bất tỉnh nhân sự, ngày mai liền không còn gì hết. Lúc tôi ở Los Angeles gặp một người da đen, lời anh ta nói với tôi khiến tôi buồn cười vô cùng. Anh ta nói: “Tôi đem tiền lương nhận được tiêu xài sạch luôn, đến ngày mai tính sau!” Đây chính là quên ưu, quên lo, nhưng đây có phải chân thật ngộ đạo không? Không có. Anh ta là quên đến cực điểm.

Cho nên nói quên đi ưu sầu liệu có thể mãi mãi như mặt trăng mặt trời mãi mãi kia không. Đòi người khi đến khi đi không chắc chắn. Trước kia có câu thơ như sau: “Hoa khai hoa tạ, thời khứ thời lai-*hoa nở hoa tàn, lúc đến lúc đi*”. Đòi người chúng ta, lúc thì xui xẻo, lúc lại phát lên, vận khí đến, vận khí lại mất đi. “Phúc phương úy nhãn, họa dĩ thành thai-*phước mới vừa đến, mầm họa đã hình thành*”. Có khi làm ăn tốt, con cái cũng rất hiếu thuận, cao hứng vô cùng. Nhưng thời điểm này rồi cũng qua đi, cho nên không cần phải ao ước hâm mộ, khi mất đi rồi cũng không nên quá đau buồn, một chút cũng chẳng quan hệ bởi đây đều là cảnh giới vọng, mất đi cũng không nên để trong lòng, nên xem nó như là “mộng huyễn bào ảnh”. Bốn câu cuối cùng

của kinh Kim Cang chính là muốn chúng ta nhìn nhận như vậy. Bởi vì ngoài tâm chẳng có tâm, đều là cảnh giới tướng. Nếu không chấp trước thì không có, đều vì không có vô minh, chân thật là cái thấy trong mộng. Vô minh phiền não mà chúng ta thường nói phải đợi đến khi chứng được Đăng Giác Bồ Tát, sắp thành Phật mới đoạn được. Thích Ca Mâu Ni Phật đêm nhìn sao mai hoát nhiên đại ngộ, rớt ráo chúng đạo, ngay đó đoạn được vô minh này.

Vô minh là do tám thức sanh khởi, tám thức và Như Lai Tạng hòa hợp với nhau, hai môn chân và vọng vốn là “tâm chân như môn” và “tâm sanh diệt môn”, nhân vì vọng tướng mà sanh tướng cảnh giới, cũng là niệm niệm trong nội tâm bạn không trụ, là vọng tướng của tâm niệm niệm không ngừng. Vọng tâm này của chúng ta không có nhà. Nếu như ngủ mà không tỉnh dậy cũng là nói ngày ngày đều nằm mộng. Tư duy của chúng ta là hệ thống do vô minh phát xuất ra. Ở đây toàn là vọng tướng, nói đến cái này, nghĩ đến cái kia, làm đến cái nọ, lại nghĩ cái này. Niệm niệm không trụ vào tất cả cảnh giới sở hiện sở duyên. Trong tâm niệm niệm không dừng, cái được duyên theo cũng niệm niệm không dừng, niệm niệm sanh diệt. Chính là cái đạo lí này. Điều được nói dường như rất sâu sắc, nhưng tác dụng khởi lên rất đơn giản, muốn đoạn cũng đoạn không được, trong tâm liền thấu suốt. Những người say rượu luôn nói mình không say, trong lòng không say nhưng thật sự đã say rồi!

Chúng ta mỗi người đều minh bạch, đều biết là giả, đã biết là giả tại sao phải làm? Đây chính là “buông không trót”, “nhìn không thấu”, nên không được tự tại. Nếu như buông xuống được, nhìn thấu được thì chân chính được tự tại. Người ta nói thiên hạ vốn vô sự, chỉ có kẻ ngu tự làm loạn. Trong nội tâm vốn thanh tịnh vô vi, nhân vì các loại vọng niệm mà sanh ra các pháp, đều là chỉ có danh tự mà không thể chứng đắc, tâm không đến cảnh giới, cảnh giới cũng không đến được tâm. Cũng giống như một tấm gương, để nơi nào thì tướng nơi đó hiện lên, gương không có phân biệt, quá khứ đã qua đi, tương lai liền hiện, tướng đã qua đi liền không còn. Tâm chúng ta có thể đạt đến như thế thì thành công. Cho nên tất cả pháp không có tướng sanh diệt, không thể chứng đắc, muốn cầu định tướng thật không thể được. Cũng giống như con người, khi tuổi già đến, khi bệnh tật đến, chẳng bao lâu sẽ chết.

Lớn tuổi khỏe mạnh là không đáng tin cậy, đây là quy luật nhất định. Tôi lúc nào cũng nhớ nghĩ đến vô thường, luôn nghĩ đến cái

chết, hiện tại mọi người hoan hỉ vui vẻ tụ hội tại đây học tập, nhưng mỗi người đều phải nằm xuống, ai ai cũng như thế. Không có mặt trăng nào vĩnh viễn viên mãn treo trên đầu chúng ta, vĩnh viễn không hoại, cho nên tướng cảnh giới sanh diệt không thể đắc, tất cả rốt ráo vô thể, tất cả pháp đều là do duyên mà sanh, có thể hủy diệt, chỉ có hư không là không diệt.

Trước đây có lão hòa thượng gọi là Cao Diệu Phong, ông ấy đã chứng được cái lí “Không” này. Quý muốn bắt ông ấy cũng không bắt được, hai tiểu quỷ nhìn không thấy liền đi thỉnh giáo với thổ địa. Thổ địa nói Hoàng Đế ban cho ông ấy một cái bình bát, ông ấy rất vui mừng, người chỉ cần lấy cái bình bát này thì có thể bắt được ông ấy. Ông ta cái gì cũng buông bỏ được nhưng vẫn tham chấp cái bình bát kia, chính là nói, cái niệm này không buông xuống nên không đi được. Tiểu quỷ gõ vào bình bát của ông, ông quả nhiên xuất hiện. Tiểu quỷ liền dùng khóa để khóa ông lại. Ông hỏi: “Các người đến đây làm gì?” Tiểu quỷ nói: “Chúng tôi đến bắt ông, thọ mạng của ông hết rồi”. Ông liền nói: “Các ông làm sao có thể bắt được tôi?” Tiểu quỷ nói: “Ông là giả tu hành nên không thể liễu sanh tử được. Ông đối với cái bình bát này vẫn còn tham ái.” Cao Diệu Phong liền nói: “A! Đúng rồi, tôi đối với cái bình bát này vẫn còn rất thích, tôi cũng sắp đi với các ngài rồi, các ngài lại đưa cái bình bát này cho tôi nhìn lại một chút có được hay không? Vì tôi thích nó nên muốn nhìn xem một chút.” Tiểu quỷ trong lòng nghĩ cho ông ta xem một chút cũng chẳng can hệ gì liền đưa cho ông. Ông vừa thấy liền cầm cái bát quăng đi, khi cái bát bị vứt đi, tiểu quỷ lại rung rung cái khóa liền chẳng thấy ông ấy đâu. Tiểu quỷ nghe thấy tiếng ông nói: “Nếu muốn bắt được lão tăng Cao Diệu Phong trừ phi khóa được hư không, nếu có thể khóa được hư không pháp mới có thể bắt được lão tăng Cao Diệu Phong.”

Tu cảnh giới quán Không hoàn toàn không phải không có tâm từ bi, đợi khi họ chứng được cảnh giới này, thành đạo Bồ Tát, phát đại bi tâm. Cảnh giới này vẫn chưa thành Phật, còn cách Phật rất xa. Chỉ có thể lại phát tâm bồ đề thị hiện tái lai trong nhân gian. Nếu không thì các bậc cao tăng đại đức ở nhân gian từ nơi nào đến? Đến nhân gian như vậy thì phước báo phải vô cùng lớn. Những người tu hành trong núi sâu sau khi chết bị mê mờ thì khi tái lai lại cũng chiếu theo đó mà luân chuyển.

Tại sao thành Phật phải trải qua ba đại a tăng kì kiếp? Chính là do mê rồi ngộ, ngộ rồi mê vậy, có khi đọa lạc, có khi tu hành, không

được thuận buồm xuôi gió. Chư vị đồng tu học Phật có được thuận buồm xuôi gió không? Rất khó! Chúng ta đều đang trồng thiện căn, bồi đắp thiện căn nhiều hơn một chút thì đi sớm hơn, bồi đắp ít hơn một chút thì đi trễ hơn. Tu hành dở thì vẫn phải luân chuyển, cho nên pháp môn tịnh độ là muốn cầu sanh về tịnh độ.

Có người hỏi: “Không phải pháp giảng về Không ư? Làm sao lại nói đến có sanh lên chứ?” Cái Không này chính là từ Có mà cầu. Không ở trong Có, có cái “Trong” mới có cái “Không”. Nếu không đến cuối cùng đều là chướng ngại, đến đâu cũng bị trói buộc, làm sao có thể giải thoát? Cổ nhân có thể đốn ngộ lí Không, chúng ta không phải căn cơ này. Bạn cần có căn cơ đó, tu vi đó mới có thể nói đến đại ngộ. Phiền não hóa bồ đề, nói thì rất dễ, nhưng khi làm thì thật sự rất khó. Khai ngộ thì ngày ngày đều có, giống như vấn đề hôm nay giảng tuy rằng nghĩa lí rất sâu xa, nhưng có xen vào ví dụ, mà ví dụ cũng không phải quá sâu sắc, bạn có thể lĩnh hội được bao nhiêu chứ?

Lần trước tôi hỏi bạn cái gì gọi là tướng trong tâm? Cái gì gọi là tướng ngoài tâm? Hiện tại đã minh bạch rồi liền khai ngộ. Thích Ca Mâu Ni Phật là khai ngộ một cách rất ráo. Học tập thì có thể minh bạch; giác nhiều thì minh bạch nhiều, giác ít thì minh bạch ít, không giác thì hoàn toàn chẳng minh bạch. Tất cả pháp cứu cánh vô thể, xưa nay là “Không”. Nó không sanh không diệt. Chúng ta tụng đọc Tâm Kinh có nói: “Quán Tự Tại Bồ Tát hành thâm bát nhã ba la mật đa thời”, là dùng trí huệ quán sát để soi xét, soi thấy năm uẩn đều là Không. Hiện tại chúng ta không đạt đến trình độ này thì y theo kinh dạy để quán sát. Quán sát tất cả pháp đến cuối cùng là thật hay giả? Tuy Địa Tạng Bồ Tát nói với Kiên Tịnh Tín Bồ Tát như thế, nhưng bản thân chúng ta cũng phải quán tưởng xem xét mới có thể biết được cái gì là chân thật. Cho nên cái được thấy có thể nêu ra là chân thì vĩnh viễn không hư hoại.

Có người nói núi không hoại, thật ra núi tùy thời đều đang biến hóa. Như núi Hymalaya đang tùy thời tăng cao. Trong quá khứ núi Hymalaya nằm dưới biển, hiện tại biến thành núi cao, hơn nữa đây là ngọn núi cao nhất địa cầu, tình huống như vậy đấy. Nếu như minh bạch đạo lí này thì tất cả pháp đều như vậy. Hiện tại, nơi đây của chúng ta là tám giờ ba khắc (tức 8h15’), ngược lại tại Đại Lục là vào sáng sớm, Đài Loan cũng là sáng sớm, đây là sự chuyển hóa vật lí. Không phải nơi này là buổi tối thì mọi nơi đều buổi tối, là ban ngày thì tất cả đều là ban ngày. Mọi pháp cũng như vậy. Địa cầu này ngày

ngày đều đang hư hoại, vậy hư hoại đến khi nào? Như Đức Phật nói 50 ức năm thì địa cầu này liền hoại, tiến vào hư không. Hư không lại dần dần hình thành, có điều lúc đó không còn gọi là tên này nữa.

如是一切法實不生滅者，則無一切境界差別之相，寂靜一味，名為真如第一義諦自性清淨心。彼自性清淨心，湛然圓滿，以無分別相故。

Như thị nhất thiết pháp thật bất sanh diệt giả, tắc vô nhất thiết cảnh giới sai biệt chi tướng, tịch tĩnh nhất vị, danh vi chân như đệ nhất nghĩa đế tự tánh thanh tịnh tâm. Bỉ tự tánh thanh tịnh tâm, trạm nhiên viên mãn, dĩ vô phân biệt tướng cố.

(Như vậy tất cả pháp thật không sanh không diệt thì không có tất cả cảnh giới tướng sai biệt, nhất vị tịch tĩnh, gọi là chân như, đệ nhất nghĩa đế, tự tánh thanh tịnh tâm. Tự tánh thanh tịnh tâm đó viên mãn trạm nhiên nên không có tướng phân biệt.)

Giả như sáu căn mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý của chúng ta. Trong đó mắt quán sát sắc không khởi lên phân biệt, chỉ một tướng một sắc, là tướng gì? Là thật tướng. Đây chính là hồi quy “nhất chân cảnh giới”, tất cả pháp thực tại không sanh không diệt. Thể của tất cả pháp không sanh không diệt, chính là “nhất vị bình đẳng”, “nhất vị” chính là cùng một pháp vị, một pháp vị là nói “chân như đệ nhất nghĩa”. Nhất nghĩa đơn là tự tánh thanh tịnh tâm, vĩnh viễn thanh tịnh, vĩnh viễn thậm thâm, vĩnh viễn không tăng một phân, dù làm chúng sanh cũng không giảm một phân. Không sanh không diệt, không cấu không tịnh, không có sự sai khác của nhiễm hay tịnh. Sanh diệt đều là danh từ, đều không có thực thể, thực thể chân chính là cái gì? Giống như mặt trời, giống như mặt trăng vậy.

無分別相者，於一切處無所不在。無所不在者，以能依持建立一切法故。復次，彼心名如來藏，所謂具足無量無邊不可思議無漏清淨功德之業。

Vô phân biệt tướng giả, u nhất thiết xứ, vô sở bất tại. Vô sở bất khả tại giả, dĩ năng y trì kiến lập nhất thiết pháp cố. Phục thứ, bỉ tâm danh Như Lai tạng, sở vị cụ túc vô lượng vô biên bất khả tư nghì, vô lậu thanh tịnh công đức chi nghiệp.

(Không có tướng phân biệt thì ở tất cả mọi nơi, không nơi nào chẳng có. Không nơi nào chẳng có thì có thể y theo đó trì giữ, kiến lập tất cả pháp. Lại nữa, tâm này tên gọi là Như Lai Tạng, có đầy đủ vô lượng vô biên công đức thanh tịnh vô lậu không thể nghĩ bàn.)

Tùy tiện nêu ra một pháp gì thì không nơi nào chẳng có, không khoảng giữa nào không có chỗ trống. Nếu như trong cơ thể chúng ta không có khoảng trống thì dạ dày, gan, khí quản sẽ dính chung một chỗ với nhau. Trong nhục thân chúng ta có khoảng trống, bất cứ cái gì dù khăng khít đến đâu tóm lại đều có khoảng trống. Cho nên nói chân không cũng không phải là chân thật không có gì. Tất cả pháp đều kiến lập như thế, tất cả pháp đều là một pháp. Pháp này biến khắp mọi nơi, giống như tất cả nước đều lưu nhập vào biển lớn. Dụng ý chính là như vậy. Tâm thể biến khắp mọi pháp, không nơi nào chẳng có, nhưng không phải phân biệt tách rời, không phải tương hư vọng. Nhân đó y theo tâm này mà có thể kiến lập tất cả cảnh giới pháp.

Chúng ta không phải nói “Nhất thật cảnh giới” sao? Ở đây hiển bày ra “nhất thật cảnh giới”. Nói như vậy thì giống như tâm này tựa không, kì thực chẳng phải không, phía sau sẽ nói về diệu dụng của nó. Tại sao chẳng phải không? Chân như biến thành tên gọi “Như Lai Tạng”, tạng là ý nghĩa hàm tàng, hàm tàng công đức vô lậu của Như Lai, cho nên phải tu. Tu đến địa vị nào mới có được vô lượng tánh công đức. Tu càng tốt thì công đức càng lớn, đó là từ trong không mà sanh ra hữu. Từ “hữu” này có diệu dụng bất khả tư nghì. “Như Lai Tạng” của Phật, Bồ Tát chân thật là vô lượng vô biên, bất khả tư nghì.

以諸佛法身，從無始本際來，無障無礙，自在不滅，
一切現化種種功業，恒常熾然，未曾休息。所謂遍一切世
界，皆示作業，種種化益故。以一佛身，即是一切諸佛身
一切諸佛身，即是一佛身。所有作業，亦皆共一。所謂無

分別相，不念彼此。平等無二。以依一法性而有作業，同自然化，體無別異故。

Dĩ chư Phật pháp thân, tòng vô thủy bổn tế lai, vô chương vô ngại, tự tại bất diệt, nhất thiết hiện hóa chủng chủng công nghiệp, hằng thường xí nhiên, vị tăng hựu tức. Sở vị biến nhất thiết thế giới, giai thị tác nghiệp, chủng chủng hóa ích cố. Dĩ nhất Phật thân, tức thị nhất thiết chư Phật thân. Nhất thiết chư Phật thân tức thị nhất Phật thân. Sở hữu tác nghiệp, diệc giai cộng nhất. Sở vị vô phân biệt tướng, bất niệm bỉ thử, bình đẳng vô nhị, dĩ y nhất pháp tánh như hữu tác nghiệp, đồng tự nhiên hóa, thể vô biệt dị cố.

(Vì Pháp thân chư Phật từ vô thủy đến nay không chương không ngại, tự tại bất diệt. Tất cả mọi sự hóa hiện và các loại công đức thường luôn lừng lẫy, chưa từng gián đoạn. Cái gọi là biến tất cả pháp giới đều thị hiện tác nghiệp, mỗi mỗi đều biến hóa làm lợi ích. Dùng một thân Phật cũng tức là tất cả thân Phật. Tất cả thân Phật cũng tức là một thân Phật. Tất cả mọi tác nghiệp đều cộng thành một. Cái được gọi là tướng không phân biệt tức không nghĩ nhớ đây kia. Bình đẳng không hai không khác. Y theo một pháp tánh mà có tác nghiệp, đều hóa hiện một cách tự nhiên, thể không có sự khác biệt.)

Cái được gọi là thân thông tác nghiệp chính là nói Phật có 18 cách khác nhau làm các loại công đức lợi ích cho chúng sanh. Thích Ca Mâu Ni Phật chính là bao quát cả mười phương ba đời tất cả chư Phật. Bạn hay tôi cũng đều có đủ tất cả, cùng biến khắp pháp giới. Phía trước đã nói đến tâm thể, tất cả chư Phật đều là một Phật, trùng trùng vô tận, “trong một vi trần chuyển đại pháp luân”. Một vi trần này là tất cả pháp giới, trong một đầu lông hiện cõi bảo vương. Tam thiên đại thiên thế giới đều hiện trong một đầu lông. Cảnh giới tướng này là viên dung diệu hữu, cho nên tất cả mọi tác nghiệp, tất cả mười phương ba đời chư Phật đều là gì? Là vô phân biệt tướng, không có cái này hay cái kia.

Thế và tánh là không hai. Quyền thượng là thuận nói đến sự, quyền hạ này lại thuận nói đến lí. Trên mặt lí rất khó thâm nhập vì không dễ gì tạo dựng được tín tâm thanh tịnh. Ba đoạn kinh văn phía trước là nói rõ diệu dụng của Phật rằng: Diệu dụng của chư Phật và một niệm tâm hiện tiền của tất cả chúng ta là giống nhau. Đạo lí này rất không dễ dàng. Không giống như quyền thượng chúng ta dùng

chiêm sát luân tướng để giảng về “chí tâm”. Tâm đó cùng với tâm này là như nhau, nếu hiểu được đạo lý này thì sẽ không có trường hợp không tương ưng. Công đức thanh tịnh vô lậu của chư Phật chẳng phải Không, cái Hữu và Không này cũng không sai biệt. Không là nói đến pháp thân chư Phật, Hữu là nói diệu dụng của báo thân tướng. Pháp thân chư Phật không có khởi thủy bờ mé.

Ý nghĩa của “vô chướng vô ngại” chính là không có tất cả chướng ngại của phàm phu, đây cũng là hiện tiền nhất niệm tâm của chúng sanh. Tâm này của đoạn trên là chỉ cho một niệm tâm hiện tiền của tất cả chúng sanh ta. Một niệm tâm này cũng có một tên gọi khác là “Nhu Lai Tạng”. Vậy hàm tàng cái gì? Là hàm tàng Như Lai. Đây là chỉ cho diệu dụng của Như Lai. Bởi vì nghiệp là từ pháp thân Như Lai mà sanh khởi, cũng chính là sản sinh ra công đức, sanh khởi tướng và dụng của pháp thân Phật. Khi trải qua được chướng ngại trong tu hành thì phá được pháp chấp, phá đi trần sa vô minh, nhân đó không chướng không ngại, đây cũng là tự tại. Tự tại là không chịu bất cứ khốn nhiễu nào trói buộc. “Bất diệt”, tất cả pháp đều như thị bất diệt. Tất cả mọi hóa hiện đều là diệu dụng mà chư Phật làm, những loại công đức này là những công đức làm lợi ích cho chúng sanh, giống như trì giới, nhẫn nhục, thiền định, trí huệ..., những công đức này giống như bó thuốc thật lớn. “Hằng” có ý nghĩa là thường; thường có ý nghĩa là hằng.

“Hằng thường” hai chữ này có nghĩa vĩnh viễn không gián đoạn, vĩnh viễn đều như vậy. Là cái hình dáng gì vậy? Hừng hực như ngọn lửa lớn cháy mạnh, ánh sáng tỏa chiếu. Xưa nay không gián đoạn, cũng không ngừng nghỉ, biến mãn tất cả thế giới. Tất cả thế giới không chỉ riêng Sa Bà thế giới, mà là nói toàn thể mười phương thế giới, vô lượng vô biên bất khả tư nghì. Loại biên tế này không một không hai, không có bên bờ. “Thế” là chỉ cho thời gian, bao gồm thời quá khứ, thời hiện tại và thời vị lai. “Giới” là chỉ cho nơi chốn xứ sở, thế giới chúng ta chính là thời không. Vậy biến khắp tất cả thế giới để thị hiện cái gì? Thị hiện chủng chủng tác nghiệp để hóa độ chúng sanh, là sự nghiệp làm lợi ích chúng sanh, vĩnh viễn như vậy.

Một tức là nhiều, nhiều tức là một, đây là cảnh giới trên kinh Hoa Nghiêm. Lớn nhỏ tương tục, “trong một vi trần chuyển đại pháp luân, trong một hào đoạn hiện cảnh Bảo Vương”. Một hay nhiều đều khô, cho ng chướng ngại, nên Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế giới Sa Bà thuyết pháp có thể thị hiện thế giới Bất Động, thế giới Cực Lạc, thế

giới Lưu Ly... thế giới được hiện rất nhiều. Trong hội giảng kinh Phương Đẳng, trong tạng thức Như Lai Tạng, cư sĩ Duy Ma Cật đã hiện ra rất nhiều thế giới. Phải biết đây chính là một niệm hiện tiền của chúng ta, cũng được gọi là “Như Lai Tạng”. Như Lai Tạng mà chúng ta nói cho đến cảnh giới rốt ráo mà tất cả chư Phật đạt là gì? Chính là pháp tánh, là lí thể, là cái xưa nay vốn đầy đủ. Đắc nhưng không có cái đắc, đắc nhưng không có tướng đắc, dù khi tu chứng nhưng chúng sanh cũng không diệt mất, cũng không mất đi. Khi phàm nhiễm hoàn tịnh đều không có cái đắc, chỉ là trừ đi những vọng nhiễm này mà thôi. Trong cùng một pháp tánh, chúng sanh cũng là Phật, Phật cũng bao gồm chúng sanh.

Mọi người tụng đọc phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm, nếu như không có chúng sanh cũng chính là không có chư Phật, **“nhân vì chúng sanh mà khởi đại bi, nhân vì đại bi mà sanh khởi tâm bồ đề.”** Trong phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện có cử ra một ví dụ: **“Thí như khoáng dã, sa tích chi trung, hữu đại thọ vương. Nhược căn đắc thủy, chi diệp hoa quả tất giai phồn mậu”** (Ví như trong chốn đồng hoang sa mạc, có đại thọ vương, nếu rễ cây hút được nước thì cành, lá, hoa, quả thảy đều sum suê.) Nếu như không có chúng sanh thì không có chư Phật, do vậy phải hiểu được (Phật và chúng sanh) đều đồng một thể. Nhân vì cái thể này tại thánh không tăng, tại phàm không giảm, không có tánh sai biệt. Nghĩa lí này mọi người phải minh bạch, thế nhưng tại sao biểu hiện ra lại hoàn toàn chẳng thấu triệt vậy, nguyên nhân là gì? Bởi vì chúng ta có tri kiến phiền não nên không thể minh bạch. Lại giống như Xá Lợi Phật, Mục Kiền Liên, họ không chỉ không minh bạch mà còn không tin, bởi vì họ không có mối liên hệ với pháp này. Phàm phu chúng ta siêu việt nhị thừa nếu có đủ tín tâm, tin được đạo lí này, tin rồi sau đó có thể lí giải, đó chính là tri kiến Phật, cùng Phật như nhau. Nếu như phàm phu có thể giải ngộ tương đồng như chư Phật thì nhất định sẽ chứng đắc. Chúng ta phải từ thực dụng mà khởi diệu dụng, nên cần phải tu tập. Do đó loại cảnh giới này, nghĩa lí này, cũng giống như Địa Tạng Bồ Tát nói với Kiên Tịnh Tín Bồ Tát: “Nếu ba nghiệp không thanh tịnh thì không thể tu được pháp này.”

如是諸佛法身遍一切處，圓滿不動故。

Như thị chư Phật pháp thân, biến nhất thiết xứ, viên mãn bất động cố.

(Như vậy pháp thân chư Phật biến khắp mọi nơi, viên mãn không động.)

Tất cả pháp thân Phật đều có đầy đủ ý nghĩa của địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, người, thiên nhân, a tu la, thanh văn, duyên giác, Bồ Tát; biến tất cả mọi nơi, không bỏ sót một người nào, một con kiến cũng ở trong. Tùy tiện lấy ra một pháp nào đều là viên mãn, cái này là nghĩa bất động, không đến không đi, không sanh không diệt.

隨諸眾生，死此生彼，恒為作依

Tùy chư chúng sanh, tử thử sanh bỉ, hằng vi tác y.

(Tùy theo chúng sanh chết đây sanh kia mà luôn làm chỗ nương tựa cho họ.)

Trong Phật pháp chúng ta có ba loại đệ tử, một loại là nghe pháp, một loại là hộ pháp, một loại là quy y. Tôi thường nói với những đệ tử nghe pháp của tôi rằng: “Khi tụng kinh tôi hồi hướng cho các vị, các vị cũng phải hồi hướng cho tôi, như vậy chúng ta mới có thể tiếp tục tụng.” Tôi hồi hướng cho bạn trước, đây chỉ là một phương, không có liên hệ gì với bạn. Chúng ta làm một chút việc gì đều hồi hướng cho chư Phật, hồi hướng cho khắp mười phương pháp giới chúng sanh, ý nghĩa này tương thông lẫn nhau. Cái này có gần có xa nhưng đồng nhất một thể tánh, cũng chính là viên mãn bất động, tùy theo chúng sanh chết nơi đây sanh sang nơi kia, tâm thể của chúng sanh chính là pháp thân chư Phật, do đó tất cả bốn thân pháp thân đều là Phật, và tất cả chúng sanh cũng đều có thể thành Phật. Thích Ca Mâu Ni Phật khi thành đạo không phải đã nói: “Lạ thay! Lạ thay! Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh.” Cùng với Phật không khác. Trước đó Ngài vẫn chưa đạt đến cảnh giới này, tại sao? Bởi vì ngài vẫn còn một phần vô minh chưa phá. Di Lặc Bồ Tát hiện tại chính là còn một phần vô minh chưa phá, cần phải đạt đến một niệm đó thành đẳng chánh giác tức A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Khi một niệm cuối cùng đó phá rồi thì phần bốn hoàn nguyên, mới biết được không có chỗ nào để đắc. Trên kinh Kim Cang đức Phật cùng với ngài Tu Bồ Đề đã nhiều lần biện luận về vấn đề này.

Trong đoạn kinh văn này Địa Tạng Bồ Tát nói với Kiên Tịnh Tín Bồ Tát cần phải chúng đắc được tín tâm này, tin cái gì? Tin vào chính

mình. Tôi đã từng nói với đại chúng, không dễ gì sanh khởi được tín tâm này bởi có tâm yếu hèn, tâm ngã mạn, tâm giải đãi”. Loại “Mạn” này có nhiều loại. Chúng ta thường nói đến tâm cống cao ngã mạn tức đề cao bản thân, hạ thấp người khác. Nhưng còn có một loại “ti liệt mạn” khác, ý nghĩa đại khái là cảm thấy bản thân không đủ tư cách, cảm giác tự ti đặc biệt nghiêm trọng. Nếu như nói phải sanh khởi ý niệm giống như Phật, thì không chỉ người có kiến tư hoặc như chúng ta hoài nghi không tin, mà đại đệ tử hàng nhị thừa của Phật cũng không tin. Chúng ta xem thấy trong kinh Kim Cang, lúc ban đầu ngài Tu Bồ Đề cũng không tin, biện luận với Phật, đến cuối cùng ông mới tin. Đây chính là do không thấy được có thể chuyển hóa. Nếu như tin điều này thì lại không tin được cảnh giới trên kinh Hoa Nghiêm. Cho nên một tầng rồi một tầng, thật không dễ dàng. Đạo lí này rất thâm sâu. Thêm một ví dụ nữa, đoạn kinh văn phía dưới chính là một tỉ dụ.

**譬如虛空，悉能容受一切色相種種形類。以一切色相
種種形類，皆依虛空而有建立生長，住虛空中，為虛空
處所攝，以虛空為體**

Thí như hư không, tất năng dung thọ nhất thiết sắc tướng chủng chủng hình loại, giai y hư không nhi hữu, kiến lập sanh trưởng, trụ hư không trung, vì hư không xử sở nhiếp, dĩ hư không vi thể.

(Thí như hư không có thể nhận chịu dung chứa tất cả mọi sắc tướng hình loại. Dùng tất cả sắc tướng hình loại này đều nương theo hư không mà kiến lập, sanh trưởng, trụ ở trong hư không làm chỗ nhiếp thọ trong hư không, dùng hư không làm thể.)

Tất cả mọi pháp đều kiến lập từ trong hư không, dùng hư không làm thực thể của chúng. Bởi chỉ hư không mới có thể kiến lập, nếu như không có hư không thì không thể kiến lập, liền có chướng ngại. (Ví dụ) nơi này không có khoảng trống, nếu muốn xây dựng một căn phòng thì không làm được.

無有能出虛空界分者。當知色相之中，虛空之界，不可毀滅。色相壞時，還歸虛空。而虛空本界，無增無減不動不變。

Vô hữu năng xuất hư không giới phân giả. Đương như sắc tướng chi trung, hư không chi giới bất khả hủy diệt, sắc tướng hoại thời, hoàn quy hư không, như hư không bản giới, vô tăng vô giảm, bất động bất biến.

(Không cái gì có thể ra khỏi giới phân của hư không. Nên biết trong sắc tướng, hư không giới không thể hủy diệt. Khi sắc tướng hư hoại liền quy hồi về hư không, mà hư không giới vốn không sanh không diệt, không dao động không biến đổi.)

“Hư không” này là tỉ dụ, mượn nhờ hư không để hiển hiện pháp thân Phật. Tất cả hình tướng đều kiến lập trong hư không, tất cả hình tướng chính là tỉ dụ cho chúng sanh, tất cả chúng sanh đều kiến lập trên pháp thân. Loại tỉ dụ này không thể đảm đương sự thật chỉ có thể làm hiển hiện mà thôi. “Hư không” thì vô tri, có nhiều người đem pháp thân làm “hư không”. “Hư không” không phải là pháp thân, chỉ mượn nó để hiển hiện đạo lí, đừng nghe đến chữ “không” thì liền nghĩ đến cái không trong “hư không”. Như thế sẽ không thể lĩnh hội được ý nghĩa của không và bất không. Ở chỗ này hình dung chúng sanh y chỉ vào pháp thân Phật, giống như ý nghĩa tất cả mọi loại hình sắc đều y chỉ hư không.

Ở quyển thượng phía trước, chúng ta đã nói đến chiêm sát luân thiện ác nghiệp báo, mười thiện mười ác, những hình tướng này dựa theo pháp thân mà kiến lập. Thiện nương vào pháp thân, mà ác cũng nương vào pháp thân. Ác pháp không thuận theo pháp thân cho nên chúng ta phải đoạn trừ. Trên thực tế nói đoạn nhưng không có gì để đắc. Cho nên trên kinh Kim Cang nói: “Đối với pháp thực sự không có chỗ đắc”. Cảnh giới này chúng ta vẫn chưa chứng được, hiện tại cần phải đoạn vọng quy chân. Sau đó “chân” cũng không tồn tại. Nếu lại chấp trước vào chân, chấp trước này lại biến chân thành vọng. Đạo lí này cần phải giảng đi giảng lại nhiều lần. Phía trước đã nói tất cả chúng sanh đều kiến lập từ trên pháp thân, đều giống nhau. Thế nên hư không tương hợp với pháp thân Phật.

諸佛法身，亦復如是，悉能容受一切眾生種種果報。

以一切眾生種種果報，皆依諸佛法身而有建立生長，住法身中，為法身處所攝，以法身為體，無有能出法身界分者。

Chư Phật pháp thân, diệc phục như thị. Tất năng dung thọ nhất thiết chúng sanh chủng chủng quả báo, dĩ nhất thiết chúng sanh chủng chủng quả báo, giai y chư Phật pháp thân như hữu kiến lập sanh trưởng, trụ pháp thân trung, vì pháp thân xử sở nhiếp, dĩ pháp thân vi thể, vô hữu năng xuất pháp thân giới phân giả.

(Pháp thân chư Phật cũng giống như vậy, tất có thể dung chứa tất cả các loại quả báo của chúng sanh. Dùng tất cả quả báo của chúng sanh đều y theo pháp thân chư Phật mà có sự kiến lập, sanh trưởng, trụ trong pháp thân, làm chỗ được nhiếp trong pháp thân. Lấy pháp thân làm thể, không có bất cứ thứ gì ra khỏi giới phân của pháp thân.)

Chúng sanh tạo ra các loại nghiệp, sản sanh ra các loại quả báo. Bất kể chúng sai khác thể nào đều được kiến lập và sanh trưởng trong pháp thân chư Phật, làm chỗ sở nhiếp của pháp thân, lấy pháp thân làm thể. Tất cả những loại sai biệt của chúng sanh cũng là dùng pháp thân chư Phật làm thể. Pháp thân của chúng ta và pháp thân chư Phật là một thể, không phải hai, nhưng nói một cũng là quá dư rồi. Ở đây có điểm giống như trong kinh Lăng Già: một cũng không tồn tại. Bất cứ cảnh giới tư duy, chủng loại sai biệt, các loại hình tướng, ngôn ngữ gì đều không thể siêu vượt ngoài pháp giới.

當知一切眾生身中，諸佛法身，亦不可毀滅。

Đương tri nhất thiết chúng sanh thân trung, chư Phật pháp thân diệc bất khả hủy diệt.

(Nên biết trong thân tất cả chúng sanh, pháp thân chư Phật, cũng không thể hủy diệt.)

Thân chúng sanh chính là pháp thân chư Phật, chư Phật không có phiền não, vì pháp thân là thanh tịnh vô nhiễm. Vậy (chúng ta) làm sao có thể ra khỏi phiền não? Trong “nhất tâm, nhị môn, tam đại” đối

với sanh diệt môn, không rời khỏi nhất tâm cũng là khiến chúng được nhất tâm.

**若煩惱斷壞時，還歸法身。而法身本界，無增無減，
不動不變。**

Nhược phiền não đoạn hoại thời, hoàn quy pháp thân, nhi pháp thân bản giới vô tăng vô giảm, bất động bất biến.

(Khi đoạn trừ được phiền não thì trở lại với pháp thân; mà pháp thân tự nó vốn không tăng không giảm, không động không biến.)

Bản thể của pháp thân không động không biến, đây là dùng pháp thân chư Phật kết hợp với thể của hư không phía trên. Các loại hình sắc, danh sắc đều y vào pháp thân mà kiến lập, cho nên tất cả pháp đều giả, không có thực thể. Tất cả đều là pháp thân, tất cả đều chân thật. Nhân vì biến nhất thiết xứ nên cũng là chân; chân và giả kết hợp tạo thành nghĩa trung đạo. Cái tâm này xưa nay vốn đủ ba loại quán hạnh. Tam quán Không, Giả, Trung làm tam thân của Phật. Trong đó, Hóa thân là Giả pháp nên không thể biến; còn Pháp thân là Trung đạo nên biến nhất thiết xứ. Chúng sanh có một cái thể không thể hủy diệt chính là tự tánh, chính là pháp thân Phật. Điều này được ấn chứng nhiều lần. Nhưng ở đây có một vấn đề, chúng sanh có nghiệp báo, sanh đến chết đi, loại nghiệp này biến thành quả báo. Nhưng bản thể của Pháp thân vốn bất động, không tùy theo quả báo mà thay đổi, cũng không bị tiêu tan. Chết đây sanh kia, sanh sanh diệt diệt, mà pháp thân thì không biến không động. Cho nên chư Phật chứng đắc thì được gọi là Như Lai, hoặc Chánh Biến Tri, hoặc Minh Hạnh Túc đều là giải thích cho ý nghĩa này. Ý nghĩa ở đây rất nhiều, chúng ta hiện tại giản lược bớt, giảng hết cũng chẳng có tác dụng gì, đều phải dựa vào công phu của chính mình ấn chứng. Bản thân tuy đã phục hồi lại (tức tu chứng được) nhưng ngàn vạn lần đừng đem hư không làm pháp thân, đó chỉ là từ hình dung cho tỉ dụ mà thôi. Tại Ấn Độ thường dùng tỉ dụ, như nói voi trắng để chỉ cho tuyết sơn, vậy tuyết sơn đó cần phải giống với voi trắng (ví như) nơi đó có thể tìm được ngà voi sao? Nếu muốn tìm nhất thiết trí trong hư không thì có thể tìm được ở

đâu chứ? Hư không vốn vô trí, đó chỉ là hình tướng hiển thị một chút tâm thể của chúng ta mà thôi.

Nếu như chúng ta có thể minh bạch hiểu rõ, nhìn xem bài kệ của Lục tổ đại sư và đại sư Thần Tú làm ra liền biết. Thần Tú đại sư chỉ muốn chúng ta phải tu hành mà thôi; còn Lục Tổ đại sư nói là diệu dụng chứ không phải tu; không có giả cũng chẳng có chúng, vậy phải hình dung như thế nào đây? “Tâm như Bồ Đề thụ, thân vì minh kính đài, thời thời cần phát thức, vật xử nhạ trần ai-*tâm như cây bồ đề, thân như đài gương sáng, thời thời cần lau chùi, đừng để nhuốm bụi nhơ*”. Đây là muốn chúng ta phải tùy thời chú ý tu tâm, cái này chính là phải có sự tu tập. “Thời thời cần Phật thức” là ý nghĩa tu tập. Còn Lục Tổ đại sư nói là trực chỉ kiến tánh, chỉ cái thể của pháp thân: “Bồ đề bản vô thụ, minh kính diệc phi đài, bản lai vô nhất vật, hà xứ nhạ trần ai?-*bồ đề vốn không cây, gương sáng có chi đài, xưa nay không một vật, nơi nào nhuốm bụi nhơ*.” (Thế gian) vốn có cái gì chứ? Vậy thì cần chúng cái gì đây? Dùng cách này có thể độ được chúng sanh? Tự mình chứng ngộ thì có thể, nhưng độ tha thì không được.

Nếu ngộ được điều này thì trên mặt sự có thông hay không? Thông suốt. Lục tổ đại sư tuy không biết chữ nhưng có thể liễu giải được ý nghĩa (của kinh điển). Bạn tụng kinh ngài sẽ giải thích nghĩa giúp bạn. Nếu để ngài đọc, ngài không đọc được, cũng chưa từng đọc qua sách. Đây là ngài có căn bản trí, không có hậu đắc trí, không có sai biệt trí, liền không giống Phật mà giống với những đại Bồ Tát chúng đặc pháp thân. Chúng đặc rất ráo được pháp thân cũng không giống nhau mà có sự khu biệt. Do vậy nên biết, chúng được địa vị Bồ Tát đó không giống với cứu cánh Phật quả. Vậy Tứ Thân Thành Phật của mật tông có thể hay không? Cùng với ý nghĩa này, họ có thể ngộ được lí pháp thân nhưng không thể khởi được tướng dụng, cũng không khởi được diệu dụng. Do vậy trong ba tạng mười hai bộ kinh mà chúng ta cầu được, Phật không thọ kí cho ai, cũng không nghe nói đến vị Phật nào thọ kí trong giai đoạn giữa Phật Thích Ca và Di Lặc. Một ngàn vị Phật trong Hiền Kiếp này đều được sắp xếp xong, ý nói muốn một đức Phật thành Phật ở thế giới khác thì phải đến thế giới đó thọ kí, không phải là chỗ chúng ta. Cho nên nói tôi đã thành Phật, đây là cuồng vọng vậy.

Lại dùng ý nghĩa cạn cợt này để nói, ví dụ chúng ta khởi vọng tưởng, khởi lên ý niệm sai quấy thuộc về tham sân si. Trong tâm cảm thấy bản thân là người niệm Phật sao có thể sanh khởi ra loại ý niệm

này? Lại ăn năn, ý niệm đầu khởi lên ngay cả Bồ Tát cũng khó tránh vì chưa đoạn được trần sa hoặc! Khi A La Hán không nhập định, cũng khởi lên vọng như vậy. Điều này chẳng can hệ gì. Có thể đủ giác biết thì dùng trí huệ mà soi xét. Như “Quán Tu Tại Bồ Tát hành thâm bát nhã ba la mật đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không.” Khi muốn tu, ví dụ như đang lúc tụng kinh hay niệm A Di Đà Phật cảm thấy có vọng tưởng. Nhưng lúc không tụng kinh lại không cảm thấy có vọng tưởng, đây là nguyên nhân gì? Bởi vì lúc này (tức lúc không tụng kinh hay niệm Phật) thì toàn thể ý niệm đều biến thành vọng tưởng (nên không thấy có vọng tưởng). Không biết mọi người có kinh nghiệm này không, khi tụng kinh mới tĩnh tâm một lúc liền nghĩ đông nghĩ tây, thấy quá nhiều vọng tưởng. Khi không tụng kinh thì toàn bộ đều trong vọng tưởng, liệu các bạn có quán sát được không? Cho nên nói tụng đọc đại thừa kinh điển và niệm A Di Đà Phật là cách tốt nhất để tu hành, nhân vì mượn tha lực để tu hành.

Đã từng có đạo hữu nghĩ muốn tìm một pháp môn để tu hành. Tôi hỏi anh ta hiện tại đang tu cái gì? Anh ta nói: “Niệm Phật”. Niệm Phật không phải là pháp môn tu hành rất tốt ư? Tụng đọc đại thừa, công khóa sớm tối, cho đến học làm lợi ích cho chúng sanh, cúng dường hương hoa, đốt hương đều tốt, đừng có hạn chế, đó đều là (phương pháp) tu hành. Đừng có ý nghĩ tìm thêm pháp môn tu hành khác nữa, như thọ quán đảnh hay học mật chú. Tôi nói niệm A Di Đà Phật là rất mật, đây là “vô thượng mật”. Niệm Phổ Hiền Bồ Tát cũng là “vô thượng mật”. Chẳng qua tôi chỉ trì thánh hiệu, không có ý nghĩa quán đảnh mà thôi.

Phía sau Địa Tạng Bồ Tát nói: cái gì huyền, cái gì diệu, nếu như hiện tại không có cách gì thì hãy niệm thánh hiệu của tôi, cái gì cũng có thể đạt được, rất đơn giản, đến cuối cùng mới nói. Bạn muốn tu học thế nào, hay chỉ muốn trồng chút thiện căn, hoặc bạn muốn đi tịnh độ ở tây phương, đông phương hay bắc phương. Địa Tạng Bồ Tát đều sẽ đưa tiễn bạn đi. Vô luận quốc độ của đức Phật nào bạn đều có thể đi. Từ chỗ này chúng ta có thể lí giải được đoạn kinh văn Địa Tạng Bồ Tát nói phía trước. Cõi tịnh độ của chư Phật cũng chính là tịnh độ của chính bạn, mười phương pháp giới đều là bạn. Nếu bạn sanh khởi tâm phân biệt, thấy phía đông tốt, phía tây không tốt, đó là tâm phân biệt. Ai ai cũng tốt, chỉ tôi ở nơi không tốt.

Nơi này là thế giới Hoa Tạng. Xem phẩm Thế Giới Thành Tựu trong kinh Hoa Nghiêm, ngoại trừ thế giới Cực Lạc, thế giới Dược Sư

Lưu Ly Quang Như Lai, trong biển thế giới trùng trùng vô tận, trong 20 tầng thế giới thì đây là tầng thứ 13 của Hoa Tạng thế giới. Nhưng chúng ta không đạt được đến cảnh giới đó nên nhìn không ra. Nếu đến được Cực Lạc thế giới của A Di Đà Phật thì tốt. Tuy nhiên có một điều nên nhớ, nếu muốn thành Phật thì tại thế giới này, tại nơi đây là nhanh nhất, tuy nhiên phải nhìn xem căn cơ của chúng ta. Căn cơ hai loại, có lợi có độn. Những người phát tâm đại thừa dũng mãnh tinh tấn không lựa chọn những cách này. Những chúng sanh có tâm khiếp nhược muốn đến con đường phía trước cần phải ba đại a tăng kì kiếp mới có thể thành Phật, trong thời gian đó lại chuyển biến, lại tạo nghiệp, lại sợ đọa địa ngục, sợ đọa tam đồ. Nhưng chỉ cần học Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo Kinh hoặc là niệm thánh hiệu của Địa Tạng Bồ Tát thì vĩnh viễn tránh miễn được. Đây là Địa Tạng Bồ Tát nói, không phải tôi nói.

Chúng ta diệt phiền não, đem một vọng tưởng diệt rồi, diệt có cái tướng diệt. Khi khởi lên một vọng niệm thì một niệm khác lập tức không còn. Niệm trước diệt rồi, niệm sau lại khởi. Cái niệm này sanh như thế nào? Diệt ra làm sao? Sanh không có tướng sanh, diệt cũng không có tướng diệt, cũng không có phiền não có thể đoạn, cũng không có Bồ Tát có thể chứng. Đoạn cuối cùng này chính là ý nghĩa như vậy. Nhưng nói như vậy sợ rơi vào đoạn diệt mà không tu nữa, cho rằng là vô vi. Thiên tông dễ phạm vào khuyết điểm này, cho nên một người học thiên thì không trì giới, nguyên nhân là ở đây. Địa Tạng Bồ Tát vẫn muốn chúng ta trì giới. Nếu muốn đạt đến cảnh giới này cần đạt được ba nghiệp thanh tịnh. Nếu ba nghiệp không thanh tịnh thì không đạt được cảnh giới này, cần phải dùng đến chiêm sát luân, phải lễ sám nhiều, xưng niệm thánh hiệu Địa Tạng Bồ Tát, mỗi người chúng ta đều có các chủng nghiệp, đây là nghiệp. Muốn sanh tồn thì phải đi làm, phải làm tất cả mọi công việc, do đó không thể chuyên tâm tu hành. Như vậy có thể ngày ngày bái sám ư? Không phải quản bất cứ việc gì chỉ nỗ lực tu hành, liệu có thể làm được không? Phương pháp niệm Địa Tạng Bồ Tát là tốt nhất. Niệm A Di Đà Phật cũng rất tốt, niệm Quán Thế Âm Bồ Tát cũng tốt, không nhất thiết có nhân duyên thù thắng, tùy thời đều có thể làm, khi làm việc cũng không chướng ngại trong tâm niệm A Di Đà Phật.

Đây là tôi phối hợp mà nói, đoạn kinh văn thứ ba không có nói những điều này, chỉ nói bạn cùng với pháp thân Phật là một. Tuy trong này có nhiều phân biệt như thế nhưng tâm của chúng ta chính là Như

Lai Tạng. Bộ phận không thanh tịnh khiến nó chuyển hồi tánh công đức vô lậu của chúng ta. Hiện tại chúng ta tu tập kiến lập Như Lai Tạng của chúng ta bằng cách cúng dường tam bảo, thính pháp văn kinh, niệm Phật đều là bồi dưỡng tánh công đức Như Lai Tạng của chúng ta.

但從無始世來，與無明心俱。癡暗因緣熏習力故，現妄境界。以依妄境界熏習因緣故，起妄相應心，計我我所造集諸業，受生死苦，說彼法身名為眾生。

Đã từng vô thủy thế lai, dĩ vô minh tâm câu, si ám nhân duyên huân tập lực cố, hiện vọng cảnh giới. Dĩ y vọng cảnh giới huân tập nhân duyên cố, khởi vọng tương ưng tâm, kế ngã ngã sở, tạo tập chư nghiệp, thọ sanh tử khổ, thuyết bỉ pháp thân danh vi chúng sanh.

(Nhưng từ vô thủy đến nay có tâm vô minh cùng với nhân duyên si ám huân tập nên hiện cảnh giới vọng. Nhưng theo cảnh giới vọng huân tập nhân duyên nên tâm khởi vọng tương ưng, so tính ta và của ta, tạo các nghiệp nên thọ khổ sanh tử, nên nói pháp thân này gọi là chúng sanh.)

Phía trước nói chúng sanh là pháp thân, hiện tại không phải, nói pháp thân là chúng sanh. Tại sao nói thế? Bởi cùng với vọng Du Già vậy. Dù Già chính là tương ưng. “Du Già Sư Địa Luận” giảng về tương ưng. Từ “Sư” có lúc chỉ cho tâm thuyết. “Sư Tâm” chính là nói lấy mình làm thầy chính mình, “sư tâm” cho rằng tâm của chính mình so với bất cứ ai đều đúng hơn, ý muốn nói lấy mình làm chủ, hợp với ý tứ của mình thì đúng, không hợp với ý tứ của chính mình thì đều không đúng. Cùng với tự tâm Du Già, chính là tương ứng sư tâm. Tu bất cứ phương pháp nào tương ứng thì gọi là Du Già, bình thường chúng ta tu pháp Du Già chính là tu pháp tương ưng. Nếu học Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo tương ưng thì tu Du Già này thành công. Ở đây tương ưng với vọng Du Già. Phía trước là tương ứng với Chân, chính là chư Phật và chúng sanh đồng một pháp thân. Từ vô thủy đến nay, Như Lai tạng tâm này của chúng ta cùng với tâm vô minh đều có đủ, tương ưng với tâm vô minh. “Si ám nhân duyên huân

tập lực cố”, mười hai nhân duyên chính là vô minh duyên hành, hành duyên danh sắc, lục nhập, duyên ái, duyên thọ, duyên hữu, hữu duyên sanh lão bệnh tử khổ. Có tham ái thì có khổ, cùng với tâm vô minh này có đủ.

Đại Thừa Khởi Tín Luận căn cứ vào lập luận này, huân tập ác duyên, vô minh si ác mà hiện cảnh giới kiến vọng. Cảnh giới tướng này chính là tướng phân. Chúng ta đã giảng do vọng hiện cảnh giới tướng của nghiệp chuyển tướng là tướng cảnh giới từ tâm hiện ra chứ không phải do bên ngoài; do cảnh giới tướng hư vọng này huân tập. Tâm này tương ứng với vọng nên suy tính ta và của ta. Đây là trong tự tâm có so tính ta và của ta. Đây là ta, kia là của ta. Ta và của ta biện luận không rõ ràng. Vì có cái ta, và cái của ta nên tạo nghiệp, bởi vì tạo nghiệp, nghiệp liền theo sát bạn khiến bạn phải thọ khổ. Điều này chúng ta có thể căn cứ vào sinh hoạt hiện tại của bản thân để nghiệm chứng. Hiện tại chúng ta khởi tâm động niệm có tánh tương tục, niệm niệm tương tục, niệm niệm khởi hoặc, niệm niệm tạo nghiệp. Như vậy tâm niệm Phật có chân thật hay không? Cũng không phải chân tâm, phản vọng quy chân là Phật đối với chúng sanh, đối với cửu pháp giới mà nói. Cho nên kinh Kim Cang, kinh Bát Nhã có nói: Ma cùng Phật tại một chỗ, duy chỉ do tâm niệm mà ra.

「若如是眾生中，法身熏習而有力者，煩惱漸薄。能厭世間，求涅槃道。信歸一實，修六波羅蜜等一切菩提分法，名為菩薩。若如是菩薩中，修行一切善法滿足，究竟得離無明睡者，轉名為佛。」

Nhược như thị chúng sanh trung, pháp thân huân tập nhi hữu lực giả, phiền não tiệm bạc, năng yếm thế gian, cầu niết bàn đạo, tín quy nhất thật, tu lục ba la mật đẳng nhất thiết bồ đề phân pháp, danh vi Bồ Tát. Nhược như thị Bồ Tát trung, tu hành nhất thiết thiện pháp mãn túc, cứu cánh đắc li vô minh thụy giả, chuyển danh vi Phật.

(Nếu trong chúng sanh như vậy mà pháp thân có lực huân tập thì phiền não dần dần cạn mỏng, có thể chán thế gian, cầu đạo giải thoát, tin tưởng và quy hướng nhất thật, tu sáu môn ba la mật và tất

cả pháp bồ đề phần, gọi là Bồ Tát. Nếu trong số Bồ Tát như vậy tu hành tất cả thiện pháp viên mãn, rốt ráo thoát khỏi giấc ngủ vô minh thì chuyển gọi là Phật.)

Lục luân tập thiện pháp mạnh sanh khởi được tâm xuất li, cầu đạo niết bàn, cũng chính là đạo không sanh không diệt. Chán ghét cái khổ sanh tử, tin tưởng vào chân lí. Lục ba la mật chính là sáu môn quán hạnh gồm bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và bát nhã. Bất cứ một loại nào đều đạt đến bờ giác. Pháp Bồ Đề phần là 37 bồ đề phần, về tên gọi thì ở đây chúng tôi không nêu ra. Bồ đề chính là giác hữu tình, còn gọi là bồ đề tát đỏa. Nghĩa là khiến cho tất cả chúng sanh hữu tình đều có thể giác ngộ, làm lợi ích cho người khác. Cầu pháp bất sanh bất diệt, cầu ba la mật. Từ Bồ Tát tu hành cho đến thành Phật, bỏ qua Nhị Thừa, không kể Thanh Văn Duyên Giác, chán ghét sanh tử cầu niết bàn. Thanh văn, duyên giác cũng như vậy. Đây là nói Bồ Tát, không nói chúng ta, bởi chúng ta không hành ba la mật. Biết cái khổ nhưng khổ từ đâu đến? Do cái gì chiêu cảm tới? Chính là Nghiệp! Đây là mười nghiệp ác.

Bồ Tát đã siêu việt nên dù chán rời thế gian nhưng không lìa khỏi thế gian. Họ biết tất cả chúng sanh cùng với mình là đồng một pháp thân. Vô minh cũng giống như buồn ngủ vậy. Buồn ngủ là hình dung từ, chỉ cho sự mơ mơ hồ hồ. Một khi trí huệ hiện tiền thì liền rớt ráo, điều này chuyên chỉ cho một niệm cuối cùng của chúng ta. Khi vô minh đoạn hết thì liền thành Phật, đây là thành cứu cánh Phật quả, giác này là cứu cánh giác. Mọi người đều biết từ “bồn giác” mà sanh ra “bất giác”. Tuy vô minh chưa giác ngộ nhưng bắt đầu chán ghét thế gian cầu thành niết bàn. Từ bất giác mà phát xuất ra “thủy giác trí”; từ thủy giác, bồn giác, cứu cánh giác. Cứu cánh giác này chính là hồi phục lại cái bồn giác vốn có.

當知如是眾生菩薩佛等，但依世間假名言說故，而有差別。而法身之體，畢竟平等，無有異相。

Đương tri như thị chúng sanh, Bồ Tát, Phật đẳng, dĩn y thế gian giả danh ngôn thuyết, cố hữu sai biệt, nhi pháp thân chi thể, tất cánh bình đẳng, vô hữu dị tướng.

(Nén biết chúng sanh, Bồ Tát, Phật là nương theo thế gian mượn danh từ để gọi mà có sự sai khác. Còn thể của pháp thân đều rốt ráo bình đẳng, không có tướng sai khác.)

“Tất cánh bình đẳng” là chỉ cho pháp thân rốt ráo thanh tịnh của chúng ta, cũng là một niệm tâm hiện tiền của chúng ta, đó là công đức tánh vô lậu, cũng là bình đẳng không hai không khác. Từ đoạn kinh văn phía trên thì có thể biết, có thể minh bạch được điều gì? Minh bạch được Phật và chúng sanh là bình đẳng, đây là li thể mà nói. Nói có Phật, có Bồ Tát, có lục đạo luân hồi, đây là giả danh không phải chân thật, do đó mới có sự khác biệt. Nhưng là cứu cánh bình đẳng không có tướng sai biệt, hoàn toàn không phải là chúng sanh mê liên mất đi, thành Phật thì đạt đến, vốn dĩ không mất cũng không đạt, phải hiểu được ý nghĩa này. Cũng giống như nước, khi trời lạnh rơi tuyết thì nước biến thành tuyết, sau lại kết thành băng, sau lại biến hóa thành nước. Bản chất của pháp tánh cũng như vậy. Bản thể cũng không biến đổi, chỉ là tùy theo nó gặp phải nhân duyên không đồng, gặp phải nhân duyên lạnh thì biến thành thể rắn, gặp phải nhân duyên nóng thì biến thành thể lỏng, huân tập vô minh si ám liền biến đổi. Bởi vì pháp nhiệm tịnh nên sanh khởi tâm chán lìa, tu lục độ ba la mật sanh khởi bát nhã, ý nghĩa này rất đơn giản, nhưng nếu muốn chứng đắc được, vẫn phải hạ thủ công phu.

善男子！是名略說一實境界義。

Thiện nam tử! thị danh lược thuyết nhất thật cảnh giới nghĩa.

(Thiện nam tử! Đây là lược nói nghĩa của nhất thật cảnh giới.)

Giảng nhiều như vậy đều chỉ cho “nhất thật cảnh giới”. Nhưng nói nhiệm cũng là nói tịnh, trong quá trình “thủy giác”, “nhất thật cảnh giới” tùy theo vọng duyên nên bị che mờ; tùy theo tịnh duyên sẽ hồi phục lại bản lai diện mục, nên vốn không có chỗ sở đắc.

若欲依一實境界修信解者，應當學習二種觀道。何等為二？一者唯心識觀。二者真如實觀。

Nhược dục y nhất thực cảnh giới tu tín giải giả, ưng đương học tập nhị chủng quán đạo. Hà đẳng vi nhị? Nhất giả duy tâm thức quán, nhị giả chân như thật quán.

(Nếu người nào muốn nương theo nhất thật cảnh giới để tu giải thoát, cần nên học tập hai loại quán. Cái gì là hai? Một là duy tâm thức quán, hai là chân như thật quán.)

Muốn chứng được nhất thật cảnh giới phải tu như thế nào? Làm sao để khiến năng lực huân tập vọng biến thành năng lực huân tập tịnh? Phải tu hai loại quán hạnh. Là hai loại quán hạnh nào? Loại thứ nhất là “duy tâm thức quán”, một loại là “chân như thật quán”. Cái tâm này là tâm sanh diệt môn, thế thì bạn liền biết phải thọ nghiệp mà không thể được tự tại, ngộ được đạo này phải y theo đó mà tu hành, đạt được bất sanh bất diệt. Nhưng loại này có đại có tiểu. Đại thừa chính là tứ đế khô, tập, diệt, đạo. Tứ đế xem như tiểu thừa chính là sanh diệt tứ đế. Cái này chỉ để biểu thị tên gọi, phía dưới Địa Tạng Bồ Tát liền dạy cho chúng ta.

學唯心識觀者；所謂於一切時一切處，隨身口意有所作業。

Học duy tâm thức quán giả, sở vị u nhất thiết thời nhất thiết xứ, tùy thân khẩu ý hữu sở tác nghiệp.

(Người học duy tâm thức quán trong tất cả thời, tất cả nơi, tùy theo thân khẩu ý mà có các hành nghiệp.)

“Nhất thiết thời” chỉ cho sơ, trung, hậu ngày ba thời. Trong khi đi, đứng, ngồi, nằm đều có thể quán. “Nhất thiết xứ” chính là bất luận tại bất cứ nơi nào thân, khẩu và ý đều phải tác nghiệp. Có khi ý khởi niệm tưởng, có khi miệng tụng, nhiếp lục căn thanh tịnh học pháp. Trong khi chúng ta tu hành có sáu loại tác nghiệp, một là đi, hai là đứng, ba là ngồi, bốn là nằm, năm là lời nói và sáu là việc làm. Việc làm ở đây chính là giả như bạn làm bất cứ việc gì, dù không thấy sắc thì nghe tiếng, hay mũi ngửi mùi hương, lưỡi nếm vị, thân có xúc chạm, tâm tưởng nghĩa lí; duyên niệm với những pháp trần này, với tướng cảnh giới trong quá khứ. Sáu loại tác nghiệp này thực hiện trong tất cả mọi lúc, tất cả mọi nơi. Trong lúc quán sát phải quán sát nơi ý khởi lên, xem là ý thiện hay ác. Phía trước đã nói, trước tiên phải có một tác nghiệp có thể quán, duy tâm thức quán là thức, dùng liễu biệt là ý. Tâm là chỉ căn mà nói. Tâm thức là chỉ cho ý thức thứ sáu, a lại da thức là thức thứ tám.

Trong kinh Kim Cang, ngài Tu Bồ Đề hỏi Phật: “Khi Bồ Tát hành Bồ Tát đạo, cần phải hàng phục tâm như thế nào? Làm sao để trụ tâm? Chúng ta bắt luận là tại nơi nào, mắt quán sát sắc nhưng không thấy sắc, tai nghe âm thanh nhưng không thấy âm thanh, đây chính là không trụ tâm. Điều này cũng có nghĩa tất cả tướng không có nơi nương vào để sanh tâm, sanh tâm thì vô trụ, vô trụ thì có thể sanh tâm. Đây là ý nghĩa tức tâm tức trụ, cũng chính là không bị sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp mê hoặc, không bị cảnh chuyển, có thể dùng tâm chuyển tất cả cảnh, đây là pháp thân hiển hiện. Nếu cảnh chuyển tâm, đuổi theo vọng thì không thể hồi quy về chân; còn tâm chuyển cảnh thì quy chân và không bị vọng chuyển. Đây hoàn toàn là một vấn đề cần phải quán sát. Phía sau liền giải thích.”

悉當觀察，知唯是心。乃至一切境界，若心住念，皆當察知。勿令使心無記攀緣，不自覺知。於念念間，悉應觀察。隨心有所緣念，還當使心隨逐彼念。令心自知，知己內心自生想念，非一切境界有念有分別也。所謂內心自生長短好惡，是非得失、衰利有無等見無量諸想。而一切境界，未曾有想，起於分別。當知一切境界，自無分別想故，即自非長非短、非好非惡，乃至非有非無、離一切相如是觀察，一切法唯心想生。若使離心，則無一法一相而能自見有差別也。常應如是守記內心，知唯妄念，無實境界。勿令休廢，是名修學唯心識觀。若心無記，不知自心念者。即謂有前境界，不名唯心識觀。

Tất đương quán sát, tri duy thị tâm. Nãi chí nhất thiết cảnh giới, nhược tâm trụ niệm, giai đương sát tri. Vật linh sử tâm vô kí phan duyên, bất tự giác tri. Ư niệm niệm gian, tất ưng quán sát. Tùy tâm

hữu sở duyên tâm, hoàn đương sử tâm tùy trực bỉ niệm. Linh tâm tự tri, tri dĩ nội tâm, tự sanh tướng niệm, phi nhất thiết cảnh giới hữu niệm hữu phân biệt dã. Sở hữu nội tâm tự sanh tướng đoãn hảo ó, thị phi đắc thất, suy lợi hữu vô đẳng kiến vô lượng chư tướng. Nhi nhất thiết cảnh giới, vị tầng hữu tướng, khởi u phân biệt. Đương tri nhất thiết cảnh giới, tự vô phân biệt tướng cố, tức tự phi trường phi đoãn, phi hảo phi ó, nãi chớ phi hữu phi vô, li nhất thiết tướng. Như thị quán sát nhất thiết pháp duy tâm tướng sanh. Nhược sử li tâm, tắc vô nhất pháp nhất tướng nhi năng tự kiến hữu sai biệt dã. Thường ưng tri thị thủ kí nội tâm, tri duy vọng niệm, vô thực cảnh giới. Vật linh hư phế, thị danh tu học duy tâm thức quán. Nhược tâm vô kí, bất tri tự tâm niệm giả. Tức vị hữu tiền cảnh giới, bất danh duy tâm thức quán.

(Tất phải quán sát biết tâm duy thức. Cho đến tất cả cảnh giới, nếu tâm trụ vào niệm thì đều phải quán sát biết rõ. Đừng khiến tâm rơi vào vô kí hay phan duyên, không tự giác biết. Giữa mỗi niệm cần phải quán sát tùy theo tâm có niệm duyên mà khiến tâm đuổi theo niệm đó. Khiến tâm tự biết nội tâm của mình sanh khởi niệm tướng, chẳng phải tất cả cảnh giới có niệm có phân biệt. Cái gọi là nội tâm tự sanh vô lượng cái thấy, vô lượng vọng tướng như: giới, dở, tốt, xấu, đúng, sai, được, mất, suy, lợi... Mà tất cả cảnh giới chưa từng có niệm tướng, khởi sự phân biệt. Nên biết tất cả cảnh giới tự nó không có niệm tướng phân biệt, tức tự nó không giới, không dở, không tốt, không xấu, cho đến không phải có, chẳng phải không, rồi tất cả tướng. Quán sát như vậy thì tất cả pháp đều do tâm tướng sanh. Nếu rời tâm thì không một pháp nào, một tướng nào có thể tự thấy được sai khác. Thường nên như vậy mà nắm giữ và ghi nhớ nội tâm, biết chỉ có vọng niệm mà không phải cảnh giới chân thật. Đừng khiến đừng nghĩ bỏ phế. Đây được gọi là tu học duy tâm thức quán. Nếu tâm vô kí, không biết tự tâm đang niệm tức gọi là tiền cảnh giới, không gọi là duy tâm thức biến.)

Đoạn kinh văn này hiển thị năng quán và sở quán của chúng ta. Niệm đầu năng quán gọi là nhất niệm tâm, sở quán chính là tướng cảnh giới khách trần bên ngoài.

“Tất đương quán sát” chỉ cho tất cả tướng cảnh giới mà bạn gặp phải thì đều phải quán sát, quán sát cái gì? Sự biến biện của tâm thức. “Tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức”, ý nói năng quán và sở quán đều là do tâm thức biến hiện ra. Tâm có thể trụ vào tất cả tướng cảnh

giới này, trụ vào niệm gì? Chúng ta vừa mới giải thích, chính là vô niệm. Tâm tức vô niệm, vô niệm mà vô sở bất niệm (không niệm nhưng không có cái gì không niệm), bởi khi bạn nhất tâm trụ vào một cảnh thì không thấy cảnh giới khác. Tuy chúng ta niệm Phật đều nói là chuyên chú vào một cảnh, dùng một cảnh này hiển thị tất cả cảnh, chuyên niệm A Di Đà Phật, cái gì khác đều không quan tâm, có thể dùng một niệm này dùng tất cả mọi vọng niệm khác, đây là “tâm chú niệm”, chính là chuyên một cảnh giới, li khai cảnh giới này, hay nói khởi lên một niệm khác thì không còn chuyên chú nữa, phải ngay lập tức cảnh giác.

Giả như khi chúng ta dùng xâu chuỗi niệm chính là biểu hiện không để mất niệm. Tuy nhiên khi vào nhà vệ sinh dùng niệm, đi nhà vệ sinh mà cầm theo xâu chuỗi thì không có cung kính, phải nên bỏ vào trong bọc bao lại. Chúng ta cầm xâu chuỗi niệm ngoài trừ đếm số ra còn có một tác dụng khác, khi cầm chuỗi liền biết mình đang làm gì, biết bản thân là đệ tử Phật. Trong tâm duyên theo niệm, không để mất niệm, đó là ý nghĩa của xâu chuỗi.

Chuỗi niệm thông thường đều là vòng tròn, sanh khởi tác dụng gì? Chỉ cho ý viên mãn. Vòng tròn thì không tìm được đầu mối, dùng xâu chuỗi niệm duyên theo niệm pháp giới tánh, nếu có thể duyên niệm, đây chính là tâm trụ vào niệm. Đã quán sát biết được thì không khiến cho tâm bị phan duyên, cũng không rơi vào vô kí. Vô kí dễ rơi vào tình trạng mơ ngủ. Ý nói khi không phân được thiện, ác chính là mơ ngủ vậy. Cũng không được phan duyên, suy nghĩ lung tung, nghĩ đông nghĩ tây. Phải quán sát từng ý niệm, duyên theo niệm trong tâm liền biết mình đang quán sát cái gì; quán sát là phân tích, xem xét, giống như Quán Thế Âm Bồ Tát dùng trí tuệ mà soi chiếu năm uẩn, biết được tất cả đều không, có thể tương hợp với pháp thân. Soi thấy được pháp thân của Phật A Di Đà và pháp thân của chúng ta là một thể, tự tánh Di Đà chính là niệm niệm không rời tâm, niệm niệm từ tâm khởi. Mỗi niệm của chúng ta đều từ tâm khởi.

Phải khiến cho tâm được minh bạch hiểu rõ. Minh bạch cái gì? Tất cả cảnh giới tướng như mộng huyễn bào ảnh, không được chuyên theo cảnh giới. Tuy niệm trong tâm chúng ta là có phân biệt, nhưng cái phân biệt này từ đâu mà khởi? Là từ tự tâm chúng ta mà khởi, vì trong tâm có tiền trần. Vừa nói đến người này lập tức liền biết bởi vì người này bạn rất quen thuộc, bất cứ cái gì cũng đều biết. Ví như nói cái cốc, ngay lập tức trong đầu hiển hiện là to hay nhỏ, dài hay ngắn, vuông

hay tròn... Đúng và không đúng, đạt được hay mất đi, có và không... tất cả cảnh giới đều là phân biệt. Bởi vì biết tất cả cảnh giới bản thân nó có phân biệt, có phân biệt nên có thể quán sát, có thể biết tất cả pháp là dài ngắn, vuông tròn, lớn nhỏ. Thế nhưng cái tâm này không có dài ngắn, không có thiện ác, cho đến chẳng phải có, cũng chẳng phải không. Tất cả pháp không phan duyên, và lại một khi quán sát liền soi thấy được, như mộng huyễn bào ảnh, như sương cũng như điện, pháp thân không có các tướng, nhưng cũng không trụ vào vô tướng, đây là pháp môn cứu cánh trong kinh Hoa Nghiêm. Lúc chúng ta mới tu hành, đầu tiên phải quán sát nghĩa lý chư pháp vốn không có tướng, tâm sanh ra chùng chùng pháp là tâm bạn sanh khởi.

Có hai loại người thấy tướng nhưng thật không thấy. Là hai loại người nào? Một là người tinh thần thất thường, cái gì cũng không biết. Cho nên người điên ăn phân của mình cũng thấy thơm, quán niệm bất đồng, tư tưởng bất đồng, bị điên rồi. Loại người thứ hai là người đã chứng đắc, quán sát thấy tất cả đều không có tướng. Tất cả mọi tướng đối với họ đều không có chướng ngại. Người bị điên thì có chướng ngại, thân thể tạo chướng ngại cho họ, mất đi nhận thức, tinh thần thác loạn, tinh thần bị phân liệt. Đây là vọng chòng thêm vọng, là ý nghĩa như vậy. Tất cả pháp không sanh tâm, trong Phật pháp không chấp trước tướng, đây chính là tương hợp với pháp thân. Tất cả đều không rời tâm, tướng của tất cả pháp đều không tồn tại. Cũng giống như khi quán không được tương ưng, như Đồng lão tiên sinh phía trước chúng ta đã nói, ông niệm Phật đến mức có thể đi (xuyên qua tường) ra bên ngoài. Đối với tất cả đồ vật có hình có sắc đều không bị chướng ngại, cũng không cảm giác được cái gì là phiền não, cái gì là Bồ Đề.

Trong Tâm Kinh có nói: Người có trí huệ thì tâm không có trí cũng không có đắc. Đến một trình độ nhất định thì không còn có tâm phân biệt, không có cái có thể làm và cái được làm, cũng không có chứng đắc, hay lúc này mới là Bồ Tát... Trong tâm lúc này tất cả cảnh giới tướng đều không có chướng ngại, lúc này rời khỏi tất cả mộng tưởng điên đảo, lại không có một pháp một tướng nào có thể tự thấy mà có sai biệt, điều này tương hợp với đệ nhất nghĩa. Khi không có rốt ráo thì cảnh giới nhất thật có năng quán và sở quán, đến khi đạt được nghĩa cứu cánh thì không có. Biết được không có loại quán chiếu này, vọng niệm của chúng ta rơi vào vô kí, giống như buồn ngủ mơ mơ hồ hồ. Cho nên cảnh giới bên ngoài tương ưng với thất tình lục dục của tình cảm, tâm trụ một cảnh không dùng trí huệ quán chiếu.

Có tiền cảnh giới thì không gọi là duy tâm thức biến. Cảnh giới là cái gì? Chính là “tướng vô kí”, không thiện không ác, biểu hiện rất đơ đơ, không có năng lực quán chiếu, cũng không có năng lực phân biệt, đây không tính là duy tâm thức biến. Phải “thủ kí nội tâm-giữ nhớ nội tâm”. Nhìn thấy cái tâm này, thì không phải vô kí, mà khéo biết tướng của tâm. Từ vô thủy đến nay, vô thủy chính là không có khởi đầu, phải tìm chúng ta bị mê từ khi nào, điều này Phật không đáp. Chúng sanh tuy không có khởi đầu nhưng có kết thúc. Hiện tại chúng ta đã trồng hạt giống cho cái kết thúc này, đó chính là tịnh nghiệp. Nếu từ bây giờ bắt đầu thì vô minh của chúng ta sẽ từ từ kết thúc. Khi vô minh tận thì đó là kết thúc. Bởi vì từ vô thủy đến nay, cảnh giới trong tâm hiện là vọng, vả lại phải truy cầu phân biệt từ trên vọng, đây là trí tướng trong chín tướng, tương tục không ngừng, chấp trước vào việc lấy và bỏ. Đây chính là ghi nhớ tướng danh tự, nhớ tên gọi và sau đó khởi nghiệp, khởi nghiệp rồi sau đó bị nghiệp trói buộc.

又守記內心者。則知貪想，瞋想、及愚癡邪見想。知善知不善、知無記、知心勞慮種種諸苦。若於坐時隨心所緣，念念觀知唯心生滅。譬如水流燈燄，無暫時住。從是當得色寂三昧，得此三昧已，次應學習信奢摩他觀心，及信毘婆舍那觀心。

Hựu thủ kí nội tâm giả. Tắc tri tham tưởng, sân tưởng, cập ngu si tà kiến tưởng. Tri thiện tri bất thiện, tri vô kí, tri tâm lao lự chủng chủng chư khổ. Nhược ư tọa thời tùy tâm sở duyên, niệm niệm quán tri duy tâm sanh diệt. Thí như thủy lưu đăng diễm, vô tạm thời trụ. Tùng thị đương đắc sắc tịch tam muội, đắc thử tam muội dĩ, thứ ưng học tập tín xa ma tha quán tâm, cập tín tì bà xá na quán tâm.

(Lại giữ gìn, ghi nhớ nội tâm thì biết được tướng tham lam, tướng sân khúe, và tướng ngu si tà kiến. Biết thiện và bất thiện, biết vô kí, biết tâm lo lắng, cũng như chủng chủng việc khổ. Nếu khi tĩnh tọa tùy theo điều tâm đang duyên, niệm niệm đều quán sát biết được chỉ có tâm sanh diệt. Thí như dòng nước hay biển lửa không có lúc tạm

ngung. Từ đó đắc được sắc tịch tam muội, đắc được tam muội này kể đó nên học tập tín tâm quán xa ma tha và từ bà xá na.)

Cái này là cái biết có thể chứng, cái biết này rất không dễ dàng. “Thủ kí nội tâm-ghi nhớ kĩ trong tâm”, biết được đây là tâm tham, đây là tâm si, đây là tâm hồ đồ; còn ngu si là tà kiến, vậy cái gì là thiện? Phải làm cái gì? Không làm cái gì? Chúng ta thấy đều không biết. Không biết thì học! Phật dạy chúng ta phải quán chiếu, để nhận thức cái nào nên làm và không nên làm. Tâm hướng ra bên ngoài tìm cầu không phải là cách tốt nhất, hãy nên ngồi xuống sẽ giúp tâm bạn thanh tĩnh lại, nếu như có công phu này thì tất cả mọi động tác đều là nhất như. Tùy theo điều đang niệm trong tâm, quán chiếu mỗi niệm, tư duy mỗi niệm. Khi quán chiếu đừng để mất chánh niệm, quán những sanh diệt này đều là tâm sanh diệt của chúng ta, bởi vì rời tâm thì không pháp. Nếu có thể trải qua quán chiếu như vậy thì dần dần có thể khai ngộ, lại tu thiện pháp, rất nhanh liền có thể đạt đến được, đạt đến cái gì? “Sắc tịch tam muội”. Sắc tịch tam muội là địa vị gì? Ngày đó chúng ta giảng về ngũ phẩm vị. Ngũ phẩm vị chúng được sắc tịch tam muội, có thể đạt đến sắc tịch tam muội. Chúng ta đọc tụng kinh điển đại thừa, tuy đọc nhưng không thấy người đọc, không thấy kinh điển được đọc. Tức không thấy có năng và sở. Tỉ như chúng ta đọc “Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm” cũng phải nhập được vào cảnh giới vô sở trụ như ngài Tu Bồ Đề, nhưng có thể đọc một cách rõ ràng thấu suốt, đây là không trụ vào tướng cảnh giới. Phải niệm niệm quán sát, nhưng tâm sanh diệt nên tướng cảnh giới bên ngoài cũng giống như dòng chảy ngọn lửa. Dòng nước không có khi ngừng, ngọn lửa cũng không có khi tắt. Loại quán chiếu này nếu có thể làm thành thực thì có thể đắc được sắc tịch tam muội, cũng chính là có thể đạt đến cảnh giới ngũ phẩm vị. Nếu không đạt được nên đọc tụng đại thừa kinh điển, đọc tụng nhiều lần, dần dần có thể được. Tuy nhiên khi chính mình chưa chứng đắc được cũng có thể đạt được điều đó, bởi cuối cuốn hạ có nói dù không thể nào khiến nghiệp chướng được thanh tịnh, tu các loại quán đều không thành, thì hãy chuyên trì niệm danh hiệu của Địa Tạng Bồ Tát. Ngày ngày niệm địa tạng Bồ Tát, niệm niệm liên tục sẽ đạt được.

Đây gọi là tam muội, tam muội chính là “tư duy tu”, lại gọi là “định”, lại gọi là “tĩnh”, lại gọi là “chỉ” đều có thể được, cũng gọi là “Xa ma tha”. Diệt xa ma tha chính là “chỉ”. Cho đến sắc tịch (hay sắc

tướng vắng lặng), được hình dung qua một cặp đối liên mà ngày đó tôi nói: “Sắc núi, sắc nước, sắc ráng chiều, sắc sắc đều không”. Không chính là ý nghĩa của tịch. Quán sắc này là do tâm, bất kể là sắc núi, sắc nước hay sắc của ráng chiều đều không tồn tại, nên nói sắc sắc đều không, đây là phán ánh của duy tâm. Ngày đó tôi cử ra hai cái, ở đây chỉ nói đến sắc; âm thanh cũng như thế. Cho nên Quán Thế Âm Bồ Tát chúng được nhĩ căn viên thông, ngài là phản văn văn tự tánh, không bị cảnh giới chuyển. Mắt phản quán quán tự tánh, mà sáu căn đều là như vậy. Phản quán quán tự tánh, tịch nhiên bất động, cho nên nói “sắc tịch tam muội”, chính là nhập vào định sắc tịch. Chính là nói “quán hạnh tức Phật”. Quán hạnh tức Phật” tức ngũ phẩm quán, có thể nhập vào địa vị ngoại phàm, siêu vượt tam giới.

Chúng ta đọc tụng đại thừa để làm gì? Vẫn chưa đạt được ngoại phàm, chỉ đạt được nội phàm tức phàm phu trong tam giới, vẫn chịu sanh tử luân hồi trong lục đạo, chẳng thể giải thoát. Khoảng cách giữa nội phàm và ngoại phàm không nhiều, rất dễ chuyển từ nội phàm sang ngoại phàm. Có thể chúng được sắc tịch tam muội trong lúc tụng đọc kinh điển hay không? Chỉ cần tâm không trụ, tình hướng này không phải chúng ta có thể chứng đắc. Ngẫu nhiên tương ứng với cảnh giới này tức không thấy có người niệm, cũng không thấy có kinh được niệm, có thể chỉ trong một sát na, có thể là 3 phút, 5 phút, thời gian càng lâu càng tốt. Khi chúng ta chưa đạt đến thì thời gian ngắn sẽ dễ tương ứng. Vẫn còn một trường hợp là khi chúng ta phiền não nhất, có tâm sự đau thương, có ảnh hưởng đặc biệt kích thích thần kinh, nếu như có thể đốt hương, tĩnh tọa một chút hoặc tụng đọc kinh điển. Nếu như kinh Địa Tạng quá dài thì có thể đọc phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên hay kinh Kim Cang, hoặc Tâm kinh. Tâm kinh rất ngắn, nếu như thuộc lòng thì không cần đến một phút. Đồng thời năng lực quán tưởng rất mạnh mẽ, thông qua việc đọc tụng này thì phiền não diệt sạch chẳng còn, cũng dễ dàng đắc được “sắc tịch tam muội”. Tuy cũng không phải rất dài, một chút liền trôi qua, đọc xong phiền não cũng theo đó tiêu tán. Tôi đã thử nghiệm rất nhiều lần, mọi người hãy thử nghiệm một chút liền cảm nhận được.

Đoạn kinh văn này dạy chúng ta khi muốn khởi quán, tùy theo chỗ duyên của tâm, nếu là duyên niệm Địa Tạng Bồ Tát. Như vậy lúc này Địa là “tâm” của ta, Địa Tạng là tâm tánh của chúng ta. Tâm tánh và tánh thể của mình mượn Địa Tạng Bồ Tát để tương hợp với tự tâm của mình. Nếu mỗi niệm quán như vậy thì tâm địa của người quán sẽ

tương ưng với Địa Tạng Bồ Tát. Khi cảnh giới quán này tiêu tán rồi, hoặc vọng niệm kéo đến thì lại đề khởi như vậy. Sanh diệt giống như dòng nước và ngọn lửa chẳng còn, niệm niệm không trụ. Bản thân chúng ta không cảm giác được già bởi vì niệm niệm không dừng. Một niệm đầu vừa qua, một niệm sau lại đến. Niệm sau không phải niệm trước cho nên so với niệm trước thì già, tuy giữa các niệm không có liên hệ nhưng cứ tương tục như thế thì sẽ già đi. Chẳng phải là đột nhiên. Cái gì đột nhiên? Không chỉ già mà là chết. Loại biến đổi này có chín loại, chính là chín loại hoạnh tử được nói đến trong kinh Dược Sư. Tụng kinh Dược Sư, niệm Phật A Di Đà, tùy tiện tu một pháp nào tin tưởng đều không tạo ra loại đột biến này mà có thể không chết. Chúng ta có cái quyền này chỉ khi nào đắc pháp. Đây giống như dùng chiêm sát luân tướng, có nhiều đạo hữu chiêm sát rất nhiều lần vẫn không tương ưng. Địa Tạng Bồ Tát đã dạy rất rõ ràng, không tương ưng là do không chí tâm. Phải làm sao? Không tương ưng thì lại cầu, niệm 1000 câu thánh hiệu, hay một vạn câu, tóm lại sẽ được tương ưng, không phải là vĩnh viễn không tương ưng. Điều này kết hợp với gieo luân tướng phía trước đã nói.

Khi đạt được “Sắc tịch tam muội” không nên quá hoan hỉ, hoan hỉ sẽ biến mất, bởi vì niệm niệm không trụ; bất kể là niệm tốt hay niệm xấu đều là niệm niệm không trụ, tốt xấu gì đều có thể tiêu biến cả. Thế nên niệm niệm phải liên tục, khi tiêu biến rồi thì ta lại tiếp tục, tán niệm cũng niệm niệm tương ưng, lúc này pháp thân liền hiển hiện.

Tôi đợi trong ngục vài mươi năm, kiên trì của tôi chính bởi ý niệm này. Hôm nay không tốt thì hi vọng vào ngày mai, ngày mai không tốt thì hi vọng ngày sau, ngày sau không tốt lại hi vọng năm sau, chính là hi vọng như vậy mà trải qua mấy chục năm, cuối cùng cũng thành công. Niệm có thể giúp đỡ bạn, niệm niệm không ngừng, niệm trước qua rồi thì niệm sau lại đến, niệm này không đoạn diệt. Không chỉ giúp đỡ hiện đời, mà còn giúp đỡ cho tương lai. Việc niệm Phật này sẽ trồng xuống chủng tử, vĩnh viễn không bao giờ có thể bị đoạn mất.

Từ phàm phu cho đến khi thành Phật, ở giữa ngoại trừ phải trải qua từng vị từng vị, pháp tu quán cũng rất rõ ràng, có vài loại quán hạnh. Tỉ như chúng ta vừa mới ngồi xuống, tâm còn chưa định được. Khí còn rất thô, phải làm thế nào mới có thể định? Không tĩnh tâm lại thì không sao, một khi tĩnh tâm thì những pháp tướng đó quá nhiều, tựa như chiếu phim vậy, không cần phải nói ai khác, bản thân tôi có kinh nghiệm, bất tri bất giác từng tấm từng tấm hiện lên. Một khi giác

biết quán chiếu thì không còn nữa, cũng chẳng biết chúng đã chạy đến nơi nào rồi? Tiếp tục công phu một lát, chúng lại hiện, cứ như thế rất nhiều lần, tất phải có cách đối trị chúng, có thể tu quán hơi thở, hay quán bất tịnh. Pháp tu liễu nghĩa nhất là trực chỉ minh tâm, tức tham câu “niệm Phật là ai”? Hỏi ai có thể tu quán này? Chúng ta bởi vì có chướng ngại sâu dày, nên không dễ gì tu được công phu này. Đầu tiên phải điều tức, điều thân, rồi lại điều tâm. Điều được tâm rồi lại dụng công phu tu quán. Phần trên đã nói đại khai. Tuy là tu quán nhưng loại quán này không dễ thành tựu, phải quán tiền phương tiện cho tốt, mới có thể đạt đến loại quán này. Làm sao tu tiền phương tiện? Khi muốn đả tọa, phía trước đã nói ngồi là tốt nhất. Hiện tại chúng ta bởi vì quan hệ công việc, hiện thực khách quan nên ngồi mãi là không thể, bởi vì còn phải làm việc! Thế nên tùy theo công việc phải làm mà tu quán, tất cả việc, tất cả nơi, đều có thể tu quán. Quán chiếu chính là quán sát ý nghĩ, giống như chúng ta vừa mới nói, cầm một xâu chuỗi niệm là đề tỉnh bản thân đang làm cái gì, hiện tại cả hai tay đều đang làm việc, làm sao lẩn chuỗi niệm? Có thể dùng tâm để khởi một niệm giác chiếu, bất kể niệm Phật hay quán tưởng đều có thể làm như vậy.

Sau khi thành tựu tam muội này, nên học tập tu quán xa ma tha. Quán này này quán tâm, không phải quán sắc. Phía trước chính là nói quán sắc đạt đến “sắc tịch tam muội”, đó là tu trên sự. Hiện tại từ sự nhập lí. Lí chính là xa ma tha, cũng là “chỉ”. Chỉ này chính là “tức chỉ tức quán song vận”. “Tu chỉ xa ma tha”, chỉ này cũng hàm chứa pháp “quán tì bà xá na”. Tu quán này cũng hàm chứa tu chỉ. Ý nghĩa của bộ kinh này rất thâm sâu. Nếu có thể đem ý nghĩa này lĩnh hội được thì học Kinh Pháp Hoa, Kinh Lăng Nghiêm, Kinh Anh Lạc, học tất cả kinh điển đại thừa đều có thể được. Bởi vì ở đây bao quát rất nhiều kinh luận. Khi đã thông suốt nghĩa kinh rồi thì có thể học tập tốt môn hỉ quán này, liền có thể nhập vào tất cả tam muội. Lúc từ sự nhập vào lí thì gọi là xa ma tha, từ thể khởi dụng gọi là tì bà xá na. Nghĩa lí này tức một cái thể-dụng, một cái sự-lí được phân chia ra giảng trong “Ma ha chỉ quán”, không như Địa Tạng Bồ Tát và Kiên Tịnh Tín Bồ Tát nói. Chư Phật Bồ Tát nói pháp đều là đối với căn cơ của chúng sanh mà nói cạn hay sâu, giúp chúng sanh có thể lãnh thọ, có thể “đắc nhập vi chủ”. Hiện tại Địa Tạng Bồ Tát nói pháp tu chỉ quán là dựa trên cơ sở gì? Tức sau khi ba nghiệp được thanh tịnh mới có thể tu. Trước tiên phải quán tất cả mọi sự tướng để nhập vào “sắc tịch tam muội”. Tu tập ở đây chính là phải nhập vào “sắc tịch tam muội”. Sắc tức là tâm, tâm

tức là sắc, không có phân biệt. Khi nào mới không còn phân biệt. Quá trình này, trong khi ứng dụng, cần phải tỉ mỉ mà phân tích cho kĩ càng nhưng đều không thể nhập vào Tín vị! Tôi nói như thế mọi người càng cảm thấy mơ hồ, loại cảnh giới này vẫn không tính là tín thành tựu, vẫn không nhập vào Tín vị sao?

Thành tựu “Tâm tịch tam muội” rồi mới nhập Tín, tín tâm này mới có thể kiên định, có thể phát tâm quy y tam bảo, danh tự này gọi là Phật. Khi nhập quán, quán hạnh được tương ưng mới dần dần nhập tín vị, nhập vào ngũ phẩm vị. Có thể nhập vào ngũ phẩm vị không phải là việc dễ dàng. “Quán” phải tu như thế nào? Giảng về “tam chỉ”, “tam quán”. Tam chỉ: không, giả, trung. Tam quán: không, giả, trung. Đây gọi là “vi diệu chỉ quán”, hoặc là “bất nhị chỉ quán”, hoặc là “chỉ tức thị quán”, “quán tức thị chỉ”. Đây là địa vị gì? Mới chỉ là thập tín vị. Vốn vẹn có thể nói đầy đủ tín tâm. Chúng ta có khi nói chúng ta tin Phật, thế nhưng lại không có “căn”.

「習信奢摩他觀心者，思惟內心不可見相。圓滿不動，無來無去。本性不生不滅，離分別故。習信毗婆舍那觀心者，想見內外色，隨心生，隨心滅，乃至習想見佛色身，亦復如是。

Tập tín xa ma tha quán tâm giả, tư duy nội tâm bất khả kiến tướng. Viên mãn bất động, vô lai vô khứ. Bản tánh bất sanh bất diệt, li phân biệt cố. Tập tín từ bà xá na quán tâm giả, tưởng kiến nội ngoại sắc, tùy tâm sanh, tùy tâm diệt, nãi chí tập tập tướng kiến Phật sắc thân, diệt phục như thị.

(Người tin học pháp quán tâm xa ma tha, tư duy trong nội tâm không thể thấy tướng. Viên mãn không động, không đến không đi, bản tánh là bất sanh bất diệt nên rời mọi sự phân biệt. Người tin học pháp quán tâm từ bà xá na muốn thấy sắc bên trong bên ngoài, tùy theo tâm sanh, tùy theo tâm diệt, cho đến học tập quán thấy sắc thân Phật cũng lại như vậy.)

Phía trước chúng ta tu hai loại quán là duy tâm thức quán và chân như thật quán. Hiện tại giảng đều là duy tâm thức biến, vì vẫn chưa

đạt đến trình độ ngoài tâm không một pháp. Vẫn là tư duy quán sát cảnh giới bên ngoài. Muốn có được tín tâm trên cần phải dựa vào tu hành pháp quán xa ma tha, tu hành lâu rồi, có công phu mới có thể đạt đến nhận thức này, mới có đủ lòng tin.

Hiện tại lại lập lại điều đã giảng qua rất nhiều lần, nói đến Địa là chỉ cho tâm địa, Tạng là tánh tạng. Địa Tạng Bồ Tát cũng chính là bản thân ta, bản thân ta chính là Địa Tạng Bồ Tát. Lòng tin này sợ rằng rất khó đạt đến. Trong tâm chúng ta Địa Tạng Bồ Tát vẫn là Địa Tạng Bồ Tát, ta là ta, tóm lại vẫn có giới hạn. Mười phương ba đời chư Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật không phải là A Di Đà Phật, không phải là Đông Phương Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai Phật. Mỗi người khác nhau, họ tựa như cách chúng ta một cự li rất xa, càng không phải là ta. Tâm này mọi người đều hiểu rất rõ ràng. Đây chính là do không đầy đủ tín tâm, không thể nói là có tín tâm. Tại sao? Ngoài tâm không có tướng, phàm là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, nhãn thức, nhĩ thức, tỉ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức đều không tồn tại, tất cả pháp đều giả, đều là không, như mộng huyễn bào ảnh, tín tâm là kiến lập mà có, ngoài tâm không có một pháp tồn tại. Loại tín tâm này không kiến lập lên được thì phải dựa vào tu tập, tập chính là huân tập.

Chúng ta tại sao phải thường đọc tụng đại thừa kinh điển? Hoàn toàn không phải để nói khoa trương, nói ta là Như Lai, ta là Phật. Điều đó vốn đầy đủ. Dù nói tôi là Thích Ca Mâu Ni Phật cũng có thể, nhưng phải đạt đến cảnh giới này mới được, còn nếu không đạt đến cảnh giới đó thì không phải. Khi không phải thì vẫn còn vọng niệm do đó cần phải tu tập. Phải Tu thế nào? Hiện tại chúng ta tụng đọc kinh Địa Tạng, niệm thánh hiệu của Địa Tạng Bồ Tát; hoặc tụng đọc kinh Pháp Hoa đều là huân tập. Có thể không chấp trước thì liền thành tựu sơ quả. Nếu có thể đạt đến ngoài tâm không một pháp thì dần dần nhập môn.

Nếu nói một cách cạn cợt là phải tin tưởng chính mình. Chúng ta tại sao lại không tin tưởng chính mình? Do không dám tin, vì khi thọ giới mà nói như vậy là đại vọng ngữ, như vậy nên không nhập được vào lí. Tất cả giới đều là nói “tướng”. Phàm người tạo tội đọa xuống địa ngục, địa ngục ở đâu? Không có. Ngoài tâm không có một pháp, cũng không có tham sân si, cũng không có giới định tuệ. Loại cảnh giới này không dễ gì chứng nhập được. Cho nên cần phải tu hành. Sau khi tu hành biết được tất cả pháp không sanh không diệt, không uế

không tịnh, tất cả đều không tồn tại, có thể biết được không đến không đi, không sanh không diệt, không có tất cả sự phân biệt. Điều này phải tu tập bao nhiêu năm? Mười vạn năm, trăm vạn năm, lưu chuyển trong sanh tử mới có thể có đủ tín tâm! Không phải nói như vậy liền tin. Nói tương tự tín đều nhập vào danh tự vị. Chúng ta nói ngũ phẩm vị rất đơn giản, kì thực rất không đơn giản. Phải có thể tu đến “tâm tịch tam muội”, tâm tịch tĩnh không sanh không diệt, đây là cái gì? Đây mới chân chính đạt đến viên mãn ngũ phẩm vị. Chân chánh viên thành ngũ phẩm vị thì tín tâm viên mãn, đạt địa vị sơ trụ viên mãn, địa vị sáu căn thanh tịnh, sáu căn chân thật thanh tịnh.

Chúng ta nói cảnh giới thanh tịnh trong kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo chính là một mặt khác của mười ác: không sát sanh, không trộm cướp, không dâm dục, không tham, không sân, không si, không vọng ngữ, không lưỡng thiệt, không ác khẩu, không ỷ ngữ, vẫn còn trần sa, vẫn còn vô minh. Kiến tư hoặc và tứ đế khổ tập diệt đạo mà chúng ta nói ở đây đều không phải là trong mộng thấy, vẫn không chạm đến ranh giới đó sao? Vẫn không nhận thức, không thể biết được! Điều này phải đến đại thừa kinh điển mới biết được. Ví như chư vị thiện nhân đều tin Phật, đều ăn chay, không sát sanh, nhưng thật sự không sát sanh ư? Vẫn có nghiệp sát đấy! Là Ý niệm sát. Trên thân ta có rất nhiều vi khuẩn, điều này hiện nay đã được các nhà khoa học thừa nhận. Vì vậy khi dinh dưỡng không tốt, hoặc là vận động mạnh tạo gây tổn thất rất nhiều vi khuẩn, trên mặt lí mà nói thì rất khó nhiếp phục được. Kiến hoặc, tư hoặc vẫn thuộc về phiền não; còn trần sa hoặc, vô minh hoặc khiến bạn phạm vào những tội vi tế, đây là tánh tội, sẽ gây ra hiệu quả gì? Khiến chúng ta không thể thấy lí, không thể nhập xa ma tha, tì bà xá na, không thể thành đạo.

Tì bà xá na chính là nói không có sắc tướng bên trong hay bên ngoài. Sắc bên trong không có màu sắc. Tỉ như nói chúng ta khởi vọng tưởng, vọng tưởng đó chẳng có bất cứ màu sắc hay hình tướng gì. Khi Tâm quán tưởng sắc bên trong, sắc bên ngoài; một khi tâm tưởng thì có, còn tâm không tưởng thì không có. Nếu như hiện tại tôi nghĩ đến Bắc Kinh, hoặc tôi muốn đến Phật học viện chùa Pháp Nguyên thì Phật học viện chùa Pháp Nguyên giống như liền hiện hữu. Học sinh, thầy giáo, giảng đường đều hiện ra rất rõ ràng, bởi vì trong tâm tôi nghĩ đến, đây là sắc tướng bên trong. Hay khi chúng ta chụp ảnh thì liền tạo thành các sắc tướng bên ngoài. Đây đều là tùy tâm mà sanh ra. Từ trong tâm tôi sanh khởi, vì thế làm gì có nơi nào?

Ví dụ vị trí hiện tại tôi đứng là học uyển, đây là tướng bên ngoài, sắc bên ngoài; không có sắc tướng bên trong, nếu trong tâm sanh khởi ý niệm thì liền có, không khởi niệm thì không có, tất cả đều như vậy. Tùy tâm mà sanh, khi tướng niệm thì có, không tướng thì không có. Tùy tâm sanh, tùy tâm diệt. Nếu chúng ta nắm mộng tốt, mộng bản thân cầu cái gì liền được cái đó, tỉnh dậy không còn nữa, khởi niệm mới nhớ lại, trên thực tế nếu không khởi niệm thì liền diệt. Tất cả sự vật tùy theo tâm mình sanh khởi, vì thế “tâm sanh chủng chủng pháp sanh, tâm diệt chủng chủng pháp diệt”, không chỉ là ác pháp mà thiện pháp cũng như vậy, thậm chí ngay cả thân Phật hay Quán Thế Âm Bồ Tát đều không có. Tượng Phật này là do trong tâm chúng ta tạo ra, hoặc tượng do thợ thủ công tạc ra thì cũng từ trong tâm họ khởi ra, còn trên thực tế không có tượng này. Khi đức Phật còn tại thế, Địa Tạng Bồ Tát cũng không phải hình dạng như thế, do sau này trong tâm chúng ta tưởng ra như vậy mà tạo nên. Nếu là người tin Phật, trong tâm khởi lên hình tướng của Địa Tạng Bồ Tát, còn người không tin Phật căn bản không có hình ảnh này. Thế nhưng tâm chúng ta cùng với tâm của họ là giống nhau.

“Chi” là “tu định”, là tu nội biểu sắc; còn “quán” là quán ngoại biểu sắc. Một số trường hợp không có biểu sắc chính là trong tâm ý thức không biểu hiện ra cái hình dáng gì, không phải xanh hay vàng, cũng chẳng phải đỏ hay trắng, cũng không phải dài ngắn vuông tròn. Cái tâm này không phải là quả tim thịt. Mọi người đều có thể chứng thực như thế, quả tim thịt này không phải tâm, hoặc bộ não cũng không phải tâm, tại sao? Khi con người chết không còn hơi thở, nhưng bộ não hay tâm tạng đều còn, nhưng không khởi được tác dụng của nó, cho nên nói chúng không phải tâm.

Có vị đạo hữu hỏi tôi về “li tứ cú”: “không đến, không phải không đến, không đi, không phải không đi, không sanh, không phải không sanh, không làm, không phải không làm” đây gọi là tứ cú. Bốn câu này thêm cái khác cũng được. Ví dụ: “không phải sanh, không sanh”, “không phải diệt, không diệt” đều có thể; hay đổi bất cứ ý nghĩa gì đều được, đây gọi là tứ cú. Nếu muốn kiến lập điều này thì đầu tiên phải biết tất cả cảnh giới là do tâm sanh, phải quán tướng như vậy, tâm sanh thì mọi pháp sanh, tâm diệt thì mọi pháp diệt. Bộ não nhất thời không tư duy được là vì huân tập quá ít, khởi lên nghi hoặc, cần thời gian tu tập đủ dài. Cho nên trong “đại thừa khởi tín luận” chuyên giảng phải huân tu rất ráo. Giống như chúng ta niệm A Di Đà Phật,

niệm Phật nghe kinh nghe pháp, cho đến thời khóa sớm tối đều là huân tập, huân tập cái gì? Có thể nhận thức được tâm, có thể liễu giải được rời tâm thì không pháp, tất cả pháp không sanh không diệt. Thế nhưng một chân lí là trước khi ba nghiệp thanh tịnh thì không thể tu chứng được điều này.

Chúng ta phải hiểu được đạo lí này, vô luận là dạy cái gì, Hoa Nghiêm, Hiền Thủ, Duy Thức, Pháp Tướng, Hiền Mật... các loại tông phái thì đây đều là nguyên lí cơ bản. Lại dùng hai câu nói để hình dung: 1. ***“Tất cả pháp là “duyên khởi tánh không”***; 2. ***“Tất cả kinh luận đều là giảng “tánh không”, hoặc “duyên khởi”; nói “tâm” cũng được, nói “thức” cũng được, nói “nhất chân pháp giới” cũng được, nói “nhất thật cảnh giới” cũng được, chỉ là tên gọi.*** Dựa theo bộ kinh này nói thế này, dựa theo bộ kinh kia nói thế kia. Bộ kinh này đối với những chúng sanh có căn cơ này, cho đến ngôn ngữ phiên dịch cũng như nhau, có thể phiên dịch thế này, cũng có thể dịch thế kia.

Bạn xem việc dịch kinh, pháp sư Cưu Ma La Thập và pháp sư Huyền Trang dịch từ Phật, một người dịch là Thế Tôn, một người dịch là Bạc Già Phạm. Bạc Già Phạm cũng có nghĩa là Thế Tôn, hoặc nói là Như Lai, nói Phật đều cùng một ý nghĩa. Bởi vì thành tựu của Phật có công đức và nghĩa lí quá nhiều, cho nên tên gọi này cũng được, tên gọi kia cũng được. Vị đại đức này thích dùng nguyên âm của Ấn Độ, giống như pháp sư Cưu Ma La Thập phiên dịch, ngài là chiếu theo nghĩa lí mà dịch, rất nhiều câu trực tiếp là bốn chữ, đọc lên rất thuận miệng, trải qua rất nhiều năm, mọi người đọc lên vẫn rất thuận miệng. Kinh Kim Cang mà pháp sư Huyền Trang dịch là chiếu theo âm mà dịch. Tại Phật học viện ở Nam Phổ Đà thuộc Tân Nam, bộ kinh Kim Cang mà tôi giảng là bộ do pháp sư Huyền Trang dịch. Cách giải thích của ông là chiếu theo cách giải thích của các nhà duy thức học. Pháp sư Cưu Ma La Thập phiên dịch kinh Kim Cang dùng cách điểm quán của tánh tông mà giải thích, cũng chính là cách mà chúng ta hiện tại đang giảng vậy.

Tạo tác của tâm là khởi tâm động niệm. Chúng ta phải minh bạch cái tâm này. Nói “hữu” là giả pháp, còn “hư” là chân pháp. Nhưng nói đến “hư”, bạn lại chấp vào “hư” trong “hư không”, cho nên không nói “không” mà nói “phi không”; “phi không” chính là “hữu”, “hữu” cũng không nói là “hữu”, nói “phi hữu” chính là “tức hữu tức phi”. Một khi ý nghĩa của chúng được xác định thì chúng sanh chấp trước vào đó, mà một khi chấp trước thì không thể ngộ, vĩnh viễn đi sai. Cho nên

không để bạn chấp trước. Vì vậy mọi người nói Phật giáo là viên mãn, “tức đầu tức đuôi”, nhưng nếu nói thành “cũng có đầu cũng có đuôi” liền thành sai. Viên (tròn) thì nơi nào tìm ra đầu hay đuôi chứ? Nhưng chỉ khi đến nghĩa lí viên dung thì mới nói như vậy. Nếu là người sơ phát tâm, học kinh Tứ A Hàm, học Luận Câu Xá thì liền tạo nghiệp phải đọa địa ngục, nhân quả không sai. Địa Tạng Bồ Tát trong nửa bộ trước đều giảng nhân quả của Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, nửa bộ sau không giảng thiện ác, cũng không giảng nhân quả.

Kinh văn cần phải chính bạn đi ấn chứng mới giúp bạn thâm nhập sâu sắc. Thiện ác nghiệp báo căn bản không tồn tại. Tất cả đều do tâm hiện, đều bất sanh bất diệt. Phải minh bạch như vậy mới có thể chân chính lí giải Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo này của ngài Địa Tạng Bồ Tát. Như thế này liền biết địa ngục mà chúng ta nói là không tồn tại. Bồ Tát phát ra nguyện: “Địa ngục vị không, thệ bất thành Phật” cũng không có. Vậy còn cái “không”, cái “bất không” gì chứ?

Chẳng phải “không” chẳng phải “bất không”. Đây là lí, lí không tồn tại. Nhưng “sự” phải dựa vào “lí” mới thành tựu, nếu “lí” không tồn tại thì “sự” cũng không tồn tại. Đây chính là “lí sự vô ngại”. Nói “lí” cũng được, mà nói “sự” cũng được. Thành tựu rồi thì nói thế nào đều đúng. Nhận thức được rồi nói “có” cũng được, nói “không” cũng được; còn không nhận thức được thì dù nói “có” hay “không” đều không đúng.

Tóm lại mà nói là không để bạn chấp trước. Bạn muốn tìm một cái cố định là điều không thể có! Vĩnh viễn đều không có cái cố định. Tất cả pháp của Phật đều là trong vận động mà biến hóa. Thích Ca Mâu Ni Phật là hóa thân Phật, là hóa hiện ra. Thế thì hoàn toàn không có cái chân thật sao? Không phải vậy! Tâm của bạn vẫn là chân thật, chính là phía trước đã giảng: nhất tâm hay nhất thật cảnh giới, hay chúng sanh tâm. Tất cả mọi pháp đều nương vào tâm thức mà thành lập.

隨心生，隨心滅。如幻如化，如水中月，如鏡中像。

非心不離心，非來非不來，非去非不去，非生非不生，非作非不作。

Tùy tâm sanh, tùy tâm diệt. Như huyễn như hóa, như thủy trung nguyệt, như kính trung tượng, phi tâm bất li tâm, phi lai phi bất lai, phi khứ phi bất khứ, phi sanh phi bất sanh, phi tác phi bất tác.

(Tùy tâm sanh, tùy tâm diệt, như huyễn như hóa, như trăng trong nước, như ảnh trong gương. Chẳng phải tâm nhưng không rời tâm, không đến, chẳng phải không đến, không đi, chẳng phải không đi, không sanh, chẳng phải không sanh, không làm, chẳng phải không làm.)

“Như kính trung ảnh-như ảnh trong gương”, ai cũng biết điều đã qua thì không còn. Trong gương không có hình ảnh có thể thấy, cũng không có cái để thấy, đặt nó ở đó nó liền hiển hiện. Trong nước có ánh trăng. Vào tối ngày rằm trời trong xanh, nơi có nước sẽ hiện ra ánh trăng, nơi không có nước sẽ không hiện ra ánh trăng được. Ánh trăng này là giả. Sự tử vào trong nước muốn vớt ánh trăng nhưng trăng ở nơi nào chứ? Không có. Đạo lí này nói nhiều như vậy, một lần, hai lần đều không xong. Trong phẩm Bồ Tát Vấn Minh của kinh Hoa Nghiêm chính là muốn đem cái đạo lí này hỏi cho minh bạch. Phổ Tuệ Bồ Tát đã hỏi hai trăm vấn đề, Phổ Hiền Bồ Tát đáp hai ngàn, hỏi một đáp mười đều viên dung. Nếu như không dùng cách quán chiếu thì không thể thấu suốt được. Đầu tiên phải kiên định tín tâm không được nghi ngờ việc mười pháp giới đều là do tâm tạo, duy tâm sở hiện, nhưng lại không có cái có thể tạo (năng tạo), cũng không có cái được tạo (sở tạo), đây là ý nghĩa của “li đối đãi, tuyệt bách phi”. Đạo lí này phải từ từ huân tập. Học “chỉ quán” này có chỗ nào tốt?

善男子！若能習信此二觀心者，速得趣會一乘之道。

Thiện nam tử! Nhược năng tập tín thử nhị quán tâm giả, tốc đắc thú hội nhất thừa chi đạo.

(Thiện nam tử! Nếu có thể huân tập tin tưởng hai pháp quán tâm này thì nhanh chóng đạt đến đạo nhất thừa).

Cần phải huân tập mới có thể hướng đến đạo nhất thừa, cũng chính là hướng đến nhất thật cảnh giới.

當知如是唯心識觀，名為最上智慧之門。

Đương tri như thị duy tâm thức quán danh vi tối thượng trí huệ chi môn.

(Nên biết duy tâm thức quán như vậy được gọi là pháp môn trí tuệ tối thượng).

Pháp môn này tu tập trí tuệ tối thượng thừa, đây cũng chính là “Quán Tự Tại Bồ Tát hành thâm bát nhã ba la mật đa thời chiếu kiến ngũ uẩn giai không”. Đây là giảng về nghĩa của Không. Trước tiên “Không” trừ mọi phiền não, lại kiến lập công đức thù thắng mới không tham chấp. Nếu tham chấp công đức liền không còn. Đầu tiên phải không, sau đó mới kiến lập được tất cả pháp.

所謂能令其心猛利，長信解力，

Sở vị năng linh kì tâm mãnh liệt, trường tín giải lực.

(Cái đó có thể khiến cho tâm mãnh liệt hơn, tăng trường năng lực tín giải.)

Nếu không như vậy thì không trường dưỡng được.

「疾入空義，得發無上大菩提心故。」

Tật nhập không nghĩa, đắc phát vô thượng đại bồ đề tâm cố.

(Nhanh chóng nhập vào nghĩa không, phát tâm vô thượng đại bồ đề.)

Phía trước giảng về Xa Ma Tha, Tì Bà Xá Na. Đây đều là “chỉ quán” mà nhất tâm có đủ. Sau khi đã liễu giải được nghĩa “Không” mới có thể kiến lập “viên đôn chỉ quán”. Đây là đạt đến địa vị gì? Chính là sáu căn thanh tịnh. Đây mới chân chánh là sáu căn thanh tịnh, thông thường mà nói sáu căn thanh tịnh không phải là thật. Chúng ta phải biết ba nghiệp thanh tịnh, tuy đã hàng phục được tâm thô ác nhưng hoặc nghiệp vi tế vẫn chưa đoạn được! Nếu như không có Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo của nửa quyển thượng thì không thể nào nhập vào được nửa quyển hạ này. Cho nên Địa Tạng Bồ Tát dùng pháp môn phương tiện, sau khi chiêm sát mới có thể dẫn đạo cho bạn. Đây là duy tâm thức biến. Trong 52 địa vị của kinh hoa nghiêm, cuối cùng nhập vào quả vị Phật chính là địa vị thứ 53, bởi vì Thiện Tài Đồng Tử là 53 lần tham vấn. Ban đầu gặp ngài Văn Thù Bồ Tát, khi

viên thành Thập Tín Vị mới phát tâm bồ đề. Ngài liền đi đến nơi của mỗi vị thiện tri thức để tham vấn. Ai cũng nói tôi phải phát bồ đề tâm, phải hành Bồ Tát đạo, nhưng lại không biết phải hành đạo Bồ Tát như thế nào? Lúc này mới đạt được quả vị Viên Giáo Sơ Trụ, mới gọi là Phát Tâm Trụ. Điều này phải trải qua nhiều năm tích lũy, không phải dễ dàng chứng được quả vị Viên Giáo Sơ Trụ. Cho nên chư vị phải biết Thiện Tài Đồng Tử là tức thân thành Phật, đây là tu hành trong nhiều đời nhiều kiếp tích lũy, không phải đời này dễ dàng gặp được nhiều vị Bồ Tát như vậy, rất không dễ gì có thể thỉnh pháp và tham vấn như vậy, phải hiểu được đạo lý này.

Duy tâm thức quán là khi tu thành sáu căn thanh tịnh chứng viên giáo sơ trụ, mới đạt được địa vị chỉ tiến không thoái chuyển. Trụ là vĩnh viễn tại địa vị đó. Trên thực tế chúng ta phát tâm đến khi chứng được Tín Vị, khi lưu chuyển không bị thoái chuyển tín tâm, đây là nghĩa lý của viên giáo. Từ lúc chúng ta khởi tín tâm, nếu chúng ta nghe được những bộ kinh đại thừa liễu nghĩa như kinh Hoa Nghiêm, kinh Pháp Hoa thí sẽ tin sâu không nghi, chính là hiểu rõ bản thân, không cần xem quẻ. Thiện căn này không chỉ được trồng trước một vị Phật, hai vị Phật, ba vị Phật, bốn năm sáu vị Phật, mà là thiện căn trồng trước ngàn vạn vị Phật. Câu nói này là trên kinh Kim Cang đã nói. Nếu như không đạt đến mức độ này thì không thể nào đạt được sáu căn thanh tịnh, cũng không đạt đến ngũ phẩm vị! Thế chúng ta mỗi ngày viết, thọ trì đọc tụng, giải thuyết lại không phải là ngũ phẩm vị sao? Nhưng việc Thọ trì đọc tụng này phải đạt đến trình độ không thấy tôi đọc kinh, cũng không phải không đọc kinh, cần phải hiểu được đạo lý của việc đọc kinh này.

Tại sao chúng ta phải học giáo? Mục đích của học giáo chính là bản thân tự nhận thức được chính mình, biết được chính mình hiện tại học Phật và tin Phật, tu hành đến cảnh giới nào, nếu không chứng đến thì không thành tựu, chỉ có thể nói là trồng chút thiện căn. Điểm này trên quyển thượng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo đã nói rất rõ ràng. Khi phát tâm hồi hướng cho chúng sanh sẽ sanh ra công đức rất lớn, có thể hồi hướng cho rất nhiều người khác. Trong tâm chính mình vẫn đạt được một cơ sở, không thể nói một chút cũng không có. Tôi có thể cảm giác được tôi không có năng lực lớn như thế. Tuy chúng ta không có lực lượng lớn như thế nhưng nương vào việc chúng ta tụng kinh Địa Tạng và niệm thánh hiệu của Địa Tạng Bồ Tát. Chúng ta tụng phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện liền nương vào lực

của ngài Phổ Hiền Bồ Tát. Các ngài có năng lực, hiện tại tôi tụng niệm Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện, dùng Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện chỉ dạy công đức cho chúng ta, hồi hướng cho tất cả chúng sanh. Hồi hướng có quan hệ to lớn như thế, đây cũng là điều không thể thấy được.

Lập công đức có cái hình dáng thế nào? Trong Kinh Địa Tạng, đức Phật nói với Bồ Tát Văn Thù rằng công đức của ngài Địa Tạng Bồ Tát bất khả tư nghì, mười phương tất cả chư Phật đều phải tán thán công đức của Bồ Tát đó, tán thán cũng không cùng tận. Công đức của chư Phật Bồ Tát có hình dáng thế nào? Chúng ta nói trì danh hiệu của Địa Tạng Bồ Tát liền có thể tiêu trừ khổ nạn trong ba đường ác, đây là điều bất khả tư nghì. Nhưng nó có hình dáng thế nào? Kinh Địa Tạng phẩm thứ 9 là Địa Tạng Bồ Tát vì lợi ích chúng sanh nên hướng về đức Phật trình bày một pháp môn phương tiện nhất là xưng niệm Phật hiệu, niệm một vị Phật liền có thể tiêu trừ 40 kiếp tội nghiệp, đắc quả A La Hán. Chính mình tự hỏi tại sao mình niệm rất nhiều lần nhưng hiện tại vẫn chưa chứng được Tứ Quả A La Hán. Điều này lý giải thế nào? Đây là chỉ cho sự tương ưng. Khi chưa được tương ưng thì không khởi lên tác dụng, cũng chính là chúng ta trang trí đèn điện nhưng không mở công tắc thì đèn không chiếu sáng, phải nghĩ biện pháp mở công tắc. Làm sao mở được? Khi niệm phải tùy văn nhập quán, chí tâm, nếu như ngay đến chí tâm cũng không đạt đến thì nghiệp chướng không được tiêu trừ, ba nghiệp không thanh tịnh cho nên thành tựu không lớn.

「若學習真如實觀者，思惟心性無生無滅，不住見聞覺知，永離一切分別之想。」

Nhược học tập chân như thật quán giả, tư duy tâm tánh vô sanh vô diệt, bất trụ kiến văn giác tri, vĩnh li nhất thiết phân biệt chi tướng.

(Nếu người nào học tập chân như thật quán, tư duy tâm tánh vô sanh vô diệt, không trụ vào thấy nghe giác biết, vĩnh viễn thoát li tất cả tướng phân biệt.)

Cái gì gọi là “chân như thật quán”? Chính là tư duy “tâm tánh không sanh không diệt, không trụ vào thấy nghe giác biết”. Cái giác, biết này là chỉ cho “ý thức”, chỉ cho tâm thức mặt trên của “tâm” .

Đây là tu “duy tâm thức quán”. Tiến một bước phải thoát li khỏi “thấy nghe giác biết”. Duy tâm thức quán tu tốt rồi, tiến thêm một bước là vô sanh vô diệt, thật thể của chân không là không có tất cả niệm tướng phân biệt. Phía trước phải dùng quán tưởng để tu, còn ở đây phải rời khỏi cách tu quán tưởng, phải có danh tự, phía sau sẽ giải thích.

「漸漸能過空處，識處，無少處，非想非非想處等定境界相。得相似空三昧。得相似空三昧時，識想受行粗分別相，不現在前。從此修學，為善知識大慈悲者守護長養。

Tiệm tiệm năng quá không xứ, thức xứ, vô thiếu xứ, phi tướng phi phi tướng xứ đẳng định cảnh giới tướng, đặc tương tự không tam muội. Đặc tương tự không tam muội thời, thức tướng thọ hành thô phân biệt tướng, bất kiến tại tiền. Tùng thủ tu học, vi thiện tri thức đại từ bi giả thủ hộ trưởng dưỡng.

(Dần dần có thể qua được các định cảnh giới tướng như: không xứ, thức xứ, vô thiếu xứ, phi tướng phi phi tướng xứ. Đặc tương tự với không tam muội. Khi được tương tự với không tam muội thì tướng phân biệt thô của thức, tướng, thọ, hành chẳng hiện phía trước. Từ đó tu học nhờ được thiện tri thức khéo bảo hộ và trưởng dưỡng.)

“Vô thiếu xứ” chính là vô sở hữu xứ. “Tu chân như thật tướng” là tu thiện vượt qua ba cõi dục giới, sắc giới và vô sắc giới, hoàn toàn đốn siêu. Không vô biên xứ, thức vô biên xứ, phi tướng phi phi tướng xứ, đây là cõi trời tứ thiên nơi ở của thánh nhân tứ quả. Đây đương nhiên là chỉ cho ngoại đạo mà nói, cũng không phải là chỉ cho việc tu thành tướng cảnh giới mà thôi. Phải tu cái định này, cảnh giới định này gọi là tứ không định. Điều này tôi không giảng cạn kẽ. Đây là cứu thủ đệ định của tiêu thừa. Tổng cộng học chính lần, mỗi một địa vị siêu vượt tam giới, đặc được “không tam muội”. Cái “không” này không phải là cái không chân chánh, không phải là cảnh giới thực tướng. Chân chánh đạt đến cảnh giới thực tướng, chứng được pháp thân thì có địa vị. Chúng ta phía trước không phải là nói thập trụ sao? Ở đây đã đạt đến địa vị của Bồ Tát Tam Hiền Vị, tương tự địa vị của Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng. Tu hành dần dần như thế. Ba

địa vị này gọi là Hiền nhưng không phải Thánh, gọi là “tương tự không tam muội”. Không phải là thật tướng chân thật đó, “không tam muội chân chánh” chính là cảnh giới tướng trùng trùng vô tận mà trên kinh Hoa Nghiêm đã giảng, đó chính là thật tướng trong chân không, đạt đến tam muội.

Tướng của phân biệt, thức, thọ, tưởng, hành giảng nói ở phía trước không hiện tiền. Cảnh giới tướng này chính là “Quán Tự Tại Bồ Tát hành thâm bát nhã ba la mật đa thời chiếu kiến ngũ uẩn giai không”. “Ngũ uẩn giai không” chính là năm thứ uẩn này. Điều này không phải chỉ cho cái Không mà Quán Tự Tại Bồ Tát đạt đến, tương tự như vậy, ngũ uẩn pháp sắc, thọ, tưởng, hành, thức đều không hiện. Như thế mới là phẩm vị của một thiện tri thức đại từ đại bi, là quán hạnh Bồ Tát sáu căn thanh tịnh mà chứng được địa vị quán hạnh Bồ Tát. Có thể tương tự hàng phục trần sa vô minh. Dù là phục mà chưa đoạn được, cũng là người chân thật đại từ bi. Lúc này từ Không mà sản sinh ra Diệu Hữu để làm lợi ích cho chúng sanh. Từ bi này là tứ vô lượng tâm từ bi hỉ xả. Phải tu tập tương ưng với trí huệ, nếu không có trí huệ thì gọi là ái kiến. Không thể có tâm phân biệt, đối với chúng sanh dù có một chút không tốt hoặc sai sót đều không phải hạnh từ bi. Đây là rơi vào ái kiến đại bi. “Từ” là cầu cho chúng sanh được đầy đủ an lạc và hiểu được cái nhân để có được sự an lạc, và an lạc từ đâu mà có? Còn “Bi” là cầu cho chúng sanh lìa mọi khổ và nhân của cái khổ, trừ mọi thống khổ cho chúng sanh. Làm sao mới có thể làm được như vậy? Tất phải biết cái nhân thoát li khổ não.

是故離諸障礙，勤修不廢，展轉能入心寂三昧。

Thị cố li chư chướng ngại, cần tu bất phế, triển chuyển năng nhập tâm tịch tam muội.

(Cho nên thoát khỏi mọi chướng ngại, tinh cần tu tập không gián ngưng nghỉ, triển chuyển có thể nhập vào tâm tịch tam muội).

Biết tất cả pháp như mộng huyễn bào ảnh, hơn nữa phải tinh cần tu tập không giải đãi, nhưng không bị pháp làm chướng ngại, không bị pháp nhiễu loạn trói buộc, tại sao vậy? Đạt đến tâm tịch tam muội, cũng chính là tâm không còn phân biệt. Không phân biệt tất cả cảnh giới tướng, không chỉ cảnh giới tướng bên ngoài, mà tất cả sắc tướng bên trong hay bên ngoài đều không chấp trước. Đây là quán đã thành, là quán chân như thật tướng.

「得是三昧已，即復能入一行三昧。入是一行三昧已，見佛無數，發深廣行心，住堅信位，所謂於奢摩他毗婆舍那二種觀道，決定信解，能決定向。」

Đắc thị tam muội dĩ tức phục năng nhập nhất hạnh tam muội, nhập thị nhất hạnh tam muội dĩ, kiến Phật vô số, phát thâm quảng hạnh tâm, trụ kiên tịnh vị, sở vị u xa ma tha, tì bà xá na nhị chủng quán đạo, quyết định tín giải, năng quyết định hướng.

(Đắc được tam muội này rồi tức thời có thể lại nhập vào nhất hạnh tam muội. Nhập vào nhất hạnh tam muội rồi thấy vô số Phật, phát tâm hạnh sâu rộng trụ địa vị kiên tín. Gọi là hai loại quán đạo xa ma tha và tì bà xá na, tín giải rốt ráo, có thể đạt được quyết định hướng.)

Khi tâm quyết định “hướng” thì sẽ rốt ráo nhập vị. Có khi là viên giáo ngũ phẩm vị, có khi là khởi đầu thập tín vị, chính là quán hạnh vị đạt đến cực điểm, phát xuất một loại tuệ giải, liền có thể nhập. Có thể nhập cái gì? Có thể nhập vào nhất hạnh viên tín viên giải. Ngộ thì viên mãn, không có vọng tưởng phân biệt, không có tất cả tạp niệm khác. Thường có đệ tử hỏi: “chuyên môn niệm Phật tốt hay bái sám tốt?” “Tôi tu pháp môn Địa Tạng tốt hay là niệm Văn Thù Bồ Tát?” Đến địa vị này thì không còn có nghi vấn nữa. Vì một hạnh là tất cả hạnh,

khi niệm Phật có đầy đủ cả bái sám, niệm A Di Đà Phật cũng bao gồm cả bái sám, cũng bao gồm cả thính pháp, đọc tụng đại thừa, một tức là tất cả, đây gọi là nhất hạnh tam muội.

Có người đem “một” này xem thành số 1. Nếu nói “Nhất hạnh tam muội” nghĩa là tôi chỉ có thể làm như thế này thì hoàn toàn không phải, mà tất cả đều viên mãn trong đó, tín viên mãn, giải viên mãn. Vậy “Nhất hạnh” là hạnh gì? Là pháp giới hạnh. Khi nhập vào pháp giới thì nhất hạnh liền trở thành quán pháp giới hạnh; nhất niệm chính là pháp giới hạnh nhất niệm. Không còn pháp nữa vì pháp giới đã viên mãn, bao gồm tất cả pháp, cái này gọi là viên mãn đạo hạnh. Làm tất cả sự nhưng luôn hiểu được một là tất cả; ngộ được lý này thì gọi là viên đốn, sáu căn thanh tịnh hạnh, đây gọi là “quyết định hướng”, cũng gọi là tâm sơ trụ thập tín viên mãn. Vừa nãy không phải chúng ta đã giảng về Viên Giáo Thập Trụ sao? Đến khi tu thành chân như thật tướng này mới chúng đắc Viên Giáo Sơ Trụ. Lúc này phát tâm Bồ đề hành sáu ba la mật. Điều này chân chánh làm lợi ích chúng sanh, cũng là quán hạnh chân thật. Tu đến như thế có chỗ nào tốt? Lúc này mà khởi tu thì không còn tham sân si, làm việc gì đều được viên mãn, học cái gì đều được thành tựu. Tại sao? Vì không còn chấp trước. Không chấp trước thì có thể tu tất cả thiện pháp. Khi hành Bồ Tát đạo dù có rất nhiều chướng nạn nhưng đều không sanh tâm lo sợ, không có tâm khiếm nhược. Bởi vì năng lực lý giải thù thắng, mạnh mẽ, vĩnh viễn không còn thoái tâm đến nhị thừa. Tiến tu không ngừng thẳng đến thành Phật quả. Thành quả vị Phật vẫn là để lợi ích chúng sanh.

隨所修學世間諸禪三昧之業，無所樂者。乃至遍修一切善根菩提分法，於生死中無所怯畏，不樂二乘。以依能習向二觀心最妙巧便，眾智所依，行根本故。

Tùy sở tu học thế gian chư thiên tam muội chi nghiệp, vô sở nhạo giả. Nãi chí biến tu nhất thiết thiện căn bồ đề phần pháp, u sanh tử trung vô sở khiếm úy, bất nhạo nhị thừa. Dĩ y năng tập hướng nhị thừa quán tâm tối diệu xảo tiện, chúng tri sở y, hành căn bản cố.

(Tùy theo sự nghiệp tu học thế gian các loại thiên tam muội, nhưng không có điều ưa thích. Cho đến rộng tu tất cả thiện căn bồ đề

phần pháp, đối với sanh tử không khiếp sợ, không ưa thích nhị thừa. Dùng phương tiện thiện xảo nhất có thể huân tập hướng tâm nhị thừa, làm chỗ y cứ cho trí huệ và các hạnh căn bản).

Hiểu được chân như thật quán, lúc này mới có đủ phương tiện thiện xảo để ứng dụng Xa Ma Tha Và Tì Bà Xá Na, sáu căn phóng quang động địa làm tất cả Phật sự. Tuy chúng ta thấy họ ngồi bất động nơi đó nhưng có thể đến trăm ngàn thế giới làm lợi ích cho chúng sanh, cũng có thể hóa hiện ra tất cả chúng sanh. Cho nên nói chúng sơ trụ Bồ Tát có thể hóa độ tất cả chúng sanh, hàm nghĩa là như vậy, cũng là hành pháp căn bản. Đây cũng có thể nói là mật tông, mật tông bất khả tư nghì.

復次，修學如上信解者，人有二種。何等為二，一者利根，二者鈍根。其利根者，先已能知一切外諸境界，唯心所做，虛誑不實，如夢如幻等，決定無有疑慮。陰蓋輕微，散亂心少。如是等人，即應學習真如實觀。

Phục thứ, tu học như thượng tín giải giả, nhân hữu nhị chủng. Hà đẳng vi nhị? Nhất giả, lợi căn; nhị giả, độn căn. Kỳ lợi căn giả, tiên dĩ năng tri nhất thiết ngoại chư cảnh giới, duy tâm sở tạo, hư cuống bất thật, như mộng như huyễn, quyết định vô hữu nghi lự. Âm cái khinh vi, tán loạn tâm thiếu. Như thị đẳng nhân, tức ưng học tập chân như thật quán.

(Lại nữa, người tu học tín giải như trên, người có hai loại. Những gì là hai? Một là lợi căn, hai là độn căn. Người lợi căn trước tiên biết được tất cả cảnh giới bên ngoài là do tâm tạo, hư cuống không thật, như mộng như huyễn, quyết định không còn tâm nghi ngờ lo lắng. Năm món cái nhẹ mỏng, tâm ít bị tán loạn. Những người như vậy tức nên học tập chân như thật quán.)

Những người nào mới có thể tu? Phân biệt nói một chút, có hai loại, một là lợi căn, hai là độn căn. Người lợi căn có đại trí huệ, thiện căn trong quá khứ sớm được bồi dưỡng, chỉ dạy rất tốt. Do lợi căn nên có thể biết được tất cả cảnh giới bên ngoài đều do tâm tạo ra, như mộng như huyễn không thật, nên không có nghi ngờ lo lắng. Đây

chính là nói năm âm năm cái nhẹ mỏng, tâm ít bị tán loạn. Những người này có thể học tập chân như thật quán.

「其鈍根者，先未能知一切外諸境界，悉唯是心，虛誑不實故。染著情厚，蓋障數起，心難調伏，應當先學唯心識觀。」

Kì độn căn giả, tiên vị năng tri nhất thiết ngoại chư cảnh giới, tất duy thị tâm, hư cuống bất thật giả. Nhiễm trước tình hậu, cái ám sở khởi, tâm nan điều phục, ưng đương tiên học duy tâm thức quán.

(Người độn căn trước không biết tất cả cảnh giới bên ngoài đều do tâm này, hư cuống không thật. Nhiễm tình chấp sâu nặng, cái ám khởi nhiều, tâm khó điều phục, nên phải trước tu học duy tâm thức quán.)

Họ tuy cũng có thể tu hạnh từ bi, cũng hành hỷ xả, nhưng cái ưa thích lại rơi vào ái kiến vì không có trí huệ, nên gọi là độn căn. Phải làm sao? Tự mình không điều phục được thì đừng học chân như thật quán, trước tiên nên học duy tâm thức quán.

「若人雖學如是信解，而善根業薄，未能進趣。」

Nhược nhân tuy học như thị tín giải nhi thiện căn cạn mỏng, vị năng tiến thú.

(Nếu người tuy học tín giải như vậy nhưng do thiện căn cạn mỏng, chưa thể tinh tiến.)

Tu rất lâu mà không tinh tiến chút nào.

「諸惡煩惱，不得漸伏，其心疑怯，畏墮三惡道，生八難處。畏不常值佛菩薩等，不得供養聽受正法。畏菩提行難可成就，有如此疑怖及種種障礙等者，

Chư ác phiền não, bất đắc tiệm phục, kì tâm nghi khiếp, úy đọa tam ác đạo, sanh bát nạn xứ. Úy bất thường trị Phật Bồ Tát đẳng, bất năng cung dưỡng thỉnh thọ chánh pháp. Úy bồ đề hạnh, nan

***khả thành tựu, hữu như thử nghi phổ cập chúng chúng chúng
ngại đấng giả.***

(Các loại phiền não ác không thể điều phục từ từ, trong tâm nghi ngờ khiếp nhược, sợ đọa ba đường ác, sanh vào nơi có tám nạn. Sợ không được thường gặp Phật Bồ Tát, không thể cúng dường, nghe thọ chánh pháp. Sợ tu hạnh bồ đề khó thành tựu, có những loại nghi hoặc lo sợ như vậy cũng các loại chúng ngại khác.)

Những người này không điều phục được phiền não, muốn tĩnh tọa để tu tập quán tưởng nhưng tâm tán loạn, năm cái mười triệu kéo đến, có cái do mình khởi, cũng có từ bên ngoài đến. Nếu bạn chân chánh tu quán tưởng thì chúng liền kéo đến tìm bạn. Hoặc cũng có thiện nghiệp tìm bạn, đương nhiên không phải tất cả đều là ác nghiệp! Hoặc như chúng ta muốn tu tập một chút, vừa mới ngồi xuống thì điện thoại gọi đến. Lúc đó phải làm sao? Đương nhiên phải trả lời, cái này gọi là “triền cái”. Nghiệp thiện cũng có thể quấy nhiễu bạn tịnh tu. Cho nên nói tại sao khi phát tâm tu hành phải vào núi? Vì phải đoạn ngoại duyên, lúc này mới có thể tịnh tu. Có người phát tâm trước tu hành cho thật tốt, sau đó mới làm lợi ích cho chúng sanh! Hiện tại không làm, chúng sanh không có được lợi ích, bản thân trước phải đọa địa ngục. Nghĩ tới nghĩ lui, cũng có người nghĩ Văn Thủ Sư Lợi Bồ Tát, Quán Âm, Địa Tạng... các đại Bồ Tát đều làm như vậy, tôi cũng làm như vậy, nếu đọa lạc thì đọa lạc thôi! Không có tâm khiếp nhược chính là kiên trì tin tưởng luôn được chư Phật gia trì, khiến bạn có thể hành Bồ Tát đạo. Đây là hai loại phát tâm. Nếu như sanh tâm lo sợ thì đạo bồ đề khó thành, tâm bồ đề khó tu, nghi sợ trùng trùng, vô vàn chúng ngại. Đây là nói độn căn.

應於一切時一切處，常勤誦念我之名字

***Ứng w nhất thiết thời nhất thiết xứ thường cần tụng niệm ngã
chi danh tự.***

(Nên ở tất cả mọi lúc mọi nơi thường tụng niệm danh hiệu của ta.)

Phương pháp này là giản tiện nhất. Địa Tạng Bồ Tát nói hai loại quán hạnh đều rất khó tu thành tựu, hãy nên niệm danh hiệu của ngài! “Nhất thiết thời nhất thiết xứ”, câu này ý nói niệm Địa Tạng Bồ Tát không gián đoạn ngưng nghỉ. Hãy nhớ lại lúc đầu chúng ta đã nói: Địa Tạng chính là tự tâm của chúng ta, còn Tạng là tánh tạng của chúng ta.

Địa Tạng cũng chính là ta, niệm niệm đều niệm Địa Tạng Bồ Tát chính là niệm niệm đều niệm chính mình, cũng là niệm niệm đều niệm chân như thật quán. Có cái tâm niệm Địa Tạng Bồ Tát thế này, thì bên ngoài liền hiển hiện tự tâm của chính mình, tự tâm duyên niệm với ngoại tướng, hai tướng hợp lại, trong tâm lúc nào cũng quán tưởng như thế. Có chỗ tốt nào không? Trong lúc ngẫu nhiên tự thân có thể biến thành tướng Địa Tạng. Giả sử rớt xuống địa ngục, trong một niệm đó, vua Diêm La nhìn thấy là Địa Tạng Bồ Tát đến! Đây thực sự thật thật giả giả, hư hư thật thật rất khó phân biệt. Bản thân duyên niệm cái gì thì tướng biến thành cái đó.

Có vài đệ tử nói: “Thưa pháp sư, con sợ nhất đọa địa ngục”. Tôi nói: “Thế thì bạn nhất định bị đọa địa ngục!” Tại sao vậy? Bạn sợ địa ngục, cả ngày nghĩ đến địa ngục, bạn không đến địa ngục thì đến nơi nào? Làm sao đây? Tôi nói: “Căn bản không có địa ngục, không cần phải nghĩ ngợi, hãy niệm Địa Tạng Bồ Tát, Địa Tạng Bồ Tát đã đem những chương nạn của địa ngục tiêu trừ thì nào còn địa ngục chứ?” Nếu ngày ngày không niệm thiện pháp, tức ngày ngày đều đang niệm địa ngục. Đọa địa ngục không phải là tự đi tìm khổ hay sao? Trong pháp môn của Phật không có một pháp nào muốn bạn duyên niệm địa ngục, nếu sợ cái khổ của địa ngục thì đừng tạo nghiệp. Đâu có dạy bạn đi niệm địa ngục chứ. Duyên niệm thiên đường tốt hơn duyên niệm địa ngục mà! Duyên niệm thế giới Đông Phương của Phật Dược Sư Lưu Ly Quang không phải rất tốt sao? Duyên niệm Địa Tạng Bồ Tát chính là niệm tánh của mình, tâm của mình, tướng phân của mình. Người độn căn đối với hai loại quán này đều tu không thành tựu. Địa Tạng Bồ Tát liền dạy cho chúng ta một pháp môn tốt là niệm danh hiệu. Điều này có hai ý nghĩa, một là Địa Tạng gia trì cho bạn tiêu trừ chương ngại, rất nhanh có thể tu quán. Thứ hai là niệm Địa Tạng chính là niệm chính mình, cũng chính là chân như thật quán. Lâu dần cũng thành Địa Tạng Bồ Tát. Ý nghĩa của chân như thật quán chính là như vậy.

**若得一心，善根增長，其意猛利。當觀我法身及一切
諸佛法身，與己自身，體性平等，無二無別。不生不滅，**

常樂我淨，功德圓滿，是可歸依。又復觀察己身心相，無常、苦、無我、不淨，如幻如化，是可厭離。

Nhược đắc nhất tâm, thiện căn tăng trưởng, kì ý mãnh lợi. Đương quán ngã pháp thân cập nhất thiết chư Phật pháp thân, dữ kĩ tự thân, thể tánh bình đẳng, vô nhị vô biệt. Bất sanh bất diệt, thường lạc ngã tịnh, công đức viên mãn, thị khả quy y. Hựu phục quán sát kĩ thân tâm tướng, vô thường, khô, vô ngã, bất tịnh, như huyễn, như hóa, thị khả yếm li.

(Nếu được nhất tâm thiện căn tăng trưởng, ý chí mãnh liệt. Nên quán pháp thân của ta cùng với pháp thân tất cả chư Phật và tự thân mình có thể tánh bình đẳng, không hai không khác, không sanh không diệt, thường lạc ngã tịnh, công đức viên mãn, đáng nên tin cậy. Lại nữa quán sát thân mình và tướng tâm đều vô thường, khô, vô ngã, bất tịnh, như huyễn như hóa, phải nên chán lìa.)

Tất cả chư Phật, Địa Tạng Bồ Tát, Văn Thù Bồ Tát, Quán Âm Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát, chúng đắc đồng một pháp thân, có thể làm được vừa niệm danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát, vừa quán pháp thân của Địa Tạng Bồ Tát, cần có ý chí mãnh liệt. Quán pháp thân của ta cũng là pháp thân của chư Phật. Pháp thân của ta bình đẳng với pháp thân chư Phật. Vừa mới nói niệm Địa Tạng Bồ Tát chính là niệm chính mình thì chính mình cũng biến thành Địa Tạng Bồ Tát, đây là không hai không khác. Nhân vì pháp không sanh không diệt, công đức của thường lạc ngã tịnh đáng để nương tựa. Nói đi cũng nói lại, nếu như đối với thế gian này không có tâm chán lìa, niệm Địa Tạng Bồ Tát cũng không niệm nổi, nghĩ đến chồng con, gia đình quyến thuộc, biệt thự, công ty v.v. Không làm đến được chán lìa thế gian thì niệm không đến được Địa Tạng Bồ Tát mà là đến chỗ đang nghĩ nhớ, làm sao để giữ gìn biệt thự, tài sản. Nếu không sanh tâm chán lìa là không được.

Nếu như bạn quán sát thân tâm mình là vô thường, là khô, là vô ngã, là bất tịnh, điều này là bốn loại phiền não đối ngược với tứ đức thường lạc ngã tịnh đã nói ở phía trước. Nếu như có thể dùng tâm chán lìa quán sát bản thân là như huyễn như hóa thì càng tăng trưởng tâm chán lìa. Chán lìa cái gì? Chán lìa tất cả thế gian. Tâm thích Địa Tạng Bồ Tát, tâm thích pháp thân, hai loại này kết hợp với nhau. Bởi vì một niệm tâm hiền tiền này của chúng ta chính là nương tựa mười

phương tất cả chư Phật, tất cả y báo và chánh báo đều là nương vào một niệm tâm hiện tiền. Nhưng tại sao không thể đạt đến cảnh giới đó? Bởi vì không có tâm chán lìa đối với hoàn cảnh hiện thực, nếu như có tâm chánh lìa thì tiêu trừ được hư vọng tạp nhiễm.

**若能修學如是觀者，速得增長淨信之心。所有諸障，
漸漸損減。**

Nhược năng tu học như thị quán giả, tốc đắc tăng trưởng tịnh tín chi tâm. Sở hữu chư chướng, tiệm tiệm tổn giảm.

(Nếu người nào có thể tu học quán như vậy thì nhanh được tăng trưởng lòng tin thanh tịnh. Tất cả mọi chướng ngại dần dần tiêu trừ được thanh tịnh.)

Nhất thời không đạt được nhưng tín tâm có thể từ từ tăng trưởng.

何以故，此人名為學習聞我名者

Hà dĩ cố, thử nhân danh vi học tập văn ngã danh giả.

(Tại sao vậy, những người này được gọi là học tập bằng cách nghe danh hiệu ta.)

Một người thường niệm danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát nhưng đến bây giờ mới được xem như được nghe danh hiệu Ngài, điều này giống chuyện cười vậy. Chúng ta mỗi ngày đều giảng về Địa Tạng Bồ Tát, lỡ tai nghe muốn chai luôn, vậy sao lại nói hiện tại mới được nghe đến Địa Tạng Bồ Tát? Vì cái Nghe trước đây là hư vọng, hiện tại mới là chân thật nghe. Trên thực tế vẫn chưa thật sự nghe! Phải học tập và niệm danh hiệu Địa Tạng thật nhiều. Dù đã nghe nhiều lần danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát nhưng vẫn phải học tập để biết cách Nghe, để có thể nhận thức được Địa Tạng Bồ Tát, nếu như không học tập thì ngay cả nghe cũng là nghe một cách hư vọng, không phải chân thật nghe thấy Địa Tạng Bồ Tát, niệm cũng là vọng niệm, không phải là chân thật niệm.

亦能學習聞十方諸佛名者。名為學至心禮拜供養我者，亦能學至心禮拜供養十方諸佛者。

Diệc năng học tập thập phương chư Phật danh giả. Danh vi học chí tâm lễ bái cúng dường ngã giả, diệc năng học chí lễ bái cúng dường thập phương chư Phật giả.

(Cũng có thể học tập nghe danh hiệu của mười phương chư Phật. Được gọi là người học tập chí tâm lễ bái cúng dường ta, cũng có thể học chí tâm lễ bái cúng dường mười phương chư Phật.)

Lúc này mới có thể nói là chí tâm lễ bái cúng dường, tôi vẫn còn trong quá trình học tập, học tập lễ bái cúng dường mười phương chư Phật, học tập lễ bái cúng dường Địa Tạng Bồ Tát. Ngũ phẩm vị cũng là ý nghĩa đọc tụng, thọ trì, giải thuyết này.

名為學聞大乘深經者。名為學執持書寫供養恭敬大乘深經者。名為學受持讀誦大乘深經者。名為學遠離邪見，於深正義中不墮謗者。名為於究竟甚深第一實義中，學信解者。名為能除諸罪障者。名為當得無量功德聚者。此人捨身，終不墮惡道八難之處。還聞正法，習信修行。亦能隨願往生他方淨佛國土。

Danh vi học văn đại thừa thâm kinh giả. Danh vi học chấp trì thư tả cúng dường cúng kính đại thừa thâm kinh giả. Danh vi học tập trì tụng đại thừa thâm kinh giả. Danh vi học tức li tà kiến, u thâm chánh nghĩa trung tất đọa báng giả. Danh vi u cứu cánh thâm thâm đệ nhất thật nghĩa trung, học tín giải giả. Danh vi năng trừ chư tội chướng giả. Danh vi đương đắc vô lượng công đức tụ giả. Thử nhân xả thân, chung bất đọa ác đạo bát nạn chi xứ. Hoàn văn chánh pháp, tập tín tu hành, diệc năng tùy nguyện vãng sanh địa tha phương tịnh Phật quốc độ.

(Được gọi là người nghe học đại thừa kinh thâm sâu. Được gọi là người học tập thọ trì ghi chép cúng dường cúng kính kinh điển đại

thừa thâm sâu. Được gọi là người học tập nhanh chóng thoát li tà kiến, trong chánh nghĩa thâm sâu tất bị đọa lạc, phi báng. Được gọi là người trong thật nghĩa đệ nhất thậm thâm cứu cánh học tập tín giải. Được gọi là người có thể trừ mọi chướng ngại. Được gọi là người quy tụ được vô lượng công đức. Khi người đó bỏ thân rớt ráo không đọa vào đường ác cùng tám chỗ nạn. Nghe xong chánh pháp huân tập tín tu, cũng có thể tùy nguyện vãng sanh về nơi quốc độ thanh tịnh của Phật.)

Lúc này phải học cái gì? Đoạn kinh văn này là nói về học tập xa ma tha, tì bà xá na. Niệm danh hiệu của Bồ Tát, cúng dường Bồ Tát, cúng dường Phật tất phải dùng hai loại quán hạnh để cúng dường, hai loại quán hạnh để tu hành. Phải như thế mới có thể được tính là huân tập lòng tin tu hành, sản sanh ra tịnh tâm như vậy, học tập như vậy, mới có thể đắc nhập. Giả sử như bạn nguyện sanh Tây Phương Cực Lạc Thế Giới, hay nguyện sanh về Thế Giới Lưu Ly Quang, nguyện sanh về thế giới Bất Động; nhưng cuối cùng bạn muốn sanh về thế giới Hoa Tạng thì sau này sẽ đến được thế giới Hoa Tạng đó.

Vốn không có nhiễm hay tịnh, đều là tùy tâm chính mình. Nhiễm là dần dần nhiễm, tịnh là dần dần tịnh. Bạn xem là cảnh giới gì thì tùy theo cảnh giới sở kiến mà có sự bất đồng, tùy theo nghiệp nhiễm của mỗi người mà tướng cảnh giới tùy hiện cũng bất đồng.

復次，若人欲生他方現在淨國者，應當隨彼世界佛之名字，專意誦念，一心下亂。如上觀察者決定得生彼佛淨國，善根增長，速獲不退。

Phục thứ, nhược nhân dục sanh tha phương hiện tại tịnh quốc giả, ưng đương tùy bỉ thế giới Phật chi danh tự, chuyên ý tụng niệm, nhất tâm hạ loạn. Như thượng quán sát giả quyết định đắc sanh bỉ Phật tịnh độ, thiện căn tăng trưởng, tốc hộ bất thoái.

(Lại nữa, nếu người muốn sang cõi nước thanh tịnh phương khác, nên chuyên tâm tụng niệm danh hiệu của Phật thế giới đó đến nhất tâm không loạn. Quán sát như trên quyết định được sanh về tịnh quốc của Phật đó, thiện căn tăng trưởng, hộ trì nhanh chóng, không thoái chuyển.)

Địa Tạng Bồ Tát nói muốn nguyện sanh về quốc độ nào thì niệm danh hiệu của vị Phật ở quốc độ đó, tuy nhiên phải niệm đến nhất tâm bất loạn. Không chỉ trên kinh A Di Đà nói phải từ một ngày cho đến bảy ngày, trong Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, Địa Tạng Bồ Tát cũng nói cho chúng ta quyết định có thể sanh. Nhưng phải có đủ hai loại quán hạnh, chính là duy tâm thức quán hoặc là tu chân như thật quán, quyết định có thể sanh về cõi Phật thanh tịnh đó. Đây không phải nói là tu thành tựu quán hạnh mà chỉ nói tu tập loại quán hạnh này, niệm danh hiệu của vị Phật ở cõi tịnh độ liền quyết định được sanh. Hoàn toàn không phải nói tu thành tựu mới được. Nếu đã tu thành tựu rồi thì đến tịnh độ cõi Phật đó để làm gì? Tu thành rồi bản thân liền có thể độ chúng sanh. Đoạn văn này là tùy thuận chúng sanh mà nói. Tùy theo duyên của chúng sanh mà Địa Tạng Bồ Tát dùng nhiều loại tướng pháp làm phương tiện cho chúng sanh. Người có nhiều chướng ngại nếu tu cái này không thành thì đổi sang cách khác. Niệm A Di Đà Phật đến thế giới Cực Lạc cũng tốt! Tuy nhiên cần phải tu thêm hai loại quán hạnh này. Hai loại quán hạnh này phải tu như thế nào? Đạt đến “Nhất tâm bất loạn” thì đầy đủ hai loại quán hạnh. Nhất tâm bất loạn chính là định, có thể đạt được nhất tâm quán hạnh, niệm A Di Đà Phật miên mật không gián đoạn thì định huệ liền đầy đủ. Niệm A Di Đà Phật như thế thì quyết định có thể thành tựu. Nhưng sau khi đạt được ba nghiệp thanh tịnh hãy cầu.

Tất cả pháp mà quyển hạ nói đều phải có tiền đề của quyển thượng. Nếu ba nghiệp không thanh tịnh thì không thể nào đạt đến loại cảnh giới này. Chướng duyên sanh khởi thì phải làm sao? Chướng duyên này có rất nhiều loại, không chỉ là chướng duyên tu tịnh hạnh, mà còn chướng duyên từ sự nghiệp thế gian. Hay con cháu sinh bệnh cũng đều là chướng ngại. Phải làm sao? Địa Tạng Bồ Tát dạy chúng ta cầu sanh tịnh độ cũng có nhiều cách, y theo pháp môn phương tiện mà tu. Khi phương pháp tu không tương ưng thì có thể đổi một pháp môn khác. Cuối cùng là nói đến niệm danh hiệu Phật, làm sao để niệm?

當知如上一心繫念思惟諸佛平等法身，一切善根中，
其業最勝。所謂勤修習者，漸漸能向一行三昧。若到一行
三昧者，則成廣大微妙行心，名得相似無生法忍。

Đương tri như thượng nhất tâm hệ niệm tư duy chư Phật bình đẳng pháp thân, nhất thiết thiện căn trung, kì nghiệp tối thắng. Sở vị cần tu tập giả, tiệm tiệm năng hưởng nhất hạnh tam muội. Nhược đáo nhất hạnh tam muội giả, tắc thành quảng đại vi diệu hạnh tâm, danh đặc tương tự vô sanh pháp nhẫn.

(Nên biết một lòng chuyên niệm tư duy pháp thân chư Phật bình đẳng như trên, là tối thắng nhất trong tất cả thiện căn. Người được gọi là cần mãi tu hành dần dần có thể hưởng về nhất hạnh tam muội. Nếu người nào tu được đến nhất hạnh tam muội liền thành tựu tâm hạnh rộng lớn vi diệu, được gọi là đặc được tương tự vô sanh pháp nhẫn.)

Đây là giảng nhân duyên thù thắng của nhất tâm, điều này đặc biệt thù thắng. “Nhất thiết chướng duyên” và “nhị chủng quán hạnh” chỗ giảng nói của nhất tâm này chính là dựa theo “nhất thiết cảnh giới”. Nhất thiết cảnh giới là gì? Là niệm A Di Đà Phật. A Di Đà Phật chính là “nhất thiết cảnh giới” nhưng phương pháp niệm A Di Đà Phật có khác nhau, khác nhau thế nào? Phải “hệ niệm”. “Hệ” chính là buộc ý niệm lại, cũng là nói buộc tâm tại một niệm này, niệm cái gì? Niệm pháp thân của Phật, chứ chẳng phải hình tượng mà chúng ta thấy, như tượng do khắc gỗ hay đắp nặn thành; mà từ trên hình tượng này hiển thị ra tư duy đến pháp thân chư Phật. Cần phải tu hành huân tập tinh cần không giải đãi, “hệ niệm” danh hiệu Phật. Niệm A Di Đà Phật, từ danh hiệu mà quán đến pháp thân của chư Phật với chúng ta là bình đẳng.

Có người hỏi Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo không tiêu nghiệp chướng hay sao? Niệm danh hiệu Phật làm sao có thể tiêu nghiệp chướng? Làm sao đạt được nhất hạnh tam muội? Niệm A Di Đà Phật chính là pháp môn A Di Đà Phật niệm Phật, đây là hạnh môn. Thế nhưng phải hiểu đã là niệm pháp thân Phật thì từ Thích Ca Mâu Ni Phật, Đông Phương Dược Sư Quang Như Lai, cho đến mười phương thế giới tất cả chư Phật, cho đến bao gồm chính mình, cũng bao gồm tất cả chúng sanh. Đây là hệ niệm pháp thân. Phía trước đã giảng qua một lần, một hạnh tức là tất cả hạnh. Tuy là niệm A Di Đà Phật nhưng có đầy đủ hai loại quán hạnh là xa ma tha và tì bà xá na. Khi đạt đến nhất tâm hệ niệm thì cũng chính là nhập vào nhất thiết cảnh giới. Nếu trước đó chiêm sát luân tương được ba nghiệp thanh tịnh rồi, đạt được tương ưng rồi thì công lực niệm Phật này đặc biệt thù thắng. Tu nhất hạnh tam muội, nếu niệm Phật thành tựu được tam

muội thì một hạnh là tất cả hạnh, đây là viên mãn. Công đức viên mãn này từ hệ niệm mà có, từ nhất tâm mà đến. Nhất tâm cũng là nhất thật cảnh giới. Hệ niệm nhất thật cảnh giới, cái nhất thật cảnh giới này chính là pháp thân của chư Phật. Niệm A Di Đà Phật chính là niệm pháp thân của Phật A Di Đà, bao gồm cả chính mình, cũng bao gồm tất cả chúng sanh. Niệm pháp thân, đây gọi là hạnh quán vi diệu, điều này tương tự như đạt được vô sanh pháp nhẫn. Niệm này chẳng phải cứu cánh đắc, cũng không phải phân chứng đắc.

Pháp thân Phật có hình dạng gì? Là vô hình vô tướng, niệm một câu A Di Đà Phật, quán tưởng A Di Đà Phật bằng tranh vẽ cũng được, bằng tượng gỗ cũng được. Pháp thân đó trong tâm chính mình. Ta cùng Phật là tự tha không hai. Cảnh giới này rất thâm sâu, đây là cảnh giới của Bồ Tát Tam Hiền Vị. Bồ Đề Tâm tương ứng với thập tín viên mãn; phát bồ đề tâm này đắc được tương tự Giác, hạnh này tương đối khó khăn. Trong kinh A Di Đà nói niệm A Di Đà Phật từ một ngày, hai ngày, cho đến bảy ngày, niệm bao nhiêu ngày không phải là vấn đề, vấn đề là phải niệm đến nhất tâm bất loạn. Ý nghĩa “bất loạn” ở đây không phải nói không khởi vọng tưởng. Nhất tâm bất loạn này chính là pháp giới, hệ niệm tương nhất thật cảnh giới mà không loạn.

Nếu như không đạt đến bản thể pháp giới tánh thì vĩnh viễn đều loạn. Ở đây không giống với niệm niệm mà chúng ta nói là không có niệm khác, đây không phải là nhất thật cảnh giới. Cần phải quán được pháp thân Phật cùng với pháp thân chính mình là “tự tha” không hai. Cho đến quán tất cả pháp thân của chúng ta cũng đều là “tự và tha” chẳng hai. Có thể như vậy mới có thể nhập vào cảnh giới vô sanh pháp nhẫn. Cái gì gọi là vô sanh pháp nhẫn. Phía sau chúng ta sẽ giảng giải tường tận tỉ mỉ. Niệm danh hiệu của Phật và Địa Tạng Bồ Tát có quan hệ gì? Phía sau liền giảng.

以能得聞我名字故，亦能得聞十方諸佛名字故。以能至心禮拜供養我故，亦能至心禮拜供養十方諸佛故。以能得聞大乘深經故。能執持書寫供養恭敬大乘深經故。能受持讀誦大乘深經故。能於究竟甚深第一實義中，不生怖畏

遠離誹謗，得正見心，能信解故。決定除滅諸罪障故。現證無量功德聚故。

Dĩ năng đắc văn ngã danh tự cố, diệc năng đắc văn thập phương chư Phật danh tự cố. Dĩ năng chí tâm lễ bái cúng dường ngã cố, diệc năng chí tâm lễ bái cúng dường thập phương chư Phật cố. Dĩ năng đắc văn đại thừa thâm kinh cố. Năng chấp trì thư tả cúng dường cúng kính đại thừa thâm kinh cố. Năng thọ trì đọc tụng đại thừa thâm kinh cố. Năng u cứu cánh thậm thâm đệ nhất thật nghĩa trung, bất sanh bố úy, hoàn li phỉ báng, đắc chánh kiến tâm, năng tín giải cố. Quyết định trừ diệt chư tội chướng cố.

(Vì có thể được nghe danh hiệu của ta, nên cũng có thể nghe được danh hiệu của mười phương chư Phật. Có thể chí tâm lễ bái cúng dường ta, nên cũng có thể chí tâm lễ bái cúng dường mười phương chư Phật. Có thể nghe được thậm thâm kinh điển đại thừa. Có thể chấp trì, ghi chép, cúng kính cúng dường đối với thậm thâm kinh điển đại thừa. Có thể thọ trì đọc tụng đại thừa thậm thâm kinh điển. Có thể đối với đệ nhất thật nghĩa cứu cánh thậm thâm không sanh tâm lo sợ, hay xa rời phỉ báng, có được tâm chánh kiến, có thể tín giải. Quyết định trừ diệt chư tội chướng, hiện tại chứng được vô lượng công đức.)

Ở đây giảng về Văn Tư Tu tam huệ. Hiện tại chúng ta ở đây nghe giảng, nghe được danh hiệu của Địa Tạng Bồ Tát. Tuy nhiên đây là dùng tâm tán loạn để nghe, không phải nghe một cách viên mãn. Đoạn kinh văn đại thừa phía trên là nghe viên mãn. Mọi người chúng ta nghe được danh hiệu của Địa Tạng Bồ Tát là rất không dễ dàng, chúng ta không được xem qua một cách hời hợt. Nếu không phải đời trước có nhân duyên với Địa Tạng Bồ Tát thì không được nghe danh hiệu của ngài. Bồ Tát nói bạn nghe được danh hiệu của tôi cũng chính là nghe được danh hiệu của mười phương tất cả chư Phật. Cho đến lễ bái cúng dường tôi, cũng chính là có thể chí tâm lễ bái cúng dường mười phương tất cả chư Phật. Thậm chí nghe được rồi ghi chép thì đối với cứu cánh thậm thâm đệ nhất nghĩa sẽ không lo sợ. Nếu có thể nghe được danh hiệu của Địa Tạng Bồ Tát thì đạt được công đức to lớn như thế, đó chính là văn huệ. Phải văn tư tu tam huệ mới được viên mãn, viên tư viên tu.

Một khi nghe được danh hiệu thì chính là Bồ Tát danh tự vị, nhưng ở đây phải quán sát. Đề mục của chúng ta chính là Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo Kinh. “Sát” chính là tư duy xem xét. Có thể đối với thật nghĩa trong tất cả giáo pháp được nói của chư Phật mà không sanh khởi tâm lo sợ, tuyệt đối không phỉ báng, có thể đạt được tâm chánh tri chánh kiến, có thể sanh khởi tín giải thì thật không dễ dàng. Sau khi nghe được nhất định phải tư duy, tư duy chính là quán hạnh, quán hạnh chính là tu tâm, tư duy chính là suy nghĩ niệm tưởng. Cái tưởng này là tư tưởng quán hạnh vị; tương tự giác chính là tư tưởng tương tự huệ. Đây được gọi là văn tư tu tam huệ.

所以者何。謂無分別菩提心，寂靜智現，起發方便業種種願行故。能聞我名者，謂得決定信利益行故。乃至一切所能者，皆得不退一乘因故。

Sở dĩ giả hà. Vị vô phân biệt bồ đề tâm, tịch tĩnh trí hiện, khởi phát phương tiện nghiệp chủng chủng nguyện hạnh cố. Năng văn ngã danh giả, vị đắc quyết định tín lợi ích hạnh cố. Nãi chí nhất thiết sở năng giả, giai đắc bất thoái nhất thừa nhân cố.

(Tại sao vậy? Gọi là tâm bồ đề không phân biệt, trí hiện tịch tĩnh, khởi phát nghiệp phương tiện các loại nguyện hạnh. Có thể nghe được danh hiệu của ta, gọi là đắc được lợi ích hạnh tin quyết định, cho đến tất cả người có thể đều được không thoái chuyển cái nhân nhất thừa.)

“Vô phân biệt bồ đề tâm” là cảnh giới gì? Là “Nhất thật cảnh giới” chúng ta đã nói phía trước. Bồ đề tâm là giác tâm. Chúng ta nói hàm nghĩa đầy đủ của Bồ Đề chính là Bồ Đề Tát Đỏa, dịch qua Hoa ngữ chính là “giác hữu tình”, khiến có tất cả chúng sanh giác ngộ. Đây được gọi là bồ đề tâm. Bồ đề tâm có ba loại là chân tâm, thâm tâm, đại bi tâm. Chân tâm chính là chánh niệm nhất thật cảnh giới, chánh niệm chân như thâm tâm. Nhất thật cảnh giới là Không, chân không thuộc về lí pháp giới. Chân tâm đầy đủ tất cả thiện hạnh, một chút xíu thiện hạnh dù nhỏ Bồ Tát cũng phải làm, một chút xíu sự việc lợi ích chúng sanh đều phải làm, ưa thích huân tập tất cả mọi thiện hạnh. Phát tâm bồ đề có được năng lực to lớn như thế nên cần phải làm như vậy.

Loại thứ ba là đại bi tâm. Tâm đại bi thì cần phải ngăn trừ tất cả mọi thống khổ cho chúng sanh. Cái khổ phải thọ là quả. Vậy cái nhân nào đưa đến cái khổ? Tâm đại bi của Bồ Tát là phải trừ diệt nhân khổ cho chúng sanh. Không phải thấy họ thọ khổ trên sự việc này thì thay họ tiêu trừ tai ương. Ví như ai đó làm kinh doanh thua lỗ, cuộc sống bị xuống dốc thì giúp họ cầu phát chút tài lộc, điều này không giải quyết được vấn đề. Phải khiến họ giác ngộ được thế gian là khổ đau, đoạn trừ cái khổ này, đây là đại bi tâm.

Nhưng phát tâm bồ đề không phải là một lời nói! Hàm nghĩa sâu vô cùng. Công đức hạnh làm lợi ích cho tất cả chúng sanh mới có thể thành tựu Phật quả, trang nghiêm vô lượng công đức. Tại sao lại nói như thế? Có thể nghe được danh hiệu của Địa Tạng Bồ Tát thì có lợi ích lớn như vậy sao? Bởi vì phát tâm bồ đề. Bởi vì tâm bồ đề tịch tĩnh không phân biệt sanh ra trí tuệ, chính là xa ma tha. Phía trước nói xa ma tha chính là ý nghĩa tịch tĩnh, đây là quán xa ma tha. Từ khởi phát nghĩa phương tiện này, thì bà xá na chính là phương tiện quán, chính là bi. Không có trí huệ thì tất cả mọi sự làm lợi ích chúng sanh đều không thành, phải phát nguyện, phải khởi hạnh, cơ sở căn bản nhất là nghe được danh hiệu của Địa Tạng Bồ Tát. Địa Tạng Bồ Tát nói có thể nghe danh hiệu của Ngài nên quyết định được tín, giải. Có người nói nghe danh hiệu của Địa Tạng Bồ Tát làm sao có thể có năng lực lớn như thế? Bởi vì Ngài đã rốt ráo thành tựu.

若雜亂垢心，雖復稱誦我之名字，而不名為聞。以不能生決定信解。

Nhược tạp loạn cấu tâm, tuy phục xưng tụng ngã chi danh tự, nhi bất danh vi văn. Dĩ bất năng sanh quyết định tín giải.

(Nếu tâm tạp loạn, cấu uế, tuy lại xưng tụng danh hiệu của ta, nhưng không được gọi là nghe. Không thể sanh tâm quyết định tín giải.)

Không nghe danh hiệu của ta, không đắc được văn huệ, cho nên không thể sanh quyết định tín giải. Tại sao lại nói như vậy? Bởi dù tin “nhất thật cảnh giới, nhị chủng quán hạnh”, nhưng công năng của tín tâm đó không khởi tín giải, không khởi được trí tuệ, nói một cách đơn giản thì vẫn là không tỏ ngộ được! Không hiểu rõ ý nghĩa nhất thật

cảnh giới và nhị chủng quán hạnh thì thế có lợi ích không? Vẫn có lợi ích.

但獲世間善報，不得廣大深妙利益。

Đã hoạch thế gian thiện báo, bất đắc quảng đại thâm diệu lợi ích.

(Nhưng đạt được thiện báo thế gian, không đạt được lợi ích thâm diệu rộng lớn.)

Quả báo nhân thiên tuyệt đối có đủ. Nhưng chỉ đạt được tương tự giác như trên đã nói. Còn lợi ích rộng lớn thâm diệu thì không được! Phải làm sao để đạt được nhất tâm hệ niệm? Đại đa số thời gian của chúng ta niệm là tâm tán loạn. Tâm tán loạn khiến chúng ta gặp rất nhiều chướng ngại, tâm không thanh tịnh. Tuy nhiên tâm tạp loạn này sẽ dần dần được thanh trừ, tăng trưởng tín tâm, dần dần biến thành thanh tịnh. Tuy không đạt được lợi ích thâm diệu nhưng vẫn đạt được lợi ích nhân thiên, lợi ích tam giới.

「如是雜亂垢心，隨其所修一切諸善，皆不能得深大利益。」

Như thị tạp loạn cấu tâm, tùy kì sở tu nhất thiết chư thiện, giai bất năng đắc thâm đại lợi ích.

(Tâm tạp loạn cấu uế, tùy tất cả điều thiện được tu, đều có thể được lợi ích thâm diệu.)

Nếu không có sự giác biết viên mãn, không thấu tỏ được “nhất thực cảnh giới”, không đạt được “tâm tịch sắc tịch nhất hạnh tam muội”, thì những thiện nghiệp mà họ đã làm không có lợi ích to lớn. Cần phải viên tu viên giải, vì không pháp nào chẳng viên nên tùy tiện tu chút thiện pháp gì cũng đều biến khắp pháp giới. Tại sao mọi người phát tâm tụng kinh hoặc bái sám đều hồi hướng công đức cho pháp giới tất cả chúng sanh? Chính là học tập tu quán pháp giới, không giới hạn trong lục thân quyến thuộc của chính mình, không giới hạn ở bản thân, ý nghĩa tâm biến pháp giới.

Tùy tâm lượng mà triển khai rộng ra thì lợi ích càng lớn. Tu hành rất khó rất khổ, nếu muốn nương tâm tạp loạn cầu uest mà tu được lợi ích thậm thâm, điều đó là không thể. Tuy cũng tu nhất thật cảnh giới, cũng tu xa ma tha, tì bà xá na nhưng nếu như tu như vậy thì cũng giống như không tu, tại sao? Bởi công năng chủ đạo không đạt được, tâm vẫn không đạt đến được.

善男子，當知如上勤心修學無相禪者，不久能獲深大利益，漸次作佛。

Thiện nam tử! Đương tri như thượng tâm tu học vô tướng thiên giả, bất cứu năng hoạch thâm đại lợi ích, tiệm thứ tác Phật.

(Thiện nam tử! Nên biết phải như trên mà cần môn tu học vô tướng thiên, không lâu có thể đạt được lợi ích to lớn, dần dần thành Phật.)

Chỗ này cũng giảng thiên. Vô tướng thiên chính là chỉ cho nhất thật cảnh giới. Thiên là thiên na, chính là tịnh lự. Tịnh lự chính là tư duy quán sát. Tại nhất thật cảnh giới và nhị chủng quán hạnh này mà tu “duy tâm thức quán” và tu “chân như thật quán” thì không có tướng sanh tử. Đã không có tướng sanh tử, không có tướng niết bàn, cho nên liền gọi là vô tướng, cũng chính là ý nghĩa vô sanh vô diệt, không cấu không tịnh, không tăng không giảm. Nhưng nó có đầy đủ chánh quán định huệ, do đó có thể dần dần đạt được Phật quả. Phía dưới sẽ giải thích cái gì là thâm đại lợi ích?

深大利益者，所謂得入堅信法位，成就信忍故。入堅修位，成就順忍故。入正真位，成就無生忍故

Thâm đại lợi ích giả, sở vị đắc nhập kiên tín pháp vị, thành tựu tín nhẫn cố. Nhập kiên tu vị, thành tựu thuận nhẫn cố. Nhập chánh chân vị, thành tựu vô sanh nhẫn cố.

(Lợi ích to lớn sâu rộng là nói nhập được vào kiên tín pháp vị, thành tựu tín nhẫn. Nhập kiên tu vị thành tựu thuận nhẫn. Nhập chánh chân vị thành tựu vô sanh nhẫn.)

Tâm này trong kinh Hoa Nghiêm, Đại Thừa Khởi Tín Luận, kinh Phạm Võng, hoặc Thập Địa Kinh, Kim Cang Kinh gọi là tam thế tâm (cái tâm trong ba đời). Hiện tại đem “tam thế tâm” này hợp thành một gọi là “kiên tín pháp vị”. Kiến tín thành tựu cái gì? Tín nhẫn. Nhẫn này thông thường có ý nghĩa là “nhẫn khả (tức có thể nhẫn)”, có nhị nhẫn, có tam nhẫn, cho đến cuối cùng đạt đến thập nhẫn. Cái nhẫn này chính là nhất thật cảnh giới, đây là dùng viên giáo để giảng. Người tiểu thừa thì bất đồng, người khác nỡ hại bạn; trên ngôn ngữ, hành động hay lợi ích có hại đối với bạn. Nhẫn được cái này gọi là sanh nhẫn. Cần khổ tu hành, tu nhân duyên tứ diệu để khổ tập diệt đạo; tất cả quả khổ là do đâu mà đến? Tri khổ, đoạn tập, thích diệt, tu đạo gọi là “pháp nhẫn”. “Sanh nhẫn” thì cạn, còn “pháp nhẫn” sâu, nhưng đây là giáo nghĩa tiểu thừa. Viên giáo không giảng nói như vậy. Có thể “Nhẫn” cái gì? Chính là thừa nhận mười pháp giới đều không, không chỉ chúng sanh pháp giới là không, mà Phật pháp giới cũng là không. Đây chính là sanh nhẫn. Nhất thật cảnh giới tướng của thập pháp giới là đối với cảnh giới không thật mà nói, nhất thật cảnh giới cũng không, đây gọi là “pháp nhẫn”. Cái này là địa vị thập trụ trong viên giáo. Khi kiên tin điều này không thay đổi thì chính là địa vị Sơ Trụ Bồ Tát. Tin bản thân và Phật là không hai không khác. Ba chủng tâm mà chúng ta vừa nói chỉ cho người đã chứng được quả địa Bồ Tát. Thuận với chân lí mới thành tựu vô sanh pháp nhẫn, chính là nhẫn vì tất cả chư pháp bình đẳng vô sanh vô diệt, Phật cũng như vậy. Không tu thì không chứng. Kinh văn phía sau vẫn giải thích về tín nhẫn.

又成就信忍者，能作如來種性故，成就順忍者，能解如來行故，成就無生忍者，得如來業故。

Hựu thành tựu tín nhẫn giả, năng tác Như Lai chủng tánh cố, thành tựu thuận nhẫn giả, năng giải Như Lai hạnh cố, thành tựu vô sanh nhẫn giả, đắc Như Lai nghiệp cố.

(Người lại thành tựu tín nhẫn, có thể tạo thành chủng tánh Như Lai, thành tựu thuận nhẫn, có thể lí giải được hạnh của Như Lai. Người thành tựu được vô sanh nhẫn thì đạt được nghiệp của Như Lai.)

“Thành tựu tín nhẫn” đạt được tín vị, quyết định thành Phật. Chứng được thập trụ thì vĩnh viễn sẽ không thoái chuyển, chính là đạt được trí huệ vô lậu của Như Lai, khởi được định bất khả tư nghì. Định tức là chỉ cho hai loại quán hạnh xa ma tha và tì bà xá na. Nhưng trong nhất thật cảnh giới thì đây gọi là cảnh giới Như Lai. “Thành tựu thuận nhẫn” có thể hiểu rõ được các hành pháp, tu pháp của Như Lai, bản thân cũng có thể làm được đầy đủ như vậy, dựa theo Như Lai mà làm. Lại tiến thêm một bước có thể thành tựu được “Vô sanh pháp nhẫn”. Lúc này trí huệ phát xuất ra là “nhất thiết chủng trí”. Có thể thành tựu sự nghiệp Như Lai chính là Phật.

漸次作佛者

Tiệm thứ tác Phật giả

(Dần dần thành Phật.)

“Tín nhẫn” chính là tín tâm kiên cố, “thuận nhẫn” hiểu rõ hạnh của Như Lai, “thành tựu vô sanh pháp nhẫn” chính là làm Phật.

略說有四種。何等為四？一者，信滿法故作佛。

Lược thuyết hữu tứ chủng. Hà đẳng vi tứ? Nhất giả, tín mãn pháp cố tác Phật.

(Lược nói có bốn loại. Những gì là bốn? Một là lòng tin viên mãn cho nên làm Phật.)

Lòng tin viên mãn chứng được sơ trụ, gọi là tâm trụ. Một khi phát tâm bồ đề mới có thể nói là đạt được chân tâm, chứng niệm chân như, có thể có đủ trực tâm, nhất tâm bất loạn hệ niệm chân như, thân

tâm ưa thấy tất cả, ba hạnh cũng từ nơi đây mà hành, suốt ngày độ chúng sanh nhưng không thấy tướng chúng sanh. Đây chính là quan hệ giữa tâm đại bi và trí huệ, dùng trí huệ chỉ đạo cho tâm đại bi, không phải là ái kiến đại bi, đây gọi là lòng tin viên mãn, Tín tâm viên mãn của thập tín.

所謂依種性地，決定信諸法不生不滅，清淨平等，無可願求故。

Sở vị y chủng tánh địa, quyết định tin chư pháp bất sanh bất diệt, thanh tịnh bình đẳng, vô khả nguyện cầu cố.

(Cái gọi là y theo địa chủng tánh, quyết định tin chư pháp là không sanh không diệt, thanh tịnh bình đẳng, vô khả nguyện cầu cố.)

Loại thứ nhất là tin tất cả pháp không sanh không diệt, thanh tịnh bình đẳng, chúng sanh và Phật không hai không khác, chúng sanh cùng Phật là một thể.

二者，解滿法故作佛

Nhị giả, giải mãn pháp cố tác Phật.

(Hai là, hiểu rõ pháp viên mãn cho nên làm Phật.)

Tín giải hạnh chứng, đầu tiên là tin, sau đó là giải, xong rồi hành, cuối cùng là chứng. Chứng đắc là nói cho chúng đắc rốt ráo viên mãn. Nhập vào tín vị, thêm vào đó bản thân thực sự sanh trí huệ, có thể y vào nhất thật cảnh giới để tu hành, cũng đồng thời tiến hành quán hạnh.

所謂依解行地，深解法性，知如來業無造無作，於生死涅槃不起二想，心無所怖故。

Sở vị y giải hành địa, thâm giải pháp tánh, tri Như Lai nghiệp vô tạo vô tác, u sanh tử niết bàn, bất khởi nhị tưởng, tâm vô sở bố cố.

(Cái gọi là giải hành chính là thâm giải pháp tánh, biết sự nghiệp Như Lai không có tạo tác, trong sanh tử niết bàn không khởi nhị tâm, tâm không có điều lo sợ.)

“Vô sở vô tác”, khi đạt được cảnh giới cứu cánh này thì tu chính là không tu. Không giống chúng ta là hoàn toàn chẳng tu. Đạt đến cảnh giới này là ngày ngày tu nhưng lại thấy mình ngày ngày không có tu hành gì cả. Ngày ngày độ chúng sanh nhưng không thấy có chúng sanh được độ, chúng sanh không hiểu thì hướng dẫn cho chúng sanh, tu hành là như vậy. Thâm giải pháp tánh, biết rõ sự nghiệp của Như Lai không có tạo tác, chính là nói sanh tử là niết bàn, phiền não tức Bồ đề. Phạm phu chúng ta thực có phiền não nhưng bản thân họ lại không khởi phiền não, nhìn thấy chúng sanh phiền não cũng nhận thấy đó là Bồ đề. Rời khỏi phiền não thì không có Bồ đề, rời khỏi chúng sanh thì không có chư Phật. Ý nghĩa này rất thâm sâu. Chúng ta tin tưởng tu hành, cho dù chỉ là tin bước đầu cũng rất không dễ dàng. “Không khởi nhị tướng”, vĩnh viễn như thế thì không có sự trưởng, ba đại tăng kì kiếp cũng không có sự trưởng, không có lo sợ, không có cái gì gọi là dài lâu, thời vô định thể, y pháp tướng mà lập, cũng chính là y tâm mà lập.

「三者，證滿法故作佛。」

Tam giả, chứng mãn pháp cố tác Phật.

(Ba là chứng pháp viên mãn nên làm Phật.)

“Chứng mãn pháp” chính là những điều được chứng đắc, nguyện lực đã phát đều viên mãn.

「所謂依淨心地，以得無分別寂靜法智，乃不思議自然之業，無求想故。」

Sở vị y tịnh tâm địa, dĩ đắc vô phân biệt tịch tĩnh pháp trí, cập bất tư nghị tự nhiên chi nghiệp, vô cầu tưởng cố.

(Chính là nói y vào tâm địa thanh tịnh, đắc được trí pháp không phân biệt tịch tĩnh, cho đến nghiệp tự nhiên bất khả tư nghị, không có tư tưởng mong cầu.)

Chúng được Địa Bồ Tát từ Hoan Hỉ Địa cho đến Pháp Vân địa.

四者，一切功德行滿足故作佛。所謂依究竟菩薩地，能除一切諸障，無明夢盡故。

Tứ giả, nhất thiết công đức mãn túc cố tác Phật. Sở vị hành mãn túc cố tác Phật. Sở vị y cứu cánh Bồ Tát địa, năng trừ nhất thiết chư chướng, vô minh mộng tận cố.

(Bốn là tất cả công đức viên mãn đầy đủ nên làm Phật. Chính là nương vào cứu cánh Bồ Tát, có thể tiêu trừ tất cả chướng ngại, dứt sạch mộng vô minh.)

Lục tức Phật của tông Thiên Thai, đây là cứu cánh tức Phật, đạt được thành tựu viên mãn rất ráo. Phía sau là giảng về một vài phương pháp tu tập, chẳng qua có nhiều phương pháp là dành cho người sơ cơ tu, cũng có trường hợp là xuất thế gian pháp, có nhiều trường hợp giống thiên tông, trực quán chân như. Hiện tại chúng ta giảng lại điều này một chút, bởi phía trước những cảnh giới này không có thứ tự, rất khó lí giải, cho nên Địa Tạng Bồ Tát và Kiên Tịnh Tín Bồ Tát lại nói thứ lớp dần dần.

「復次當知，若修學世間有相禪者，有三種。」

Phục thứ, đương tri nhược tu học thế gian hữu tướng thiện giả, hữu tam chủng.

(Lại nữa nên biết, nếu tu học môn thiện hữu tướng thế gian thì có ba loại.)

Vừa mới nói về “vô tướng thiên”. Đối lập với nó là “hữu tướng thiên”. Cái gì gọi là hữu tướng thiên? Có ba loại.

「何等為三？一者，無方便信解力故，貪受諸禪三昧功德，而生憍慢，為禪所縛，退求世間。」

Hà đẳng vi tam? Nhất giả, vô phương tiện tín giải lực cố, tham thọ chư thiện tam muội công đức nhi sanh kiêu mạn, vị thiên sở phược, thoái cầu thế gian.

(Những gì là ba? Một là không có phương tiện và sức tín giải nên tham thọ công đức của các loại thiên tam muội mà sanh tâm kiêu mạn, vì các phước của thiên mà thoái tâm bồ đề, cầu pháp thế gian.)

Phía trước chúng ta nói về lực tín giải, không có tín thì càng không có giải. Tu thiên tham chấp công đức các tam muội. Nhiều người chúng ta khi tĩnh tọa đến một cảnh giới khinh an, ba hay bốn tiếng đồng hồ, bản thân không có cảm giác. Hoặc là linh hồn xuất khiếu, đây chỉ là tam muội thế gian, có tướng cảnh giới này liền kiêu ngạo. Hoặc là có thể phát thông, tức đạt được tiên ngũ thông như thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, túc mạng thông... nhưng chưa đạt được lậu tận thông nên không thể chứng quả, không thể đoạn hoặc. Đây là bị thiên này trói buộc.

Có những loại cảnh giới như tứ không thiên, vô sở hữu xứ, thức vô hữu xứ, phi phi tướng xứ, so với cảnh giới tôi vừa mới nói càng sâu hơn, vừa nhập định liền nhập luôn bao nhiêu kiếp. Họ là quán không mà nhập định. Cái “không” kia và cái “không” này là không giống nhau. Cái này chính là từ “hữu” mà quán “không”, đương thể tức không, “lợi ích chúng sanh bất kiến chúng sanh tướng”. Quán không như thế thì không thể làm lợi ích cho chúng sanh, còn làm lợi ích chúng sanh thì nhiều loạn chính mình, cần phải tìm nơi thanh tịnh vắng vẻ, tu đến hình dáng giống như cây khô. Tu hành như vậy liền sanh ra tâm kiêu mạn. Vốn dĩ tu thiên định này cũng có thể tiến triển hơn đạt đến thiên định xuất thế gian, nhưng họ vừa sanh tâm ngã mạn. Ngã mạn là một trong hai mươi loại tùy phiền não, vì vậy không thể thành tựu được sơ quả thánh, cho nên thoái xuống thế gian pháp. Đây là loại thứ nhất, thiên thế gian không có tín giải lực.

二者，無方便信解力故，依禪發起偏厭離行，怖怯生死，退墮二乘。

Nhị giả, vô phương tiện tín giải lực cố, y thiên phát khởi, thiên yếm li hành, bố khiếp sanh tử, thối đọa nhị thừa.

(Thứ hai là không có phương tiện tín giải lực, nương vào thiên phát khởi tâm sai lệch chán bỏ việc tu hành, khiếp sợ sanh tử nên thoái đọa nhị thừa).

Đây là thiên định của nhị thừa, nhân vì khiếp sợ sanh tử, chán lìa thế gian, quán sự tình thế gian là vô thường, vô ngã, quán thọ là khổ. Quán này là quán thân bất tịnh, loại quán này vốn dĩ có thể do những cái này biến rộng ra, quán thân bất tịnh nên có cái chán lìa sai lệch. Họ không hiểu được vẫn có công đức tánh vô lậu, nếu không có điều này thì đạo gì cũng không tu thành. Nhị thừa phải sau khi đoạn mới có thể tu chứng nhưng niết bàn mà họ chứng là “biến không”, đây là loại thiên thứ hai.

三者，有方便信解力

Tam giả, hữu phương tiện tín giải lực

(Ba là có phương tiện tín giải lực)

Điều này khác với loại thiên thứ hai.

「所謂依止一實境界，習近奢摩他毗婆舍那二種觀道故，能信解一切法唯心想生，如夢如幻等。雖獲世間諸禪功德，而不堅著，不復退求三有之果。又信知生死即涅槃故，亦不怖怯，退求二乘。」

Sở vị y chỉ nhất thật cảnh giới, tập cận xa ma tha, tì bà xá na nhị chủng quán đạo cố, năng tín giải nhất thiết pháp duy tâm tưởng sanh, như mộng như huyễn đẳng, tuy hoạch thế gian chư thiện công đức, nhi bất kiên trước, bất phục thoái cầu tam hữu chi quả, hữu tín tri sanh tử tức niết bàn cố, diệc bất bố khiếp, thoái cầu nhị thừa. Như thị tu học nhất thiết chư thiện tam muội pháp giả, đương tri hữu thập chủng thứ đệ tương môn, cụ túc nhiếp thủ thiên định chi nghiệp, năng linh học giả thành tựu tương ứng, bất thác bất mậu.

(Nuơng vào nhất thật cảnh giới, tu tập thân cận với hai đường lối là xa ma tha và tì bà xá na, có thể tín giải tất cả pháp từ tâm tưởng sanh, như mộng như huyễn. Tuy đạt được công đức thiên thế gian, mà chẳng đắm nhiễm kiên cố, lại không thoái cầu quả báo trong ba cõi. Lại tin hiểu sanh tử tức niết bàn, không khiếp sợ thoái cầu nhị thừa.)

Bồ Tát làm tất cả sự nhưng không chấp trước vào công đức. Nếu như tôi làm việc tốt này, lợi ích cho người khác, trong tâm không vì lợi ích cho mình, cũng không thấy có người được lợi ích, làm bất kể sự việc gì cũng không có ta người, tuyệt không so tính công lợi.

Đối với một sự việc không lớn lao như lấy ra một trăm đô la để chu cấp cho ai đó, con số này cũng không quá lớn. Nhưng nếu lấy một ngàn, một vạn thì liền nghĩ mình làm việc này công đức rất lớn. Trong tâm nghĩ tôi ở chùa Trang Nghiêm tạc tượng Phật, công đức của tôi thật không nhỏ, đây là sai rồi. Một khi chấp tướng thì công đức liền có hạn. Không phải hoàn toàn không có, nhưng công đức nhỏ. Nếu muốn công đức vô lượng trong tâm không có ngã tướng, nhân tướng và thọ giả tướng. Không có người tạc, không có tượng Phật được tạc, không có năng sở, công đức này thì bất khả tư nghì. Đây là hình dung, có thể thấy được tất cả pháp đều từ tâm sanh, tâm sanh thì chủng chủng pháp sanh, nhìn thấy tất cả chư pháp như mộng như huyễn. Tuy nhiên cũng đạt được công đức thiên thế gian. Thiên thế gian là cửu thứ đệ định. Trong “Ma Ha Chỉ Quán” nói thiên thế gian vẫn không nhập được vào cửa Phật.

“Bất phục thoái cầu tam hữu chi quả”, tu tập nhân thiên quả báo, không tham chấp vào những thiện quả này, ngay cả nghĩ cũng chưa từng nghĩ qua. Lại tin sanh tử tức là niết bàn, cho nên không lo sợ, cũng vĩnh viễn sẽ không thoái tâm cầu nhị thừa. Thoái xuống nhị thừa là bất tri bất giác mà thoái tâm, không phải cố ý thoái. Làm sao thoái xuống nhị thừa? Ví như hành Bồ Tát đạo nhưng có tâm phiền chán, có tâm hồi hận. Tựa như sau khi tin Phật, đối với tam bảo làm rất nhiều Phật sự. Nhưng bản thân cảm thấy không đạt được cái gì, đồng thời nhìn thấy sự luân chuyển của sanh tử, đối với tướng địa ngục không gạt bỏ được, nhìn thấy súc sanh trong tam đồ, trong đầu sanh khởi ý niệm lo sợ. Đối với tướng cảnh giới này, đa số khi nằm mộng liền hiện ra. Bởi vì sanh tâm lo sợ, liền nghĩ Bồ Tát đạo khó hành! Bản thân liễu thoát sanh tử mới là chân thật. Cho nên pháp môn niệm Phật chính là trong tâm nghĩ nhớ đến Phật. Phần lớn tâm tướng của tôi niệm A Di Đà Phật là làm một việc tốt, chính là nói người chân tâm niệm Phật cũng là cầu bản thân có thể vãng sanh mà thôi, không nghĩ đến chúng sanh, không nghĩ đến nguyện của A Di Đà Phật là cái gì? Quán Thế Âm Bồ Tát ở cực lạc thế giới thoái mái như vậy. Nơi không có phiền não như vậy tại sao ngài không ở, chạy đến chỗ này làm gì?

Xưa nay không từng nghĩ đến điều này, chỉ biết ngài đến độ chúng ta. Thế tại sao chúng ta tại thế giới này lại không độ chúng sanh? Bạn nói tôi không biết phải làm cái gì? Hãy nói với người khác những gì bạn biết, hiệu quả này không tệ. Đây gọi là có khiếp sợ, lo lắng; cũng có thể nói là thoái tâm cầu nhị thừa! Chúng ta nói nhị thừa là vì chỉ lo cho bản thân mà không quan đến người khác. Triết học Trung Quốc thường có lí luận này, nhưng điều này không tích cực, giống như câu: “Khuyến quân tự tảo môn tiền tuyết, mạc quản tha nhân ngọa thượng sương-*khuyến người hãy tự quét sạch tuyết trước cửa, mà đừng quản sương trên mái ngói nhà người*” Ý nói bạn đừng nhiều chuyện! Trường hợp này rất nhiều, xem thấy cũng không ít. Giống như một vị tể tướng đời nhà Minh họ Trương. Đất đai nhà ông bị hàng xóm lấn chiếm một hai thước. Con trai ông ta viết thư cho ông, muốn ông dùng quyền thế để giải quyết việc này. Ông viết lại một phong thư rằng:

“Thiên lý tu thư chỉ vì tường

Nhượng nhân tam xích hựu hà phương?

Vạn Lý Trường Thành kim do tại,

Bất kiến đương niên Tần Thủy Hoàng.

(Tạm dịch:

Ngàn dặm viết thư vì 1 bức tường

Nhượng người 3 thước đã làm sao?

Vạn Lý Trường Thành nay còn đó,

Nào thấy nhà Tần đâu còn nữa.)

Chúng ta xem thấy điều này rất tốt, không phải là nhượng nhịn chẳng tranh sao? Nhưng cái này vốn vẹn chỉ thuộc về nhân thiên. Nếu như tích cực một chút, có tham cầu độ họ một chút, điều này thì đúng rồi. Người ác này rất xấu, chỉ muốn tránh xa họ một chút, nhưng lại không nghĩ đến chuyển hóa họ thành người thiện. Tuy rằng mình không đủ năng lực nhưng cũng nên chuyển hóa lực thân quyền thuộc một chút, đừng chỉ lo cho chính mình, đây chính là đạo Bồ Tát. Từ nhỏ đến lớn, từ thân bằng quyền thuộc bên cạnh, cho đến bạn bè xung quanh, rồi những nhân sĩ tiếp xúc trong xã hội... nên phát tâm đại bi cảm hóa họ. Tuy nhiên bản thân trước tiên phải tu “duy tâm thức quán”, quán tưởng họ cùng mình là một thể, họ ác! Tôi quán họ thành Quán Thế Âm Bồ Tát, thành A Di Đà Phật. Nếu như chân thật có tâm này sẽ không thoái đạo. Những cái này đều là tùy thuận tướng “nhất thật cảnh giới”. Nhất thật cảnh giới tướng chân chánh chính là Không,

không có đối đãi. Nhưng hiện tại không dễ nhập vào cảnh giới này, phải tu nhiều phương tiện khác.

Điều này lại tiếp tục giải đáp cho tại sao phải dùng chiêm sát luân? Điều này nói rõ bản thân không có công hạnh thì đi cầu Địa Tạng Bồ Tát giúp đỡ, chiếu theo phương pháp của Bồ Tát mà làm! Tuy là như vậy nhưng chúng ta vẫn phải biết nhất thật cảnh giới và nhị chủng quán hạnh. Nửa quyển trước là giảng sự, khiến bạn có thể đạt được lòng tin về nhất thật cảnh giới. Để đạt được mục đích này, Địa Tạng Bồ Tát nói rất nhiều phương tiện. Cuối cùng Ngài nói nếu bạn không thâm nhập được thì niệm danh hiệu của Ngài, tu các pháp môn khác không thành, không đạt được nhất tâm thì dùng tâm tán loạn mà niệm cũng được, hãy niệm thật nhiều.

**如是修學一切諸禪三昧法者，當知有十種次第相門，
具足攝取禪定之業。能令學者成就相應，不錯不謬。何等
為十？**

Như thị tu học nhất thiết chư thiền tam muội pháp giả, đương tri hữu thập chủng thứ đệ tương môn, cụ túc nhiếp thủ thiền định chi nghiệp, năng linh học giả thành tựu tương ứng, bất thác bất lậu. Hà đẳng vi thập?

(Người tu học tất cả pháp thiền tam muội như vậy, nên biết có mười loại môn tướng theo thứ tự, đầy đủ cách nhiếp thọ thiền định. Có thể khiến học giả thành tựu tương ứng, không sai trái hư ngụy. Những gì là mười?)

Đến đây, Địa Tạng Bồ Tát nói bất luận tu loại thiền nào đều có mười loại theo thứ tự. Ngài sợ chúng ta không dễ thâm nhập nên tu mười loại này khiến cho bạn có thể thâm nhập, không luận là bạn tu hữu tướng, hay vô tướng đều y theo mười loại ở đây mà quán tưởng.

一者，攝念方便相。

*Nhất giả, nhiếp niệm phương tiện tướng
(Một là nhiếp niệm tướng phương tiện).*

Làm sao có thể nhất tâm hệ niệm? Dùng pháp môn phương tiện gì? Điều này trong chỉ quán tông thiên thai nói nhiều nhất, ở đây cần phải chuyên học. Chỉ quán có rất nhiều, trong “Ma ha chỉ quán” vì để nhiếp niệm phương tiện, tôi đã chọn ra vài loại. Thứ nhất phải có đầy đủ bốn duyên trợ giúp chúng ta, khởi tâm tin Phật, tin Địa Tạng Bồ Tát. Đây là nhân, đạt được duyên hỗ trợ. Muốn hệ niệm chân như? Làm sao để nhiếp niệm? Phải có đủ bốn loại duyên, thứ nhất là tăng thượng duyên, giúp bạn tăng thượng dụng. Chúng ta đem chủng tử này trồng xuống nhưng nếu không có đất nước, không có nhân công chăm sóc sao có thể lớn lên? Không thể nào có kết quả được. Phải thêm nước cho đến phải bồi dưỡng, đây gọi là duyên.

Chúng ta muốn nhiếp niệm phương tiện, thứ nhất phải diệt tội, bởi có tội chướng nên trí huệ không khai. Dùng cái gì để làm tăng thượng duyên cho chúng ta? Dùng Phật làm tăng thượng duyên cho chúng ta. Chúng ta niệm A Di Đà Phật, niệm một câu A Di Đà Phật tiêu mười ức tội chướng, đây chính là tăng thượng duyên cho chúng ta. Bởi vì tôi niệm như vậy, có thể như vậy mà tiêu tội chướng, cho nên gọi là tăng thượng duyên, đây vẫn chưa nói đến nhất tâm hệ niệm.

Phương pháp nhiếp niệm thứ hai có thể giúp chúng ta được sống lâu. Ai cũng không muốn đoán mệnh, vẫn muốn sống thêm chút nữa, vẫn hi vọng được tốt. Hiện tại tuy cảnh ngộ không tốt, nhưng tóm lại sẽ có một ngày tốt. Hiện tại nghèo cùng, tương lai cũng có thể phát tài. Không muốn chết nên muốn tìm biện pháp để thọ mạng dài hơn. Phải làm thế nào? Cầu chư Phật Bồ Tát đến hộ niệm. Lúc này niệm A Di Đà Phật cũng tốt, niệm Dược Sư Phật cũng tốt, niệm Địa Tạng Bồ Tát, Quán Thế Âm Bồ Tát cũng tốt. Đây là chủng niệm thứ hai. Thứ nhất là Phật vì chúng ta mà làm tăng thượng duyên, thứ hai là hộ niệm làm tăng thượng duyên.

Loại thứ ba thì sao? Là thấy Phật tăng thượng duyên. Chúng ta hiện tại không tìm được chân Phật, cho đến hóa thân cũng không tìm thấy. Tam muội làm tăng thượng duyên, đó chính là chúng ta niệm Phật vãng sanh, cũng không phải dựa vào tự lực, mà dựa vào lực gia trì của bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật, độ chúng sanh thế giới sa bà này. Ngài có thể nhiếp thọ bạn đến tịnh độ của ngài, bởi ngài có nguyện lực này. Mười phương chư Phật đều phối hợp với Ngài. Kinh A Di Đà nói pháp này chính là không hỏi tự nói, không có chúng đương cơ.

Loại thứ tư là chúng sanh tăng thượng duyên. Chứng minh khi bạn mệnh chung có thể được sanh tịnh độ. Đây là phương tiện nhiếp niệm. Nói tóm lại, niệm A Di Đà Phật, cầu A Di Đà Phật gia trì, niệm niệm từ tâm khởi, cho dù vọng tâm cũng tốt, khi niệm Phật không được rời tâm. Không chỉ là miệng niệm, tâm nghĩ đi chỗ khác, như vậy không được. Vẫn phải tu quán, quán cái gì? Quán tướng cảnh giới ngũ dục, ngũ dục chính là sắc thanh hương vị xúc pháp, tài sắc danh thực thùỵ, đây là điều kiện căn bản để đọa địa ngục, cho nên không được sanh tham ái. Đây là tăng thượng duyên cho chúng ta, một khi tham niệm ngũ dục, thiện niệm liền mất, bị chìm đắm trong ngũ dục. Tùy thời niệm ngũ cái, cái gì là ngũ cái? “Cái” ý nghĩa là che lấp. Cái gì che lấp? Phiền não. Ngũ cái là tên gọi khác của phiền não, che lấp tâm con người khiến thiện pháp không sanh khởi được, cho nên gọi là ngũ cái. Ngũ cái là tham dục, sân hận, thùỵ miên, trạo hối, hoài nghi. Đặc biệt là hoài nghi, bất cứ pháp nào cũng không tin. Mọi người chúng ta trong tâm niệm tướng Phật, khi muốn lực mạnh hơn một chút liền mời bằng hữu đến niệm, nhưng họ không tin, làm cách nào họ cũng không tin. Họ thiếu mất cái “nhân”, dù có giúp họ “duyên”, họ vẫn không tin. Bởi họ hoài nghi đây là mê tín, đối với họ không có chỗ lợi, nói không chừng phải bỏ ra ít tiền. Tin Phật, thấy hòa thượng phải hóa duyên, vào chùa phải cúng dường. Trong lòng cảm thấy không có chỗ nào tốt, có thể bị tổn thất không đáng. Đây là cái gì? Không có nhân duyên này thì thiện pháp thiện nghiệp không sanh khởi được. Phương tiện nhiếp niệm có rất nhiều, phạm là ba mươi bảy đạo phạm, ngũ căn, ngũ lực, thất giác chi, bát chánh đạo, những tên gọi này rất nhiều, đại khai biết vài cái như thế là được rồi, đây gọi là “nhiếp niệm phương tiện”.

二者，欲住境界相。

Nhị giả, dục trụ cảnh giới tướng
(Hai là muốn trụ tướng cảnh giới)

Hệ niệm duyên sanh tất cả pháp, đây là quán tướng, quán tướng Địa Tạng Bồ Tát, khiến cho tâm chúng ta buộc niệm ở tướng Địa Tạng Bồ Tát. Vì tâm chúng ta nhiều tán loạn, lúc tụng kinh cũng tán tâm nhiều thì phải cột chặt tâm vào kinh đại thừa đang tụng. Ban đầu tụng kinh chưa quen, vọng tưởng ít vì sợ tụng sai. Đến khi niệm thuần

thục rồi, đặc biệt là có thể tụng thuộc lòng thì vừa tụng kinh vừa khởi vọng tưởng. Niệm niệm chẳng biết chạy đến nơi nào rồi? Trường hợp này rất nhiều, ai cũng gặp phải tình huống này, tôi cũng đã trải qua. Do vậy bạn phải buộc niệm tại tướng cảnh giới này, không luận là quán tưởng cái gì, phải buộc niệm vào cái đó. Quán Phật cũng tốt, hay như phía trước đã nói thiền định cũng tốt, để điều phục cái tâm này. Nếu có tâm đại bi, thiện căn thâm hậu thì có thể “thê chân chỉ”. “Thê” là thê tánh, “chân” là chân như, “chỉ” là định. Trụ cảnh giới này chính là “nhất hạnh tam muội”.

三者，初住境界，分明了了，知出知入相。

Tam giả, sơ trụ cảnh giới, phân minh liễu liễu, tri xuất, tri nhập tướng

(Ba là cảnh giới sơ trụ, rõ ràng minh bạch, biết tướng xuất nhập.)

Phía trước là nói một pháp an tâm. Pháp này đã học rồi thì tâm liền an. Trong kinh Kim Cang, ngài Tu Bồ Đề hỏi Phật làm sao để tâm của con trụ? Phải trụ thế nào? Làm sao để hàng phục cái tâm này? Ý nói tôi không hàng phục được cái tâm này. Những cảnh giới mà chúng ta vừa mới nói, ví dụ không hàng phục được nóng giận, sân hận. Hoặc là không hàng phục được tâm tham, những loại tâm này rất không dễ dàng gì hàng phục được. Phân biệt được rõ tướng ra vào, ví dụ như có thể quán chiếu được hơi thở ra vào, rõ ràng minh bạch từng hơi thở một, sau đó nhập định, đây gọi là tướng liễu liễu phân minh.

「四者，善住境界，得堅固相。」

Tứ giả, thiện trụ cảnh giới đắc kiên cố tướng

(Bốn là khéo trụ cảnh giới, đạt được tướng kiên cố)

Đây là đã đạt được an tâm, tâm đã có thể khéo trụ vào từng hơi thở ra vào như đã nói ở trên, minh bạch rõ ràng, nhưng vẫn không trụ vào cảnh phân minh rõ ràng này.

「五者，所作思惟，方便勇猛，轉求進趣相。」

Ngũ giả, sở tác tư duy, phương tiện dững mãnh, chuyên cầu tiến thú tướng.

(Năm là tư duy, phương tiện dững mãnh để chuyên cầu tướng tiến thú.)

Đây là từ trên giới đặc định. Cảnh giới hiện không viên mãn, vẫn cần phải nỗ lực, phải minh tâm kiến tánh. Muốn nhập thể chân chỉ quán thì phải tu hai loại quán hạnh như xa ma tha và tì bà xá na.

六者，漸得調順，稱心喜樂，除疑信解，自安慰相

Lục giả, tiệm đắc điều thuận, xưng tâm hỷ lạc, trừ nghi tín giải, tự an ủi tướng.

(Sáu là dần được điều thuận, tương xưng với cái hỷ lạc của tâm, trừ nghi sanh tín, được tướng tự an ủi.)

Đây vẫn là thuộc vào dục giới, vẫn chưa được cứu cánh thành Phật. Tâm dần dần được sáng tỏ, có thể tự nhận thức. Nếu là đại thừa chính là tu thể chân chỉ. Thể này tu chân như quán hạnh, tu chân như định.

七者，剋獲勝進，意所專者，少分相應，覺知利益相

Thất giả, khắc hoạch thắng tiến, ý sở chuyên giả, thiểu phân tương ứng, giác tri lợi ích tướng.

(Bảy là đạt được điều thù thắng tiến bộ, ý được chuyên, có vài phần được tương ứng, biết rõ các điều lợi ích.)

Tự mình nhận biết mình có được thu hoạch, chắc chắn đã đạt được thu hoạch.

「八者，轉修增明，所習堅固，得勝功德，對治成就相。

Bát giả, chuyển tu tăng minh, sở tập kiên cố, đắc thắng công đức, đối trị thành tựu tướng.

(Tám là chuyển biến việc tu hành thêm sáng tỏ, huân tập kiên cố, được công đức thù thắng, thành tựu được cách đối trị.)

Chín loại cảnh giới tu quán thì thông thường nói loại tu quán ban đầu nên đạt đến. Tu liễu liễu phân minh, một là giác, hai là quán chiếu; chiếu chính là trí tuệ. Tam hỉ, vừa ngồi xuống nhập định, sanh khởi tâm hoan hỉ. Tứ lạc, lạc so với hỉ còn tăng hơn một tầng. Hỉ là trong tâm vui vẻ, là cao hứng cười một chút, so với vô cùng vui mừng thì không giống, nhưng đây là cảnh giới trong tâm. Cuối cùng đạt được nhất tâm. Tâm không thoái, không chuyển, không có tạp niệm, cái gì đều không có, sáng tỏ rõ ràng.

九者，隨心有所念作，外現功業，如意相應，不錯不謬相。

Cửu giả, tùy tâm hữu sở niệm, tác ngoại hiện công nghiệp, như ý tương ứng, bất thác bất mậu tướng.

(Chín là tùy theo tâm có niệm mà làm việc, bên ngoài hiện công nghiệp, tương ứng như ý, không sai không nguy.)

Nếu như trên tướng thế gian mà nói, trên cửu thế đệ định mà nói, cảnh giới này có thể sinh ra những biến hóa.

十者，若更異修，依前所得而起方便，次第成就，出入隨心，超越自在相。是名十種次第相門，攝修禪定之業。

Thập giả, nhược cánh dị tu, y tiền sở đắc nhi khởi phương tiện, thứ đệ thành tựu, xuất nhập tùy tâm, siêu việt tự tại tướng. Thị danh thập chủng thứ đệ tướng môn, nhiếp tu thiền định chi nghiệp.

(Mười là nếu càng tu pháp khác, y theo những điều đạt được phía trước mà khởi phương tiện, thứ tự thành tựu, ra vào tùy tâm, siêu vượt tự tại. Đây gọi là mười loại thứ tự tướng môn, nhiếp tu thiền định.)

Giống như tu sơ thừa, trước phải tu nhị thừa, nhưng không phải tu như phía trước đã giảng mà có sự biến đổi, hoặc có thể là tứ không, tu thức vô hữu xứ. “Duy tâm thức quán” có thể đạt được cảnh giới này, tâm thức vẫn không biến khắp pháp giới. Địa Tạng Bồ Tát đem cửu thứ đệ định, dung nhập mười tướng quán, có thể từng bước từng bước như vậy mà tiến. Chính là “duy tâm thức quán” hoặc “chân như thực quán”, thiền định thế gian và xuất thế gian cũng phải trải qua

những tướng này. Tu quán thực tướng phải quán tất cả chúng sanh đạt đến vong ngã, cũng quên luôn tướng chúng sanh, nhưng vẫn phải làm lợi ích chúng sanh, loại quán này là đồng thể đại bi. Nhân vì tôi và chúng sanh là đồng một thể, cùng một thể với mười phương chư Phật, cầu thành Phật là việc của tôi, mà lợi ích chúng sanh cũng là sự việc của tôi vậy, nguyên nhân tại sao? Vì vốn đồng một thể.

爾時堅淨信菩薩摩訶薩，問地藏菩薩摩訶薩言：「汝云何巧說深法，能令眾生得離怯弱？」

Nhĩ thời, Kiên Tịnh Tín Bồ Tát ma ha tát vấn Địa Tạng Bồ Tát ma ha tát ngôn: “Nhữ vân hà xảo thuyết thâm pháp, năng linh chúng sanh đắc li khiếp nhược”?

(Lúc đó, Kiên Tịnh Tín Bồ Tát ma ha tát hỏi ngài Địa Tạng Bồ Tát rằng: “Ông làm sao khéo nói pháp thâm diệu có thể khiến chúng sanh rời mọi khiếp nhược.”)

Rất nhiều chúng sanh tâm niệm rất nhỏ, nghe pháp thậm thâm nghe không vào, không có tâm tinh tiến dũng mãnh, vậy phải làm sao? Từ từ lí giải nói cho họ nghe. Bởi người sơ phát tâm hoặc người cầu quả đại thừa đối với pháp đại thừa vẫn không có tín tâm, đối với đạo lí thậm thâm vô thượng bồ đề, không những họ không phát khởi được pháp hỉ mà còn sanh tâm hoài nghi lo sợ, cho nên tôi thường dùng thiện xảo phương tiện tuyên thuyết thật nghĩa. Nửa bộ trước của Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo là phương tiện thiện xảo đặc biệt của Địa Tạng Bồ Tát.

Vốn dĩ bói toán, xem tướng trong giới luật của Phật là không được phép. Cho nên Kiên Tịnh Tín Bồ Tát hướng đến Phật thỉnh pháp, Phật liền nói với ông trong pháp hội có ngài Địa Tạng Bồ Tát ma ha tát, bảo ông hãy thỉnh ngài ấy, ngài ấy có thiện xảo phương tiện nói cho chúng ta. Nếu như có chỗ nào hoài nghi hay không rõ ràng thì dùng chiêm sát luân mà chiêm sát. Bản ý của Địa Tạng Bồ Tát không phải để chúng ta đi học thế gian pháp mà là để chúng ta khi tu học, hỏi xem pháp môn này có tương ứng hay không? Tôi chưa khai được trí huệ, huệ nhãn nên không biết ai là thiện tri thức? ai không phải thiện tri thức? Nếu theo nhầm thầy, không phải cùng nhau rớt vào hố lửa hay sao? Cho nên chiêm sát luân tướng này chính là nói cho chúng ta, nếu người mà chúng ta theo học không phải là thiện tri thức thì đừng theo

người đó tu học. Người mà chúng ta theo học nhất định phải là thiện tri thức, có thể dẫn dắt chúng ta nhập chánh đạo, tương lai mới có thể thành Phật, chí ít cũng không mất quả trời người, đời sau lại tu tiếp! Nếu như đọa nhập vào tam đồ thì không có cơ hội tu hành. Đây không phải là thiện xảo phương tiện hay sao?

Cho nên tất cả chư Phật tán thán ngài Địa Tạng Bồ Tát là người khéo an ủi. Ngài phát nguyện “địa ngục vị không, thệ bất thành Phật, địa ngục là nơi khổ nhất. Đối với Không nghĩa của đại thừa, chúng sanh đều chấp trước rất nhiều. Mặc khác ý nghĩa của Không cũng không phải nói cái gì cũng đều không có, vẫn có tánh công đức vô lậu. Vẫn thích huân tập tất cả chư thiện pháp. Là một cái không như vậy, nhưng không lí giải được bản thân vốn có đủ. Cho nên tôi (chỉ Địa Tạng Bồ Tát) thành người khéo an ủi.

**云何安慰。所謂鈍根小心眾生，聞無上道最勝最妙，
意雖貪樂，發心願向。**

Vân hà an ủi? Sở vị độn căn tiểu tâm chúng sanh, văn vô thượng đạo tối thắng diệu, ý tuy tham nhạo, phát tâm nguyện hướng.

(Làm sao an ủi? Chính là nói chúng sanh độn căn, tâm lượng nhỏ hẹp, đối với đạo vô thượng, tối thắng, vi diệu tuy sanh tham muốn phát tâm nguyện hướng về đó tu).

Địa Tạng Bồ Tát lại tiến thêm một bước giải thích thêm. Cuốn hạ là nói về pháp cơ bản, chủ yếu là nói những chấp trước đó của con người. Tu thiện của đại thừa ở chỗ đàm luận cái Không, nói ta và Phật là không hai không khác. Địa Tạng chính là ta, ta cũng chính là Địa Tạng. Địa là tâm, Tạng là tánh tạng nên cần phải tu sửa lại, trong kinh đức Phật cũng nói như vậy. Phải làm sao để minh bạch cái tâm này. Cho nên Địa Tạng Bồ Tát nói đi nói lại nhiều lần, chuyên môn đối trị những điều không đúng, tu sai. Cho đến chỉ cho chúng ta một pháp môn phương tiện, là xưng danh hiệu của Địa Tạng Bồ Tát, đây là cách thuận tiện nhất. Đây là sự an ủi của ngài. An ủi thế nào? Chúng sanh tâm lượng nhỏ hẹp một khi nghe đến vô thượng đạo, tối thắng vi diệu cũng phát tâm, cũng hi vọng có thể đạt được, nhưng lại sanh ra hai loại tư tưởng.

「而復思念，求無上道者，要須積功廣極。

Nhi phục tư niệm cầu vô thượng đạo giả, yếu tu tích công quảng cực.

(Mà muốn cầu vô thượng đạo, phải tích công đức rộng nhiều.)
Phải cần rộng tu tích công đức.

「難行苦行，自度度他，劫數長遠，

Nan hành khổ hạnh, tự độ độ tha, kiếp số trường viễn.

(Khó hành khổ hạnh, tự độ độ tha, kiếp số dài lâu).

Thời gian vẫn rất dài lâu! Tôi luân chuyển ở trong sanh tử, quá cần khổ.

「於生死中久受勤苦，方乃得獲。以是之故，心生怯弱，

Ư sanh tử trung cửu thọ cần khổ, phương nãi đắc hoạch, dĩ thị chi cố, tâm sanh khiếp nhược.

(Trong sanh tử dài lâu thọ khổ mới có thể được lợi ích. Do như vậy nên tâm sanh khiếp nhược.)

Vì như vậy nên tôi vẫn không làm!

「我即為說真實之義。所謂一切諸法，本性自空，畢竟無我，無作無受，無自無他，無行無到，無有方所，亦無過去現在未來。乃至為說，十八空等，無有生死涅槃一切諸法定實之相而可得者。又復為說，一切諸法，如幻如化，如水中月，如鏡中像，如乾闥婆城，如空谷響，如陽燄，如泡、如露、如燈、如目瞳、如夢、如電、如雲。煩

惱生死，性甚微弱，易可命滅。又煩惱生死，畢竟無體，求不可得，本來不生，實更無滅。自性寂靜，即是涅槃。

Ngã tức vi thuyết chân thật chi nghĩa, sở vị nhất thiết chư pháp, bản tánh tự không, tất cánh vô ngã, vô tác vô thọ, vô tự vô tha, vô hành vô đạo, vô hữu phương sở, diệt vô quá khứ hiện tại vị lai, nãi chí vi thuyết thập bát không đẳng, vô hữu sanh tử niết bàn nhất thiết chư pháp định thật chi tướng nhi khả đắc giả, hựu phục vi thuyết nhất thiết chư pháp, như huyễn như hóa, như thủy trung nguyệt, như kính trung tượng, như càn thát bà thành, như không cốc hưởng, như dương diễm, như phao, như lộ, như đặng, như mục, như mộng, như điện, như vân; phiền não sanh tử, tánh thậm vi nhược, dịch khả linh diệt; hựu phiền não sanh tử, tất cánh vô thể, cầu bất khả đắc, bản lai bất sanh, thật cánh vô diệt, tự tánh tịch tĩnh, tức thị niết bàn.

(Tôi liền vì họ nói nghĩa chân thật rằng tất cả mọi pháp bản tánh của nó vốn không, cứu cánh không có cái ngã, không có việc làm, không có thọ nhận, không có ta, không có người, không đến không đi, không có nơi chốn, cũng không có quá khứ, hiện tại và vị lai. Cho đến vì chúng sanh nói mười tám pháp không, không có sanh tử niết bàn, không có tất cả pháp có tướng định thật mà có thể chứng đắc. Lại vì chúng sanh mà nói tất cả mọi pháp như huyễn như hóa, như trăng trong nước, như ảnh trong gương, như thành càn thát bà, như tiếng vọng trong hang trống, như ánh lửa, như bọt, như sương, như đèn nền, như mắt bị nhặm, như mộng, như điện, như mây. Phiền não sanh tử, bản tánh rất yếu nhược, có thể bị diệt. Lại những phiền não sanh tử đó rốt ráo không có thể tánh, cầu bất khả đắc, vốn dĩ không sanh, chân thật không bị diệt. Tự tánh vốn tịch tĩnh tức thị niết bàn.)

Đây là khéo nói cái Không thứ nhất, hiển thị cái Không thứ nhất, ý tứ đoạn này nói về nghĩa Không. Không chính là không có, không có chính là không. Nhưng lại có mười tám cảnh giới tướng hiển thị cái Không này, gọi là mười tám Không. Một là Nội Không, hai là Ngoại Không, ba là Nội Ngoại Không, bốn là Không Không, năm là Đại Không, sáu là Thù Nghĩa Không, bảy là Hữu Vi Không, tám là Vô Vi Không, chín là Tất Cánh Không, mười là Vô Tế Không, mười một là Vô Tán Không, mười hai là Bản Tánh Không, mười ba là Nhất Thiết

Pháp Không, mười bốn là Tự Tướng Không, mười lăm là Bất Khả Đắc Không, mười sáu là Vô Tánh Không, mười bảy là Tự Tánh Không, mười tám là Vô Tánh Tự Tánh Không. Sanh diệt niết bàn tất cả pháp đều không. Làm sao thì gọi là khéo nói pháp? Chính là đối với căn cơ nào thì nói pháp ấy.

Mười tám cái không, nói nhiều cái không như vậy để làm gì? Nói một cái không là được rồi, đem phiền não hóa thành không là được. Tánh đức thì chẳng phải không, nhưng trên mặt này thì tánh đức cũng là không. Cũng giống như xem thấy dầu thắp cháy hết, hay sương buổi sáng sớm khi mặt trời ló ra liền tan không còn. Hay như mắt bị màng, vốn dĩ không có tướng nhưng mắt bị kéo màng nên nhìn thấy tướng giả, trên thực tế là không có. Những ví dụ này nhằm hiển thị nghĩa không. Tại sao lại nói như vậy? Chúng sanh đem tất cả phiền não, tất cả sự vật đều xem thành thật có. Phiền não là sanh khởi như vậy, nếu đạt được nghĩa Không thì không còn sanh khởi phiền não. Có một câu chuyện cười rằng: Một người xuất gia da đen nằm mộng, mộng thấy con sói muốn ăn thịt anh ta, anh ta liền chạy. Một lát sau bị té ngã, tỉnh ra mới biết, hóa ra là nằm mộng, tâm nghĩ muốn bố thí cho nó nhưng ngược lại chỉ là nằm mộng! khiến nó không ăn thịt mình được.

Điều này có ý nghĩa gì? Đợi khi anh ta tỉnh lại mới biết. Khi nằm mộng thấy là có thật, tỉnh lại khởi tâm muốn bố thí mà không phải cầu thành đạo! Chúng ta hiện tại là đang nằm mộng, hãy lấy câu chuyện cười này mà ấn chứng cho chính chúng ta, đợi khi chúng ta hết thân mạng này mới tỉnh lại, ai da! Lại thêm một lần nằm mộng nữa. Tu hành có chút công phu, sẽ không đọa xuống địa ngục, biết rõ thì mới không đến đó, trong tâm mới thấu suốt. Đây là chỗ chứng nghĩa không của ngài Tu Bồ Đề. Niết bàn mà hàng nhị thừa chứng đắc chỉ là chứng đắc không nghĩa mà thôi. Tuy nhiên chỉ là “nửa biên”, tại sao? Bởi không thể phản hồi, có công đức tánh vô lậu của cái Bất Không này.

Ở đây có một tòa thành Càn Thát Bà, làm sao có thể là không chứ? Giải thích một chút. Càn Thát Bà là hương thần, chúng ta thường nói thiên nhân không phải người. Thành càn thát bà có thiên càn thát bà, có quỷ càn thát bà. Quỷ trong bát bộ quỷ thần, chúng có càn thát bà, dịch thành trung văn là hương thần. Bản thân của chúng là khí thể, thì thành của chúng ở chỗ nào chứ? Không có! Đây là hình dung cho không nghĩa, dùng thành càn thát bà để làm ví dụ.

如此所說，能破一切諸見。損自身心執著想故，得離怯弱。復有眾生，不解如來言說旨意故，而生怕弱。

Như thử sở thuyết, năng phá nhất thiết chư kiến, tổn tự tâm tâm chấp trước tướng cố, đắc li khiếp nhược.

(Những điều được nói đó có thể phá tất cả cái thấy. Thân tâm tự giảm đi chấp trước, xa lìa khiếp nhược. Lại có chúng sanh không hiểu được ý chỉ lời nói của Như Lai mà sanh tâm khiếp nhược.)

Phía trước nói về nghĩa “Không”, ý nghĩa muốn nói không có tất cả pháp, vì thế những chúng sanh chấp trước vào “Hữu” rất không dễ gì tin tưởng thâm nhập. Địa Tạng Bồ Tát biết chúng sanh đời mạt pháp tâm chấp trước nặng, cho nên mới nói nhiều cái Không như vậy, ngay cả Niết Bàn sở chứng của Phật cũng nói là không. Như vậy không phải mọi thấy nghe của chúng ta đều bị phá rồi sao? Đối với những chúng sanh như chúng ta, tâm chấp trước thuộc về tình chấp. Thông thường nói thất tình: hoan hỷ, giận dữ, bi ai, vui vẻ, sợ sệt, lo lắng, đây là tình kiến. Tình kiến này chính là chấp trước. Chúng ta nói rất nhiều cái Không nhằm để phá đi tình kiến này. Cách nhìn nhận vấn đề hay là nói kiến giải của chúng ta rất khó phá trừ. Cách nhìn nhận vấn đề của một người luôn luôn có sự tác động vào ra của người khác, cố chấp những điều mình thấy, tóm lại luôn cho rằng cách nhìn nhận của bản thân là đúng, nhìn nhận người khác là sai. Vì thế khi tất cả pháp là không thì chẳng có cái gì có thể chứng đắc, ở đây hoàn toàn hiển lộ ra ý nghĩa bát nhã. Chúng ta đọc tụng kinh Kim Cang hay Tâm Kinh đều nói về loại nghĩa Không này, nhưng thiếu mất “chủng chủng Không tận”!

Sau đây cần nói đến Bất Không. Bởi khi tường tận giảng nói cái Không cho chúng sanh, đoạt mất cái Thấy của họ khiến họ cảm thấy không nắm bắt được điều gì. Nếu càng chấp trước thì càng tai hại bởi khi chỗ chấp trước bị đoạt mất, họ cảm thấy sinh mạng cũng không còn. Cho nên mười tám pháp Không nói ở trên, không chỉ pháp là không mà ngay cả pháp Không đó cũng là không. Không đến cùng là không cái gì? Ví như nói tu “thức vô biên xứ”, “vô sở hữu xứ”, “phi phi tướng xứ”, khi tu những loại định này, cái nhập vào chính là Không. Chúng ta nói cái Không này không chân thật, là giả, cái

Không này là Bất Không, cái không này cũng làm chúng trống không, đem cái dụng “năng không” cũng phải làm cho trống không.

Mười tám cái Không này, chúng ta không giải thích từng cái một. Ý nghĩa tổng thể là xem tất cả thế gian pháp đều không, bởi cái này có tính chấp, xuất thế gian pháp cũng là không. Mọi người đọc tụng kinh Kim Cang, Phật nói với ngài Tu Bồ Đề quả vị chứng đắc của nhị thừa không phải là thật, niết bàn của họ cũng là giả, không chỉ cái đó là giả mà niết bàn mà Phật chứng cũng không phải chân thật.

Vậy cái gì là chân thật? “Nhất thật pháp giới” thì không phải là không. Nếu như quán sát thì xa lìa mọi khiếp nhược, không còn cảm thấy lo sợ. Đạo lí này không chỉ phá chấp cho phàm phu, mà cả nhị thừa cũng vậy. Tôi thành đạo cho đến pháp quán đánh mà chúng ta tu, tức thân thành Phật, có cái là Phật năng thành, có cái là Phật sở thành, đây hoàn toàn thuộc về chấp trước. Vốn dĩ không có đạo có thể thành, cũng không có chúng sanh có thể độ. Cho nên Phật nói, nếu nói tôi có pháp để nói, người đó hành tà kiến. Trong kinh Kim Cang không phải là nói như vậy hay sao? Phải phá chấp như thế. Thế còn khiếp nhược điều gì? Còn thời gian dài ngắn sao? Còn tướng chu chuyển pháp giới ư? Đều chẳng có. Có nhiều chúng sanh có thể giải thích được ý nghĩa này hay không? Bởi vì một cái không, ngược lại cho tất cả Phật pháp đều không, như vậy thì không học cũng được. Chúng ta thực sự đã phát sanh cái loại sự tình này!

Trong “tam luận thể không” được giảng ở Phật học viện tại Mân Nam thì “tam luận” chỉ cho “trung luận”, “bách luận” và “thập nhị môn luận”. Trong luận nói rằng tất cả pháp đều không tồn tại, và lại còn nói về duyên sanh vô tánh, vô tánh là không. Khi giảng về nghĩa Không thì tiểu hòa thượng không lên lớp nữa, thậm chí còn nói xuất gia cũng không có ý nghĩa, tôi còn cầu cái gì? Bởi cầu cả nửa ngày cũng là không. Đây là nghe pháp khởi lên tác dụng phụ. Chúng ta làm rất nhiều sự việc đều sẽ khởi tác dụng phụ, cần đạt đến cái không có gì để đạt, khiến họ chứng không nghĩa cũng như không chứng, cho đến cũng không cần tu các loại công đức. Nếu như nghe nói dâm nô si cũng là Phật tánh, họ liền không muốn xuất gia nữa, tôi trở về nhà an bề gia thất, bởi đó cũng là Phật tánh. Đây là sai lầm lớn rồi. Đây là phá chấp trước của nhị thừa. Cái ý nghĩa tất cả pháp đều không là đối với người đã chứng được nghĩa Không. Đối với người sơ học thì không được.

Quyển thượng của kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo thì chẳng phải không vậy. Nếu chân thật chứng đắc được không nghĩa thì điều đó không tồn tại. Sở dĩ chúng ta vẫn phải chiêm sát, bởi chúng ta mê hoặc không lí giải được, chiêm sát luân tương của quyển thượng nói mười pháp giới vẫn hiển nhiên tồn tại. Nhập vào nhất thật cảnh giới, nhị chúng quán hạnh là đối với hàng Bồ Tát mà nói. Đương cơ chúng lúc này bất đồng nên mới có thể thâm nhập. Phía trước chúng ta giảng là cho những người mới nhập Phật môn, đều muốn đạt được một chút gì đó. Ví như học Phật là muốn tiêu tai miễn nạn, gia đình bình an. Sơ khởi nhất là mục đích này, nên phải dạy họ công đức của bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định. Đây là thiện ác nghiệp báo mà phía trước chúng ta đã giảng nói. Thiện có thiện báo, ác có ác báo, nhưng điều đó không phải là cứu cánh, nếu nói đến cứu cánh là nửa bộ sau.

Phải tu ba nghiệp thanh tịnh, dùng chiêm sát luân để ba nghiệp thân khẩu ý được thanh tịnh. Như thế nghe đến nghĩa không hay nghe tất cả pháp mới có thể sơ lược lĩnh hội được nhất thật cảnh giới, mới có thể đạt được trí huệ. Nếu chưa nghe qua tiền đề phía trước, vừa mới họ liền nghe đến Không nghĩa, thì không thể tránh khỏi bị đoạn diệt. Đoạn diệt rồi thì không có Phật đạo có thể thành, cũng không có chúng sanh có thể độ, cũng không có cái gọi là ác. Điều này rất nguy hiểm. Đoạn diệt sẽ rơi vào ngoan không, đoạn diệt cái thấy, rơi vào địa ngục vẫn chẳng mất cái không. Người ta đánh bạn hai bạt tai, tâm sân hận liền nổi lên, điều này chẳng phải không. Nếu thật là không thì không có tướng ta, tướng người. Trước phải không có thân tâm, sau mới có thể nhập vào nhất thật cảnh giới.

Chỗ này tôi giảng nhiều hơn một chút, mọi người phải đặc biệt chú ý từ cửa “Hữu” mà thâm nhập vào, đây là cảnh giới thâm sâu. Chiếu theo phân vị mà nói thì không phải là việc của chúng ta. Chúng ta chưa làm được bởi chúng ta chưa khởi được diệu dụng của nó. Giống như nước ta, tất cả đều là của nhân dân, nhân dân làm chủ. Những lời này nói không sai, bất cứ một quốc gia dân chủ nào cũng đều là nhân dân làm chủ. Mọi người suy nghĩ cụ thể một chút, chúng ta đều là nhân dân, bất kể họ ở đất nước nào, chúng ta đều là nhân dân. Người người cùng với Phật giống nhau, đều đầy đủ như Phật. Nhưng chúng ta bị phiền não trói buộc nên không giải thoát được, không đạt được tự tại. Bạn nói tôi là Phật, là Bồ Tát, nhưng cả ngày phiền não đầy đầy. Hai ba câu không vừa ý là tranh cãi kịch liệt đến

đỏ mặt tía tai. Đây là “khẩu đàm không nghĩa, tâm tại hữu trung-miệng nói nghĩa không nhưng tâm chấp tại cái có”, làm mọi việc đều thấy có. Đây vẫn là từ cửa “Hữu” mà thâm nhập! Có một loại chúng sanh không thể lí giải được ý tứ mà Như Lai nói nên khởi lên tánh khiếp nhược. Tuy cũng nghe pháp, cũng học pháp, nhưng đối với nghĩa lí thậm thâm mà chư Phật nói không lí giải được, nghe giảng cũng không hiểu. Họ nhận quán đánh thọ mật chú, nói rằng vừa học liền thành tựu, tôi không tin. Cho dù là hiểu thông tam tạng kinh, hay nói chỉ khi hiểu hết nghĩa tông tri của chú, mới có thể có thọ dụng. Chú này phải niệm đến trình độ “như tri” mới có công đức lớn. Nếu như hoàn toàn không hiểu, thì chú ngữ còn có tác dụng gì? Tôi nói chẳng phải khai ngộ, mà là sai lầm. Sai lầm này là do cái thấy biết có sai lệch, chẳng biết phải trải qua bao nhiêu kiếp a!

Tất cả chúng sanh không hiểu được ý nghĩa mà Như Lai nói. Ngôn ngữ của Thiền đều không có thật nghĩa, càng cân nhắc suy xét trên mặt ngôn ngữ thì càng cách xa thật nghĩa. Vậy lìa ngôn ngữ sao? Như thế càng không hiểu rõ! Chỉ cần không chấp trước trên câu chữ là được. Phật giúp chúng ta đối với tất cả pháp không chấp trước. Không phải một hai tiếng đồng hồ là có thể giảng xong bộ kinh Chiêm sát, để mọi người đều khai ngộ, không dễ dàng như vậy. Điều này cần phải dựa trên sự tư duy của bản thân và nương vào Phật lực gia trì khiến nghiệp chướng dần dần tiêu trừ. Khi chính mình khai ngộ liền thấu suốt, lúc đó sẽ biết mình phải làm gì, hơn nữa, làm xong cũng không chấp trước. Không tội không chướng, nhưng phải có trí huệ, trong “tâm kinh” không phải có những câu này hay sao?

“Bồ Đề Tát Đỏa y bát nhã ba la mật đa cố, tâm vô quái ngại, vô quái ngại cố, vô hữu khủng bố, viễn li điên đảo mộng tưởng, cứu cánh niết bàn.”

Phải nương theo bát nhã ba la mật đa, tất phải có trí huệ. Chúng ta hành bố thí, hành từ bi hỷ xả, nếu không có trí huệ thì không được. “Hữu huệ phương tiện giải, vô huệ phương tiện phược”, cũng như chúng ta đọc tiểu thuyết Tế Công. Tế Công làm lợi ích cho chúng sanh, nhưng chúng ta không làm được. Ăn thịt chó uống rượu là tạo tội nhưng ngài thì có thể, tại sao? Vì Tế Công có trí huệ, đã giác ngộ. Nếu chưa khai trí tuệ mà dùng phương tiện, nếu dùng sai thì không được. Tất cả Phật pháp đều như vậy. Tế Công có thể làm nhưng bạn thì không thể, bởi bạn không chứng đến trình độ đó.

Câu này ý nói, khi công phu chưa đủ, gieo luân tương phải kết hợp điều phía sau và phía trước. Tuy nhiên gieo không chấp trước vào chiêm sát luân tương. Nếu là tốt thì y theo đó mà làm, nếu là không tốt thì tôi cũng tu như vậy, cũng niệm như thế, tức dù thế nào cũng vẫn lễ Địa Tạng sám. Tu tập pháp sám này, cho dù có tướng tốt tôi cũng không hoan hỉ, có tướng không tốt tôi cũng không buồn phiền, đây là nghiệp báo. Tuy nhiên tôi sẽ dùng phương pháp trì danh để chuyển hóa nó, làm thế nào để chuyển hóa? Câu này ý nói, lễ bái, tụng kinh, niệm Phật, trì tụng đều phải dụng tâm. Tâm chuyển thì tất cả pháp đều chuyển. Cảm ứng được là tự mình cầu, tự mình ứng. Đạo lí này rất sâu.

Chúng ta một lần nữa lại giảng Địa là tâm địa, Tạng là tánh tạng, căn cứ vào đây để lí giải ngôn ngữ của Như Lai, cho nên không có tâm khiếm nhược, dù trải qua ba mươi (三十) đại a tăng kì kiếp cũng không quan hệ, bởi thời gian là không nhất định.

當知如來言說旨意者，所謂如來見彼一實境界故，究竟得離生老病死眾惡之法，證彼法身常恒清涼不變等無量功德聚。復能了了見一切眾生身中，皆有如是真實微妙清淨功德，而為無明闇染之所覆障，長夜恒受生老病死無量眾苦。如來於此起大慈悲意，欲令一切眾生離於眾苦，同獲法身第一義樂。而彼法身，是無分別離念之法。唯有能滅虛妄識想不起念者，乃所應得。但一切眾生，常樂分別取著諸法，以顛倒妄想故而受生死。是故如來為欲令彼離於分別執著想故，說一切世間法，畢竟體空無所有乃至

一切出世間法，亦畢竟體空無所有。若廣說者，如十八空如是顯示一切諸法，皆不離菩提體。

Đương tri Như Lai ngôn thuyết chỉ ý giả, sở vị Như Lai kiến bỉ nhất thật cảnh giới cố, cứu cánh đắc li sanh lão bệnh tử chúng ác chi pháp, chúng bỉ pháp thân, thường hằng thanh lương, bất biến dị đẳng vô lượng công đức tụ, phục năng liễu liễu kiến nhất thiết chúng sanh trung, giai hữu như thị chân thật vi diệu thanh tịnh công đức, nhi vi vô minh ám nhiễm chi sở phúc chướng, trường dạ hằng thọ sanh lão bệnh tử vô lượng chúng khổ, ý dục linh sử nhất thiết chúng sanh li u chúng khổ, đồng hoạch pháp thân đệ nhất nghĩa lạc. Nhi bỉ pháp thân, thị vô phân biệt li niệm chi pháp. Duy hữu năng diệt hư vọng thức tướng, bất khởi niệm giả, nãi sở ứn đắc. Đãn nhất thiết chúng sanh, thường nhạo phân biệt thủ trước chư pháp, dĩ điên đảo vọng tưởng cố như thọ sanh tử. Thị cố Như Lai vi dục linh bỉ li u phân biệt chấp trước tướng cố, thuyết nhất thiết thế gian pháp tất cảnh thể không vô sở hữu, nãi chí nhất thiết xuất thế gian pháp, diệt tất cảnh thể không vô sở hữu. Nhược quảng thuyết giả, như thập bát không. Như thị hiển kì nhất thiết chư pháp, giai bất li bồ đề thể.

(Nên biết ý chỉ trong lời nói của Như Lai rằng cái thấy của Như Lai là nhất thật cảnh giới, rốt ráo xa lìa các ác pháp như sanh lão bệnh tử, chúng được pháp thân thường hằng thanh lương bất biến và quy tụ vô lượng công đức. Lại có thể thấy rõ trong thân tất cả chúng sanh, đều có công đức thanh tịnh vi diệu chân thật như vậy, nhưng vì vô minh ám nhiễm che mờ, cho nên đem dài thọ khổ sanh già bệnh chết... vô lượng khổ. Do vậy Như Lai khởi tâm đại từ bi muốn chúng sanh rời mọi sự khổ, đồng được sự vui đệ nhất nghĩa đế của pháp thân. Mà pháp thân này là pháp không phân biệt, rời tất cả mọi ý niệm. Duy chỉ người có thể diệt trừ hư vọng, không khởi niệm tướng mới có thể được tương ứng. Nhưng tất cả chúng sanh thường thích phân biệt, chấp trước các pháp, vì điên đảo vọng tưởng nên phải thọ sanh tử. Vì thế cho nên Như Lai muốn họ xa lìa phân biệt chấp trước nên nói tất cả thế gian pháp, cứu cánh thể không, vô sở hữu cho đến tất cả pháp thế gian, cũng rốt ráo thể không, vô sở hữu. Nếu nói rộng ra như mười tám pháp không. Sự hiển thị tất cả pháp như vậy đều không tách rời bồ đề thể.)

Phía dưới là nói “Nhu Lai ngôn ngữ chỉ ý”. “Chỉ ý” cứu cánh trong lời nói của Nhu Lai là gì? “Chỉ ý” chính là tại tướng nhất thật cảnh giới đạt được sự liễu giải rốt ráo. Bởi khi đạt đến cứu cánh thì những pháp như sanh lão bệnh tử đều không còn, đều là huyền tướng hư vọng. Huyền tướng gì? Là huyền tướng của pháp thân, không còn những huyền tướng như sanh lão bệnh tử sao? Điều này rất thanh lương, vĩnh viễn không thay đổi; còn sanh lão bệnh tử thì sự biến đổi.

Loại cảnh giới tướng này trên kinh Lăng Nghiêm, Phật hỏi vua Ba Tư Nặc rằng: “Bao nhiêu tuổi bệ hạ nhìn thấy sông Hằng?” Vua trả lời: “Lúc ba tuổi, mẹ đưa con đi, con liền được thấy sông Hằng.” Đức Phật hỏi: “Hiện tại bệ hạ bao nhiêu tuổi?” Nhà vua đáp: “Hiện tại con 60 tuổi”. Đức Phật nói: “Sông Hằng bệ hạ nhìn thấy lúc ba tuổi và sông Hằng nhìn thấy lúc sáu mươi tuổi có thay đổi gì không?” Vua thưa: “Con thấy không có gì thay đổi”. Bởi vì tốc độ biến hóa này dùng mắt thịt của phàm phu chúng ta để so tính thì không nhìn ra có sự thay đổi. Kì thực mỗi niệm nó đều có thay đổi. Nước của một niệm trước đã chảy qua, nước tiếp đó chẳng phải là nước mà chúng ta nhìn thấy, làm sao có thể vẫn là nước lúc trước chứ? Nhà vua cho rằng không có biến đổi, kì thực sông Hằng hiện tại nhìn thấy đó, hình dáng hai bên bờ cũng đã thay đổi. Thế nhưng trên kinh không phải chứng minh cho điều này, mà chứng minh cho cái thấy không thay đổi. Bất kể là vật chất biến đổi ra sao thì cái thấy cũng không thay đổi.

Ví như chúng ta nhìn thấy một ngọn núi, nhìn thấy một dòng sông, lúc còn nhỏ tuổi thấy và hiện tại đã sáu, bảy mươi tuổi lại đến xem ngọn núi, dòng sông đó cảm thấy không có gì thay đổi. Bởi vì tốc độ thay đổi quá chậm, không nhìn ra được. Nếu như là hai người bạn khác nhau, khi hai mươi tuổi gặp anh ta, đến năm bảy mươi tuổi lại gặp lại, có thể là không nhận ra, mức độ thay đổi rất nhanh. Đây là nói tắt cả sự vật đều luôn đang thay đổi, chỉ là nhanh hay chậm mà thôi; có cái thay đổi rất hiển nhiên, có thể dùng cái nhìn để phân biệt được. Nhưng cái thể của pháp thân vĩnh viễn thanh lương không thay đổi. Nhiều người nhìn thấy tướng cảnh giới không giống nhau.

Ở Ngũ Đài Sơn, chúng ta đều thấy gió thổi rất mạnh, nhưng đến sau tháng tám, cả ngày đều phủ đầy tuyết trắng, rất hoang vắng. Tuy nhiên nếu là cái nhìn của Bồ Tát hoặc của hành giả tu đạo thì nơi đây đều là vàng ròng, là thế giới kim sắc. Giống như Ngũ Đài Sơn có lúc được gọi là Thanh Lương Bảo Sơn, tại sao? Vì Bồ Tát Văn Thù tại đó thuyết pháp.

Phật có đầy đủ vô lượng tánh công đức là do tu mà có, nhưng sau khi thành đạo, đức Phật Thích Ca Mâu Ni xem thấy mỗi chúng sanh đều có đủ công đức. Điều này không phải nói chúng ta tu vô ích ư? Không phải vậy. Tu mới có thể hiện lộ ra cái mà chúng sanh vốn sẵn có đủ, do vậy cũng không có chỗ đắc. Cho nên trong kinh Kim Cang nói đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề là cái thấy hư vọng. Trên thực tế thì không pháp có thể đắc. Cho nên nói trong thân chúng sanh kiến lập nên công đức của Chư Phật, trong pháp thân không có tồn tại sanh lão bệnh tử, nhưng chúng ta ở đang trong vọng nên thấy có sanh lão bệnh tử. Tất cả công đức thù thắng của chư Phật, Địa Tạng Bồ Tát, Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, Quán Thế Âm Bồ Tát đều tốt, trong pháp thân chúng ta đều đầy đủ, nhưng chúng ta một chút cũng không thấy, đây là do chúng ta bị chướng ngại, chướng ngại gì? Là do vọng trần tạo thành chướng ngại, không chứng được chân tâm. Chúng ta không chứng được nhất chân pháp giới, không tương ứng. Thuận theo cái khổ của sanh lão bệnh tử, bị vô lượng khổ bức bách trói buộc, không nhận thấy được.

Khi đàm đạo cùng các đạo hữu khác, nếu tâm tôi tiếp nhận được nhanh, cảnh giới này cũng không có gì tốt, cũng không thấy có gì xấu, mà đối đãi một cách bình đẳng. Như thế này thì mới có chút tương tự, vẫn không thể nói là chứng đắc, chỉ có thể nói là tương tự. Người tương tự như vậy rất ít phiền não, đó cũng là dần dần nhập pháp thân. Đây có thể nói là “danh tự giác”. Chứng được danh tự này, dần dần được tương tự, tức được minh bạch. Hiện tại vẫn chưa minh bạch, tuy nhiên do điều tương tự này mà sau dần dần, từng chút từng chút cho đến cứu cánh minh bạch. Bởi chúng sanh không minh bạch điều này, ngay cả “tên gọi” hay “tương tự” cũng không biết, ngay cả phát tâm cũng chưa từng, liền dẫn khởi tâm đại bi của chư Phật Bồ Tát, muốn giúp chúng sanh thoát được những thống khổ này. Nghĩ muốn đắc được đệ nhất nghĩa của pháp thân thì trước phải rời vọng niệm phân biệt, tiêu trừ hết vọng tưởng, liền có thể đạt được. Đây chính là lúc mới đầu tu duy tâm thức quán. Không sai, quán hạnh này nếu không đạt đến ba nghiệp thanh tịnh thì thật không dễ dàng gì đạt được tương ứng.

“Nhất thiết chúng sanh thường nhạo phân biệt thủ trước chư pháp”, chữ “nhạo” này có nghĩa là vui thích. Trong tâm thích nhất là cái gì? Chính là chấp trước phân biệt. Chấp thủ tướng, kể danh tự tướng, khởi lên nghiệp mê hoặc, xong rồi liền biến nghiệp, nghiệp này

trói buộc các khổ. Cho nên chúng sanh hoan hỉ nắm giữ tất cả pháp. Dùng tư tưởng để phán đoán đúng hay sai, tuy không thanh sạch nhưng họ lại cho nó là thanh sạch. Giống như chúng ta đổ mồ hôi, hoặc lao động một chút nên dính bùn đất. Chúng ta liền đến phòng tắm, tắm rửa sạch sẽ. Nếu có thể đem chân tâm, ruột gan ra tẩy rửa thì càng sạch sẽ hơn, nhưng lại không thể lấy ra được, cứ coi như có thể lấy ra thì vẫn rơi vào ma chướng.

Trong năm mươi loại ám ma có loại ám ma này. Có hành giả cách một lớp da bắt trùng từ trong bụng ra. Nếu như cho rằng đây là thần thông thì chính là ma sự. Đây gọi là nội ma, không phải thiên ma quỷ thần bên ngoài. Bản thân tự cho rằng mình đã thành tựu, đây là một trong mười loại sắc ám ma. Có rất nhiều hành giả cho rằng cảnh giới thần thông hiện là hư vọng, trong pháp thân không có những cái này, tuy nhiên họ vẫn rất thích những điều này.

Giống như hiện tại chúng ta tu pháp du già, có thể đẩy cái cốc nơi này đi, có thần thông rất ghê gớm, đây chỉ là hư vọng điên đảo, nguyên nhân gì? Khí công không phải là thật mà là giả, chẳng qua là dùng nội lực kết hợp với ngoại lực mà được, đây chỉ là dụng công chứ không phải chân thật. Trên Đại Lục, Nghiêm Tân tại Đại Học Thanh Hoa biểu diễn thành công nhưng đến Hồng Kông liền thất bại. Nguyên nhân là gì? Bởi đó là hư vọng phân biệt, nhưng chúng sanh thích điên đảo. Tất cả thế gian pháp đều là Không. Những biến hóa ở đây là pháp hí lộng, thuật hí lộng. Nhà ảo thuật để sẵn dưới cái chăn nỉ một con chim bồ câu, đừng coi nó là thật. Cho nên phía trước nói mười tám cái Không chính là hiển thị tất cả pháp đều không li khai thể, không phải có, cũng chẳng phải không, đó là chẳng phải có, chẳng phải không, chẳng phải không có, chẳng phải không không.

菩提體者；非有，非無、非非有，非非無、非有無俱，非一、非異、非非一、非非異、非一異俱，乃至畢竟無有一相而可得者。

Bồ đề thể giả, phi hữu phi vô, phi phi hữu, phi phi vô, phi hữu vô câu, phi nhất, phi dị, phi phi nhất, phi phi dị, phi nhất dị câu, nãi chí tất cánh vô hữu nhất tướng nhi khả đắc giả.

(Bồ đề thể là chẳng phải có, chẳng phải không, chẳng phải không có, chẳng phải không không, chẳng phải cũng có cũng không, chẳng phải một, chẳng phải khác, chẳng phải một lần khác, cho đến cứu cánh không có một tướng mà có thể đắc.)

Đây là tứ cú. Tất cả pháp đều “li tứ cú, tuyệt hữu vô”, chính là nói như vậy, nghĩ như vậy, làm như vậy, đều không đúng. Rốt ráo không có một tướng có thể đắc, những cái này đều là nương theo danh mà lập, đây gọi là hí luận, mỗi câu nói đều là hí luận.

以離一切相故，離一切相者，所謂不可依言說取，以菩提法中，無有受言說者，及無能言說者故。又不可依心念知，以菩提法中，無有能取可取，無自無他，離分別相故。若有分別想者，則為虛偽，不名相應。如是等說。

Dĩ li nhất thiết tướng cố, dĩ li nhất thiết tướng giả, sở vị bất khả y ngôn thuyết thủ, dĩ bồ đề pháp trung, vô hữu thọ ngôn thuyết giả, cập vô năng ngôn thuyết giả cố, hựu bất khả y tâm niệm tri, dĩ bồ đề pháp trung, vô hữu năng thủ khả thủ, vô tự vô tha, li phân biệt tướng cố. Nhược hữu phân biệt tướng giả, tắc vi hư ngụy, bất danh tương ứng. Như thị đẳng thuyết.

(Vi là tất cả tướng, là tất cả tướng là không chấp trước vào ngôn thuyết. Trong pháp bồ đề thì không có người được nghe và không có người có thể nói. Lại không thể nương vào tâm niệm mà biết. Trong bồ đề pháp không có cái có thể nắm giữ và pháp được giữ, không có mình, không có người, rời tướng phân biệt. Nếu người muốn phân biệt thì là hư ngụy, không gọi là tương ứng. Như vậy mà nói.)

Người nói thì nói rằng những gì mình nói ra là không, trong quá khứ cũng không có. Cho dù được ghi lại cũng không phải là chân thật, có thể được ghi lại làm sao bảo là không thật chứ? Những lời này giống như không dễ lí giải. Có người hỏi tôi lời này, tôi nói rằng “bảo là lửa cũng không phải là lửa”. Vậy lửa không phải là lửa thì là cái gì? Nói lửa nêu là lửa thì lửa đốt cháy miệng rồi; nói lửa chính là lửa thì không phải đốt người cháy rụi hay sao? Nói nước cũng không phải là

nước; nếu nói nước chính là nước thì vĩnh viễn sẽ không khát. Đây chỉ là ví dụ để hình dung. Nhân đó mà tư duy “không có người thọ, cũng không có người đấng”, không có cái “năng thọ” và “sở thọ”, cũng không có cái “năng thuyết” và “sở thuyết”, thế y theo tâm niệm để biết ư? Cũng không y theo tâm niệm mà biết, không có năng tri và sở tri, không có tướng tự, cũng không có tướng tha, không có tướng cộng “bất cộng bất vô nhân, thị cố thuyết vô sanh. *(Các pháp không thể vừa tự nó sanh ra vừa do cái khác sanh ra. Cộng sanh là vừa tự sanh vừa tha sanh, vì vậy nên ta biết tự tánh của các pháp là vô sanh)*”.

“Nhân duyên sở sanh pháp, ngã thuyết tức thị không”, chẳng qua ý nghĩa ở đây hoàn toàn chẳng phải một năm, hai năm mà chúng ta có thể học thấu triệt được. Phải hiểu rõ đạo lí này. Một là học “Đại Trí Độ Luận”, xem qua một lần thấy hay, liền đem những đạo lí này xem đi xem lại nhiều lần, chỉ cần không cảm thấy chán phiền thì mới có thể thấu rõ. Hai là từ phương “có” mà bắt tay vào, “Du Già Sư Địa Luận” cũng học. Nếu không học hai bộ luận trên thì không thể hiểu được đạo lí này, vả lại ngoài hai bộ luận này còn có những bộ luận phụ trợ khác như Nhiếp Đại Thừa Luận, Thành Duy Thức Luận, là những bộ Phật học viện đều giảng mỗi ngày. Cho nên mọi người chúng ta đều phải học. Tuy nhiên vẫn có nhiều đạo hữu trong tâm không quá hứng thú. Chúng ta một tuần học hai tiếng đồng hồ cũng quá tốt rồi, một ngày học hai tiếng, ngày ngày đều học thì không được! Bạn phải học vài năm mới có thể hiểu được những thuật ngữ này, lại hiểu rõ nghĩa lí, sau đó vừa tụng kinh vừa tùy văn mà nhập quán, tụng đến kinh Kim Cang nói “vô nhân tướng”, “vô ngã tướng”, “vô chúng sanh tướng”, “vô thọ giả tướng”. Tất cả mọi pháp đều không. Tuy nhiên cái Không này không phải là đoạn diệt, mà vẫn có công đức của chư Phật, chúng sanh vẫn là không liễu giải được!

Phải tích thiện nghiệp. Thiện quả này có thể giúp bạn đạt đến cái Không, rất nhanh tiêu trừ được ác nghiệp, do vậy phải tùy thời hành thiện, là thiện xuất thế gian. Chẳng phải làm chút việc thiện thế gian, cái gì là không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm. Điều này vẫn chưa đủ, cần phải thâm nhập, tức không có phân biệt. Phạm là có tướng phân biệt đều là hư vọng, liền không tương ưng. Chúng ta làm một sự việc gì đều phải học một loại kĩ thuật, tùy tiện chọn một ngành nào, ví như may y phục cũng phải trải qua ba năm khổ công, không chỉ học mà còn phải trải qua thực tiễn, những kĩ thuật thông thường đều phải trải qua những quá trình này. Nếu như muốn nhập Phật môn,

nhập vào vô thượng pháp môn, điều này lại càng thêm khó, đây không phải là những tri thức thông thường.

鈍根眾生不能解者，謂無上道如來法身，但唯空法，一向畢竟而無所有。其心怯弱，畏墮無所得中。或作斷滅想作增減見，轉起誹謗，自輕輕他。我即為說，如來法身自性不空，有真實體，具足無量清淨功業。從無始世來，自然圓滿，非修非作。乃至一切眾生身中，亦皆具足，不變不異，無增無減。如是等說，能除怯弱，是名安慰。又復愚癡堅執眾生，聞如是等說，亦生怯弱。以取如來法身本來滿足，非修非作想故，起無所得相而生怯弱。或計自然，墮邪倒見。

Độn căn chúng sanh bất năng giải giả, vị vô thượng đạo Như Lai pháp thân đãn duy không pháp, nhất hướng tất cánh nhi vô sở hữu, kì tâm khiếp nhược, úy đạo vô sở đắc trung, hoặc sanh đoạn diệt tướng, tác tăng giảm kiến, chuyển khởi phỉ báng, tự khinh khinh tha. Ngã tức vì thuyết Như Lai pháp thân, tự tánh bất không, hữu chân thật thể, cụ túc vô lượng thanh tịnh công nghiệp. Tòng vô thủy thể lai, tự nhiên viên mãn, phi tu phi tác, nãi chí nhất thiết chúng sanh thân trung, diệt giai cụ túc, bất biến bất dị, vô tăng vô giảm. Như thị đẳng thuyết, năng trừ khiếp nhược, thị danh an ủi. Hựu phục ngu si kiên chấp chúng sanh, văn như thị đẳng thuyết diệt sanh khiếp nhược, dĩ thủ Như Lai pháp thân bản lai mãn túc, phi tu phi tác tướng cố, khởi vô sở đắc tướng nhi sanh khiếp nhược, hoặc kế tự nhiên, đạo tà đảo kiến.

(Chúng sanh độn căn không thể lí giải được, cho rằng vô thượng đạo và pháp thân Như Lai chỉ là pháp không, nhất hướng cứu cánh và vô sở hữu. Tâm họ khiếp nhược, sợ rơi vào chỗ vô sở đắc. Hoặc sanh ra ý niệm đoạn diệt, khiến cái thấy có tăng có giảm, sanh

tâm phi báng, khinh mình chê người. Tôi liền vì họ nói pháp thân Như Lai tự tánh chẳng không, thể vốn chân thật, đầy đủ vô lượng công đức thanh tịnh. Từ đời vô thủy đến nay tự nó viên mãn, không tu không tác. Cho đến trong tất cả thân chúng sanh cũng đều đầy đủ, không đôi không khác, không tăng không giảm. Cách nói như vậy có thể trừ khiếp nhược, nên được gọi là an ủi. Lại gặp chúng sanh nghi hoặc chấp trước kiên cố, nghe nói như vậy cũng sanh tâm khiếp nhược. Vì pháp thân Như Lai vốn viên mãn, chẳng phải tu chẳng phải tác tướng cho nên khởi tướng vô sở hữu mà sanh tâm khiếp nhược, hoặc so tính tự nhiên rơi vào tà kiến điên đảo.)

Địa Tạng Bồ Tát rất hiểu rõ tâm của chúng sanh. Thuyết như vậy chúng sanh nhất định sẽ hiểu sai, cho rằng pháp thân có hình dáng gì? Pháp thân là trống không, chẳng có, đã không có thì chúng ta còn học làm gì? Liền sanh khởi cái nhìn khiếp nhược, không đạt được nghĩa chân thật, đây là chỉ cho độn căn, không thể lí giải được pháp thân vô thượng của Như Lai, chính là rơi vào đoạn diệt hoặc tăng giảm. Lúc chúng sanh đoạn phiền não, có vẻ như phiền não giảm, tăng trưởng công đức. Trong ba mươi hai tướng giống như không có phiền não, đây gọi là cái thấy tăng giảm, liền rơi vào phi báng pháp đại thừa. Đồng thời rơi vào đoạn diệt cái không thì bản thân đối với tất cả thiện căn của chính mình cũng không thừa nhận. Tu thiện pháp có tác dụng gì? Là Không! Là Giả! Rất nhiều đồng học đều nói như vậy. Giả ư, đừng có gạt tôi! Biết được một mặt của Không, vẫn còn một mặt khác của Không! Chúng sanh nói “có” thì chấp vào có; nói “không” lại chấp vào không. Bạn nói cách này, họ liền chấp vào cách này. Tại sao đức Phật lại nói tám vạn bốn ngàn pháp? Đâu cần phải nói nhiều như thế! Nói đến cái này liền chấp vào cái này, nói đến cái kia liền tu cái kia. Chúng sanh một khi rơi vào không kiến thì càng dễ sanh khởi tà kiến.

Địa Tạng Bồ Tát nói mình là người khéo an ủi, nhưng nếu rơi vào kiến giải sai lầm này, ngài liền nói với họ rằng Như Lai chẳng phải không. Cái gì là thể chân thật của pháp thân Như Lai? Là bố thí, trì giới, nhẫn nhục, thiền định, trí huệ; nên hoàn toàn chẳng phải không, có thể viên mãn thành tựu Phật quả. Nhưng không phải tác ý mà có được, nơi đó vốn viên mãn đầy đủ. Đây là Địa Tạng Bồ Tát dùng một phương pháp xảo diệu mà nói, khiến chúng sanh đạt được lợi ích, không còn tâm lo sợ, được an ổn.

Không phải nói Địa Tạng Bồ Tát là người khéo nói lời an ủi sao? Có thể khéo nói làm chúng sanh được an ổn. Nếu không đạt được điều này thì lấy chiêm sát luân ra chiêm sát xem xét! Làm sao đoạn trừ ác nghiệp, làm sao sanh thiện nghiệp, đảm bảo cho bạn không đọa địa ngục, không đọa ba đường ác thì tốt. Tại trong nhân đạo, thiên đạo mà từ từ tu hành. Nếu một đời không được thì hai đời, ngược lại không đọa vào địa ngục, vĩnh viễn tu hành trong an lạc, không thọ khổ. Tuy nhiên, vấn đề từ hai phương diện mà nói, Phật pháp là quán chiếu từng mặt từng mặt. Tám vạn bốn ngàn pháp môn nói như vậy cũng là chấp trước một chút. Một chút khổ không chịu được thì sao có thể tu hành thành tựu.

Lại có nhiều người ngu si, kiên trì chấp trước không xả, đem pháp thân Như Lai biến thành cái gì rồi? Loại “không tu” “không tác” lại “không có chỗ đắc” không phải tự nhiên sao? Cách nhìn nhận này là sai, chẳng phải tự nhiên. Tất cả pháp đều do tâm chúng sanh sanh ra, tâm sanh thì tất cả pháp sanh, tất cả pháp sanh thì tâm sanh, tất cả pháp diệt thì tâm diệt. “Tâm sanh tất chủng chủng pháp sanh, tâm diệt tất chủng chủng pháp diệt”. Chúng ta nhiều lần tu quán như vậy, khi quán lâu rồi thì hoàn toàn hiểu rõ. Cứu cánh viên mãn bồ đề chính là Phật quả bồ đề, đắc vô sở đắc, nhân vì vô sở đắc mới có thể vô sở dụng, dụng vô sở dụng, nói thế này không thể kia, không có cái đắc có thể đắc được viên mãn. Ý nghĩa này rất thâm sâu, tựa như vô sở đắc là rất ghê gớm, vậy Phật cùng tất cả chúng sanh được độ, đó không phải là sở đắc hay sao? Ở đây lại không có tướng đắc, đắc không có tướng đắc, không phải là tự nhiên, tự nhiên là tà kiến điên đảo, trong này có rất nhiều sai sót.

Trong Phật giáo chúng ta nói thân Phật và thân chúng sanh là bình đẳng không hai không khác, là viên mãn tròn đầy. Chúng ta vốn dĩ là Phật thì không cần mượn việc tu tập ư? Nếu chúng ta không mượn việc tu tập thì làm sao có thể đắc? Nhưng trong kinh Duy Ma Cật và kinh Lăng Nghiêm đều nói như vậy? “Hà tạ cù lao, khăng khản tu chúng”. Không mượn việc tu chúng thì không cần phải khổ cực vất vả, đây là vì muốn hiển lộ cái giác, hiển lộ cho người nhị thừa. Giả sử không đoạn kiến tư hoặc, không tu thì liền thọ khổ; muốn không thọ khổ thì bổn sự phải lớn, phải chân thật có thành tựu. Mượn dâm nộ si mà có thể thấy được pháp thân, có thể làm được sao? Chỉ là nói hay nói giỏi mà thôi, thật sự không dễ làm.

Kinh Hoa Nghiêm nói trong một vi trần chuyển đại pháp luân, mười phương chư Phật trong lỗ chân lông chúng ta có thể chuyển pháp luân! Cảm thấy có làm được không? Lời nói thì rất dễ nhưng tuyệt đối không ấn chứng được. Có nhiều người học xong giáo nghĩa viên đốn rồi liền học dâm nô si. Bạn xem thấy họ cưới vợ sinh con, họ nói họ tu kim cương giới a! Họ tự xưng là Như Lai, liền phải đọa xuống địa ngục. Ai xuống? Ai làm? Chính mình làm. Đây gọi là phá kim cương giới.

Cho nên Địa Tạng Bồ Tát muốn chúng ta tu học hồi phục lại giới định huệ; có thể rơi vào “có”, mà không rơi vào “không”. Rơi vào không thì không thể không đọa xuống địa ngục; còn rơi vào “có” thì nhiều nhất thì từ từ tu hành là được, vẫn có thể đoạn được kiến hoặc, nhưng rơi vào không thì không đắc được! Ví như nếu tôi mạo nhận là tổng thống hoặc thủ tướng thì tôi sẽ bị bắt. Đây là điều không thể mạo phạm. Tuy nhiên chúng ta đều là công dân, mỗi người một thân phận. Hiện tại chức vụ chấp hành thì bất đồng. Chẳng lẽ đến chỗ vua Diêm La nói rằng tôi cùng ngài là bình đẳng, ngài không thể bắt tôi, không thể đưa tôi vào hầm lửa, cũng không thể đưa tôi lên núi đao, tôi không nghe theo ngài đâu. Diêm vương nói, nếu anh có bản lĩnh khiến cho núi đao hầm lửa biến hóa, tự nhiên liền không phải thọ khổ, nếu không thay đổi được thì phải thọ nhận. Huyền hóa “không thân” tức “pháp thân”, ngay đó có thể chứng được pháp thân là không sai, nhưng đây là lí, trên sự vẫn phải làm cho được. Loại tà kiến điên đảo này, Địa Tạng Bồ Tát lại vì họ nói.

**我即為說，修行一切善法，增長滿足，生如來色身，
得無量功德清淨果報。**

Ngã tức vi thuyết, tu hành nhất thiết thiện pháp, tăng trưởng mãn túc, sanh Như Lai sắc thân, đắc vô lượng công đức thanh tịnh quả báo.

(Tôi liền vì những chúng sanh đó nói tu hành tất cả thiện pháp, tăng trưởng đầy đủ, sanh ra sắc thân Như Lai, được quả báo thanh tịnh công đức vô lượng).

Đây cũng là giáo nghĩa viên tu của viên giáo, gọi là một tu thì hết thấy tu, tu thiện pháp tức không lìa tất cả thiện pháp, pháp pháp đều là Như Lai, là vô sở đắc đã nói phía trước, liền có thể đối trị

những tà tri tà kiến này, cũng có thể phá trừ ngã niệm. Niệm một câu chú liền thành Phật là không thể, dù khiến thành Phật rồi cũng không thể thuyết pháp, có thể thuyết pháp tất phải nói được tất cả ba tạng mười hai bộ tất cả Phật pháp.

如此等說，令離怯弱，是名安慰。

Như thử đẳng thuyết, linh li khiếp nhược, thị danh an ủi.

(Nói như vậy khiến chúng sanh xa lìa khiếp nhược, đây gọi là an ủi.)

Làm tất cả thiện pháp cho họ, tăng trưởng đầy đủ, sanh sắc thân Như Lai, như vậy mới đúng, phải nỗ lực tu thiện pháp, thì có thể xa lìa được sanh tử, đạt được an lạc.

「而我所說甚深之義，真實相應，無有諸過，以離相違說教。故云何知離相違相。」

Nhi ngã sở thuyết thậm thâm chi nghĩa, chân thật tương ứng, vô hữu chư quá, dĩ li tương vi thuyết cố. Vân hà tri li tương vi tương?

(Những nghĩa lí thậm thâm mà ta nói chân thật tương ứng, không có các lỗi, bởi là tương trái ngược mà thuyết giáo nghĩa. Cho nên làm thế nào biết tương là khỏi tương trái ngược.)

Địa Tạng Bồ Tát nói: Pháp nghĩa thậm thâm mà tôi nói tương ứng với pháp thân chân thật, không tương ứng với sai trái. “Tương vi” chính là trái ngược lẫn nhau, giống như phía trước nói “có và không”; “có” tức “không” thì lìa tương trái ngược. Làm thế nào để không trái, làm thế nào để lìa? Trên nghĩa kinh có sự phân chia nhất định. Trên kinh nói không sanh không diệt, không uế không tịnh, làm như thế nào mới có thể gọi là không tăng không giảm? Dùng lí thể pháp thân để nói, như nói đức Phật thành tựu vô lượng tánh công đức, có thể làm lợi ích cho tất cả chúng sanh, đó là từ trong chúng sanh mà nói, dùng sự tăng giảm ở đây để chỉ cho sự trái ngược lẫn nhau. Pháp thân vốn là bình đẳng; tu tức không tu, cùng với nguồn gốc xưa nay của chúng sanh vốn là một dạng. Họ tu cái gì? Tu cho chướng ngại không còn, chướng ngại có hình dạng thế nào? Không thể thấy được. Vốn là do vọng tâm tạo ra, đợi đến khi vọng tâm biến thành chân tâm thì chướng

ngại liền không còn. Tất cả chướng ngại cũng không có hình tướng. Vấn đề trong tâm chúng ta khi suy xét minh bạch rồi thì cái suy xét đó cũng không còn tồn tại. Buổi tối nằm mộng, mộng thấy rất nhiều sự việc, tiếp xúc với rất nhiều người, nhưng một cái cũng không thật tồn tại, cũng không có sự việc này! Chẳng có việc này thì sao? Bất kể là bạn cùng họ nói chuyện vui vẻ cả nửa ngày hay lúc nào thì đi tới nơi nào đều là mộng, là giả. Hiện tại nếu đời này hết, khi đã hiểu rõ rồi, cũng chính là tỉnh mộng rồi, liền biết cuộc đời cũng chỉ như nằm mộng. Đối với người tỉnh mà nói, họ rất rõ ràng minh bạch, hiểu được những gì đã nói cũng thấy đều là lời nói trong mộng.

所謂如來法身中，雖復無有言說境界，離心想念，非空非不空。乃至無一切相，不可依言說示。而據世諦幻化因緣假名法中，相待相對，則可方便顯示而說。以彼法身性，實無分別，離自相，離他相，無空無不空，乃至遠離一切諸相故，說彼法體為畢竟空無所有。

Sở vị Như Lai pháp thân trung, tuy phục vô hữu ngôn thuyết cảnh giới, li tâm tướng niệm, phi không phi bất không, nãi chí vô nhất thiết tướng, bất khả y ngôn thuyết thị, nhi cứ thể để huyễn hóa nhân duyên, giả danh pháp trung, tương đãi tương đối, tắc hả phương tiện hiển kì nhi thuyết. Dĩ bỉ pháp thân, thật vô phân biệt, li tự tướng, li tha tướng, vô không, vô bất không, nãi chí viễn li nhất thiết chư tướng cố, thuyết bỉ pháp thể vi tất cánh không vô sở hữu.

(Trong pháp thân của Như Lai, tuy lại không có cảnh giới ngôn ngữ, li xa tâm tướng ý niệm, chẳng phải không mà cũng chẳng phải không không. Cho đến không có tất cả tướng, không thể nương vào lời nói mà biểu thị, mà căn cứ vào nhân duyên huyễn hóa của thể để giả gọi là đối đãi trong pháp thì có thể dùng phương tiện hiển thị để nói. Vì tánh của pháp thân này thật không phân biệt, li tự tướng, li tha tướng, chẳng phải không, chẳng phải chẳng không, cho đến rời xa tất cả mọi tướng, nói thể của pháp này là cứu cánh không, vô sở hữu.)

Ở đây là mượn tên một pháp để thuận tiện hiển thị. Phật nói không có ngôn thuyết nhưng lại chẳng thể không nói; bởi không nói thì chúng sanh không cách gì thâm nhập, phải dùng phương tiện. Địa Tạng Bồ Tát liền dùng phương tiện thiện xảo này để giảng thuyết. Nửa bộ trước là dạy chúng ta gieo luân tương, có hoài nghi đều có thể gieo luân tương, liền hiển thị nói cho chúng ta. Tuy nhiên biết được nửa bộ trước cũng phải lí giải được nửa bộ sau. Đó chỉ là pháp phương tiện, không phải chân thật. Thể tánh của pháp thân thực tại không có phân biệt, cũng không có tương tự hay tương tha, cũng không có cái gì gọi là không, cũng chẳng có cái gì gọi là chẳng không. Cái không này và sở hữu chỉ đều là phân biệt mà thôi.

以離心分別，想念則盡。無一相而能自見自知為有。

是故空義決定真實，相應不謬。

Dĩ li tâm phân biệt tương nhi năng tự kiến tự tri vi hữu, thị cố không nghĩa quyết định chân thật, tương ứng bất mậu.

(Rời tâm phân biệt thì niệm tương tất diệt tận. Không có một tương nhưng có thể tự thấy tự biết là có. Cho nên không nghĩa tuyệt đối là chân thật, tương ứng không hư dối.)

Cái này mới có thể tương ứng cùng không nghĩa chẳng hư dối, cái phía trước đó là hư ngụy. Dùng một cái hư ngụy, một cái không hư ngụy, hai cái đối chiếu lẫn nhau. Đây chính là chẳng phải không nghĩa của Như Lai tạng tánh. Nếu là pháp thân của tạng tánh thì bất không. Tạng tánh công đức của Như Lai đối với loại căn cơ nào thì nói những danh từ như thế. Đối với bộ kinh này thì gọi là chân như; bộ kinh kia thì không gọi là chân như, mà gọi là Như Lai tạng tánh, bởi vì nghĩa lí hiển lộ là không tương đồng.

復次，即彼空義中，以離分別妄想心念故，則盡畢竟無有一相而可空者。以唯有真實故，即為不空。所謂離識想故，無有一切虛偽之相。畢竟常恒，不變不異。以更無一相可壞可滅，離增減故、又彼無分別實體之處，從無始

世來，具無量功德自然之業，成就相應，不離不脫故，說為不空。

Phục thứ, tức bỉ không nghĩa trung, dĩ li phân biệt vọng tưởng tâm niệm cố, tắc tận tất cánh vô hữu nhất tướng nhi khả không giả, dĩ duy hữu chân thật cố, tức vi bất không, sở vị li thức tướng cố, vô hữu nhất thiết hư nguy chi tướng, tất cánh thường hằng, bất biến bất dị, dĩ canh vô nhất tướng khả hoại khả diệt, li tăng giảm cố. Hựu bỉ vô phân biệt thật thể chi xử, tòng vô thủy thể lai, cụ vô lượng công đức, tự nhiên chi nghiệp, thành tự tương ứng, bất li bất thoát cố, thuyết vi bất không.

(Lại nữa trong nghĩa không đó, do tâm lìa khỏi phân biệt vọng tưởng thì tận cùng, rốt ráo không có một tướng nào có thể không. Vì duy chỉ có sự chân thật tức là chẳng phải không. Cái gọi là lìa thức tướng chính là không có tất cả tướng hư nguy, rốt ráo thường hằng, không biến không đổi. Vì càng không có một tướng nào có thể hoại có thể diệt, lìa sự tăng giảm. Lại nữa, chỗ không phân biệt này của thật thể từ đời vô thủy đến nay, có đầy đủ vô lượng chủng tử công đức tự nhiên, đạt được sự tương ứng, không thoát lìa, cho nên nói là bất không).

Cái gì gọi là không? Chính là vô niệm, tức là rốt ráo không có một tướng có thể đặc. Có tướng nào có thể đặc không? Không có! Duy chỉ có sự chân thật. Giống như kinh Hoa Nghiêm nói pháp pháp đều không, tùy tiện lấy ra một pháp nào thì thể của nó đều đầy cả pháp giới. Kinh Hoa Nghiêm không giảng cái “không” mà nói cái “có”. Tuy nhiên cái có này là cái có bất khả tư nghì. Trong một lỗ chân lông Phật Thích Ca Mâu Ni chuyên đại pháp luân! Chính là nói trong một lỗ chân lông trong thân chúng ta. Không phải lỗ chân lông biến thành một pháp giới, dung chứa được chư Phật tại nơi đó chuyên đại pháp luân sao? Đây không phải là không nghĩa sao? Nhưng con người lại chẳng phải không, bởi vì chúng sanh suy cho cùng có lỗ chân lông nhưng cái có này lại chẳng phải có. Nghĩa lý thậm thâm vi diệu này chỉ bậc địa thượng Bồ Tát mới chứng đắc được, có thể biết nhưng lại không thể nói được nghĩa thâm sâu này.

Lúc trước tôi cãi nhau với mọi người, tôi nói tôi không quá tin tưởng lịch sử. Mọi người hỏi tại sao? Có nhiều chỗ đáng tin, nhưng có

nhieu chỗ không thể tin. Đừng nói quá khứ cho dù là hiện tại cũng có nhiều nơi chúng ta không biết.

Lữ Hậu làm sao có thể lừa Hàn Tín đến cung Vị Ương để giết, lịch sử không ghi chép. Hiện tại so với xã hội trước đây phát sinh rất nhiều sự việc không biết được. Đây vẫn là xã hội dân chủ, nhưng trong dân chủ vẫn có cái không dân chủ! Có nhiều việc về sau mới biết được, hội nghị Posdam phân chia thế giới, chúng ta có biết không? Chính người tham gia cũng không biết, chỉ có vài người đứng đầu mới biết được.

Có rất nhiều sự tình chúng ta không biết, đừng nói việc lớn cho dù việc nhỏ cũng không biết. Một ngày xảy ra rất nhiều sự việc, đều có thể biết được sao ư? Cứ cho là lịch sử quá lâu xa, nhưng việc dưới mí mắt cũng không biết được. Hãy vận dụng đầu óc đếm xem lông mày có bao nhiêu? Có thể biết được không? Dù thông minh cũng không xong; tục ngữ nói “thông minh ngược lại bị thông minh hại”. Chúng ta chỉ có thể nói không biết. Không biết thì nói không biết, không thật sự biết, nghe người ta nói một cách phiến diện, truyền bá đi có khi cũng sai lầm.

**如是實體功德之聚，一切眾生雖復有之。但為無明
瞋覆障故，而不知見，不能剋獲功德利益。與無莫異。**

Như thị thật thể công đức tích tụ, nhất thiết chúng sanh tuy phục hữu chi, dãn vi vô minh ê phúc chương cố, nhi bất tri kiến, bất năng khắc hoạch công đức lợi ích, dĩ vô mặc dị.

(Công đức tích tụ như thế của thật thể, tất cả chúng sanh đều có. Nhưng vì vô minh che mờ nên không thấy biết được, không thể giữ gìn công đức lợi ích đó, vì vậy cũng chẳng khác gì không có.)

Làm sao để đến an ủi chúng sanh, phải diệt trừ những niệm tưởng hư vọng, tu tập như vậy thì có được chỗ đắc. Đây chính là nói Địa Tạng Bồ Tát là người khéo an ủi. Giống như Địa Tạng Bồ Tát ngày ngày đều nguyện “địa ngục bất không, thế bất thành Phật”. Địa ngục nào có chứ? Nếu địa ngục không có thì lời thế đó còn ý nghĩa gì nữa? Có cái gì chẳng phải không? Địa ngục vốn dĩ không có, thế ngài còn nói cái gì là thành Phật và không thành Phật chứ? Đây đều là phương tiện thiện xảo mà thôi. Không phải thật thể pháp thân này của chúng ta tích tụ công đức, tuy tất cả chúng sanh vốn dĩ sẵn có nhưng

bị vô minh nghiệp chướng làm chướng ngại, nên không biết, cũng không nhìn thấy được, do vậy không thể giữ gìn lợi ích công đức. Như vậy thì khác gì chẳng có.

說名未有。以不知見彼法體故，所有功德利益之業，非彼眾生所能受用，不名屬彼。唯依遍修一切善法，對治諸障，見彼法身，然後乃獲功德利益。是故說修一切善法生如來色身。

Thuyết danh vị hữu. Dĩ bất tri kiến bỉ pháp thể cố. Sở hữu công đức lợi ích chi nghiệp, phi bỉ chúng sanh sở năng thọ dụng, bất danh chúc bỉ. Duy y biến tu nhất thiết thiện pháp, đối trị chư chướng, kiến bỉ pháp thân, nhiên hậu nãi hoạch công đức lợi ích, thị cố thuyết tu nhất thiết thiện pháp, sanh Như Lai sắc thân.

(Nên được gọi là chưa có. Do vì không thấy biết được pháp thể nên tất cả việc công đức lợi ích chúng sanh đó không thể thọ nhận, nên mới nói không thuộc về họ. Duy chỉ có riêng tu tất cả thiện pháp, đối trừ mọi chướng ngại, kiến được pháp thân này, sau đó mới có thể đạt được công đức lợi ích. Cho nên mới nói tu tất cả thiện pháp thì thành tựu sắc thân của Như Lai.)

Mỗi chúng sanh đều có “thê” của pháp thân, nhưng nếu không đủ để sanh khởi tác dụng thì cũng bằng không. Điều này giống như nói ngân hàng là của nhân dân, nhưng chẳng ai có thể lấy từ đó ra một phân tiền. Người dân là người dân, không được vào đó lấy tiền. Nếu không cảnh sát sẽ bắt bạn, nói rằng bạn cướp ngân hàng, có phải như vậy không? Nói rằng tôi là Phật, là Phật gì? Là Phật hồ đồ, Phật này thì không được rồi, bởi không có sự thọ dụng, vậy phải làm sao? Phải tu hành. Duy chỉ có nương vào tu hành tất cả thiện pháp, tu hành thiện pháp đối trừ tất cả nghiệp chướng, thấy được pháp thân, công đức lợi ích này liền thuộc vào bạn. Do vậy phải tu tất cả thiện pháp, thành tựu pháp thân Như Lai.

Chư Phật Bồ Tát thuyết pháp, đó cũng là tâm từ bi của các Ngài. Nếu không hiểu kinh văn thì phải học từng tầng từng tầng nghĩa; cũng như khi ăn hành tỏi, phải bóc từng lớp của nó, như thế mới có thể ăn. Muốn quả tim nhưng ngay cả lớp da cũng không ăn được thì mùi vị

của nó cũng không đúng rồi, tất phải bóc từng lớp từng lớp. Thuyết pháp cũng là hiển lộ dần từng tầng nghĩa, không phải một lúc mà có thể hiển lộ hết, bởi không thể hiểu được hết ý nghĩa của nó. Giảng về cái Không nói cả nửa ngày vẫn là “chẳng phải không”. “Chẳng phải không” thì vẫn phải hành tất cả pháp để đối trị và trừ sạch mọi chướng ngại; tu tốt tất cả pháp để thành tựu sắc thân Như Lai. Nhất định phải hiểu rõ điểm này, pháp thân của Như Lai và pháp thân của chúng ta là như nhau; nhưng sắc thân cùng với thân chúng sanh không giống nhau. Sắc thân này là do chư Phật Bồ Tát tu tập công đức thiện pháp mà thành tựu. Giống như chúng ta có thiện có ác, nếu như không có thiện thì không thể tích tụ lại học tập; trên thân chúng ta cũng có ác nghiệp nên mới đầy đủ sanh lão bệnh tử. Tuy là hòa thượng cũng có cầu bất đắc khổ, ví như ngôi miếu tu hành cũng không xây dựng được, những việc cầu mà không được thì đặc biệt nhiều, mỗi một người đều có cái cầu bất đắc khổ, nếu muốn cầu được thì phải tu tất cả thiện pháp thì mới có thể đạt được; đợi đạt được rồi mới biết rằng: Ôi! Nếu tôi biết điều này thì tôi không tu, tại sao? Đạt được cũng như không. Đây chính là ý nghĩa “tức tu tức không” của chư Phật.

善男子！如我所說甚深之義，決定真實。離相違過，當如是知。」

Thiện nam tử! Như ngã sở thuyết thâm thâm chi nghĩa, quyết định chân thật, li tướng vi quá, đương như thị tri.

(Thiện nam tử! Nghĩa lí thâm thâm như tôi nói tuyệt đối là chân thật. Li tướng đối nghịch, nên biết điều này.)

Những nghĩa lí thâm sâu mà tôi nói, những đạo lí chân thật này không có sai trái tương phản, duy chỉ có tất cả thiện pháp thuận với tánh công đức của Như Lai thì không có mâu thuẫn với pháp thân.

爾時地藏菩薩摩訶薩說如此等殊勝方便深要法門時

Nhĩ thời, Địa Tạng Bồ Tát ma ha tát thuyết như thử đẳng thù thắng phương tiện thâm yếu pháp môn thời.

(Lúc này, khi ngài Địa Tạng Bồ Tát ma ha tát thuyết pháp môn trọng yếu thù thắng như vậy rồi.)

Chính là nói lợi ích của việc giải và hành, là nói đi nói lại về nhất thật cảnh giới và nhị chủng quán hạnh.

有十萬億眾生發阿耨多羅三藐三菩提心，

Hữu thập vạn ức chúng sanh, phát a nậu đa la tam miệu tam bồ đề tâm,

(Có mười vạn ức chúng sanh phát tâm a nậu đa la tam miệu tam bồ đề.)

Có rất nhiều phải không? Mười vạn ức phát tâm bồ đề vô thượng chánh đẳng chánh giác.

住堅信位。 住 堅 信 位。 住 堅 信 位 (giữ vững tín vị)

Giữ lòng tin kiên định, chứng được thập tín vị, lần lượt thấy lí, đây là chỉ cho thập trụ, thập hạnh, thập hồi hướng.

復有九萬八千菩薩得無生法忍。

Phục hữu cửu vạn bát thiên Bồ Tát đắc vô sanh pháp nhẫn.

(Lại có chín vạn tám ngàn Bồ Tát đạt được vô sanh nhẫn)

Đây là Bồ Tát đã phát đại tâm, hành Bồ Tát đạo, chứng được vô sanh pháp nhẫn, chứng được thập địa. Tuy nhiên không phải hoàn toàn, có người đắc một phần, có người được hai phần, có người được ba phần, chứng đắc không đồng nhau.

一切大眾，各以天妙香華，供養於佛，及供養地藏菩

薩摩訶薩。

Nhất thiết đại chúng các dĩ thiên diệu hương hoa cung dưỡng Phật, cập cung dưỡng Địa Tạng Bồ Tát ma ha tát.

(Tất cả đại chúng mỗi mỗi đều dùng hương, hoa trời vi diệu cúng dường chư Phật và cúng dường Địa Tạng Bồ Tát ma ha tát.)

Đây là sau khi nghe pháp.

爾時佛告諸大眾言：「汝等各各應當受持此法門，隨所住處，廣令流布。所以者何？」

Nhĩ thời Phật cáo chư đại chúng ngôn: “Nhữ đẳng các các ưng đương thọ trì thử pháp môn. Tùy sở trụ xứ, quảng linh lưu bố. Sở dĩ giả hà?”

(Lúc đó Phật nói với chư đại chúng rằng: “Ông cùng với mỗi người hãy nên thọ trì pháp môn này, tùy theo nơi cư trú mà khiến cho kinh này được lưu bố rộng rãi. Tại sao như vậy?”)

Đại chúng thọ trì là tự mình lãnh thọ và tu “nhất thật cảnh giới, nhị chủng quán hạnh”. Vẫn phải tu vì vẫn chưa được cứu cánh thành Phật, đạt đến cứu cánh mới đạt đến không trụ vào việc tu nữa. Chỉ là không được tu cho riêng mình, phải lưu bố rộng rãi tại nơi mình cư trú. Nếu như đại chúng đã nghe kinh Địa Tạng phải thuyết cho người xung quanh, người không tin trước tiên phải dẫn dắt cho họ tin.

如此法門，甚為難值

*Như thử pháp môn, thậm vi nan trị
(Pháp môn như vậy rất là khó được gặp)
Giống như pháp môn này rất khó gặp được.*

「能大利益。

Năng đại lợi ích (có thể được lợi ích lớn).
Đây chính là không nói kinh, cũng chẳng nói pháp gì.

「若人得聞彼地藏菩薩摩訶薩名號，及信其所說者，當知是人，速能得離一切所有諸障礙事，

Nhược nhân đắc văn bỉ Địa Tạng Bồ Tát ma ha tát danh hiệu, cập tín kì sở thuyết giả, đương tri thị nhân tốc năng đắc li nhất thiết sở hữu chư chướng ngại sự.

(Nếu người nào nghe được danh hiệu của Địa Tạng Bồ Tát ma ha tát và tin những gì Bồ Tát nói, nên biết người đó nhanh chóng xa lìa tất cả mọi sự chướng ngại)

Đừng nói là được nghe pháp Bồ Tát nói, chỉ cần nghe đến danh hiệu của Địa Tạng Bồ Tát, sẽ càng thâm nhập tin sâu những pháp Bồ Tát nói, có thể được lợi ích gì?

疾至無上道

Tất chí vô thượng đạo.
(Tất đến đạo vô thượng)

Như thế liền có thể thành Phật. Đây không phải là quyền giáo, mà là đối với thật giáo Bồ Tát mà nói, ý nói nửa bộ sau của kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo đều là viên đốn giáo. Có người nói pháp môn Địa Tạng là giáo pháp tiểu thừa. Tôi không đồng ý. Ý nghĩa mà chúng ta nghe được từ nửa bộ sau của kinh này, giáo pháp tiểu thừa không thể nào thâm sâu được như vậy; phải là đại thừa Bồ Tát phát tâm đại bi mới có thể nghe vào. Nửa bộ trước đều có thể; tuy nhiên không thể phân tách bộ kinh ra, cho nên có thể nhanh chóng đạt đến đạo vô thượng.

於是大眾皆同發言：「我當受持，流布世間，不敢令忘。」

Ư thị đại chúng giai đồng phát ngôn: “Ngã đương thọ trì, lưu bố thế gian, bất cảm linh vong”.

(vì thế đại chúng đều cùng phát nguyện rằng: “Nay con nguyện thọ trì, lưu hành thế gian, chẳng dám để quên”).

Con sẽ khiến bộ kinh này vĩnh viễn lưu bố khắp thế gian, chúng ta đều nên thọ trì.

爾時堅淨信菩薩摩訶薩白佛言：

Nhĩ thời Kiên Tịnh Tín Bồ Tát ma ha tát bạch Phật ngôn:
(Lúc đó ngài Kiên Tịnh Tín Bồ Tát ma ha tát bạch Phật rằng:)

Kiên Tịnh Tín Bồ Tát là người đại biểu cho chúng sanh đời vị lai thỉnh pháp, đến chỗ này kết thúc, ngài liền hỏi Phật.

世尊！如是所說六根聚修多羅中，名何法門？此法真要，我當受持。令末世中，普皆得聞。」

“Thế tôn, như thị sở thuyết lục căn tụ tu đa la trung, danh hà pháp môn? Thử pháp chân yếu, ngã đương thọ trì, linh mật thế trung phổ giai đắc văn.”

(Kính bạch Thế Tôn! Những điều được nói trong Lục Căn Tụ Tu Đa La này được gọi là pháp môn gì? Pháp quan trọng chân thật này con nguyện thọ trì, khiến cho đời sau khắp đều được nghe.)

“Tu Đa La” chính là khế cơ, khế hợp với căn cơ chúng sanh. Bộ kinh khế hợp với lí luận của chư Phật này gọi là gì? Có thể gọi là Lục Căn Tụ không? Chúng ta nên thọ trì pháp này, nhưng chúng ta phải khiến cho chúng sanh đời vị lai đều được nghe kinh này. Đức Phật nên đặt tên cho bộ kinh này. Cuối mỗi một bộ kinh, người thỉnh pháp đều muốn chư Phật nói tên của bộ kinh, bởi vì mỗi bộ kinh đều có nhiều tên, nên phải thỉnh Phật nói, tên như thế nào mới là hoàn chỉnh.

佛告堅淨信菩薩：「此法門名為占察善惡業報。亦名消除諸障增長淨信，亦名開示求向大乘者進趣方便，顯出甚深究竟實義，亦名善安慰說，令離怯弱，速入堅信決定法門。

Phật cáo Kiên Tịnh Tín Bồ Tát: “Thử pháp môn danh vi Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, diệc danh Tiêu Trừ Chư Chương Tăng Trưởng Tịnh Tín, diệc danh Khai Thị Cầu Hướng Đại Thừa Giả Tiến Thủ Phương Tiện, Hiện Xuất Thâm Thâm Cứu Cảnh Thật Nghĩa, diệc danh Thiện An ủy Thuyết, Linh Li Khiếp Nhược, Túc Nhập Kiên Tín Quyết Định Pháp Môn.

(Phật nói với Kiên Tịnh Tín Bồ Tát rằng: “Pháp môn này tên là Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, cũng gọi là Tiêu Trừ Chư Chương

Tăng Trưởng Tịnh Tín, còn gọi là Khai Thị Cầu Hường Đại Thừa Giả Tiến Thú Phương Tiện, Hiện Xuất Thâm Thâm Cứu Cảnh Thật Nghĩa, còn gọi Thiện An ủy Thuyết Linh Li Khiếp Nhược Tốc Nhập Kiên Tín Quyết Định Pháp Môn”.)

Tên của pháp môn này là “*Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo Kinh*”. Một tên gọi khác là “*Tiêu Trì Chư Chướng Tăng Trưởng Tịnh Tín*”, đem tất cả chướng ngại đều tiêu trừ khiến chúng ta sanh khởi thanh tịnh tín tâm; đây lại là một tên; vẫn còn có một tên nữa là “*Khai Thị Cầu Hường Đại Thừa Giả Tiến Thú Phương Tiện*”. Địa Tạng Bồ Tát khai thị cho chúng ta cầu đại thừa, làm sao để hướng đến đại thừa và thành tựu đại thừa. Làm sao một pháp môn phương tiện hiện thị ra thâm thâm thật nghĩa, đây lại là một tên gọi khác. Còn gọi là “*Thiện An ủy Thuyết*” tên gọi này rất ít nghe nói, Địa Tạng Bồ Tát là người khéo nói pháp an ủi, có thể khéo thuyết pháp để an ủi, thấy chúng sanh không dám phát đại tâm, khiếp nhược, đối với đạo lí thâm sâu liền sanh tâm lo sợ, không dám dũng mãnh tu tập, yếu đuối bạc nhược. Sau khi được Địa Tạng Bồ Tát khéo nói pháp an ủi mới có thể nhanh chóng thâm nhập pháp môn. Tuy rằng tên gọi rất nhiều nhưng thông dụng vẫn là *Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo Kinh*. Trong tạng kinh có bộ “*Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo Kinh*” này.

依如是名義，汝當受持

Y như thị danh nghĩa, như đương thọ trì.

(Ông y theo nghĩa này mà phải nên thọ trì).

Những tên gọi phía trên, muốn dùng bất cứ tên nào đều được, nên theo đó mà thọ trì.

佛說此法門名已，一切大會，悉皆歡喜，信受奉行。

Phật thuyết thử pháp môn danh dĩ, nhất thiết đại hội, tất giai hoan hỷ, tín thọ phụng hành.”

(Phật nói tên pháp môn này xong, tất cả đại hội đều hoan hỷ, tín thọ phụng hành.)

Hàm nghĩa này mọi người đều hiểu được.

Quyển hạ hết.